

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Trình độ: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: LUẬT KINH TẾ

Mã ngành: 7380107

THANH HÓA, NĂM 2023

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức nhiệm kỳ 2019-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét Tờ trình số 65/TTr-ĐHHĐ ngày 03/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc mở ngành trình độ đại học; Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng trường tại phiên họp ngày 19/3/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua chủ trương mở ngành mới 03 ngành trình độ đại học, cụ thể:

- 1) Luật kinh tế (mã số 7380107);
- 2) Quản trị khách sạn (mã số 7810201);
- 3) Truyền thông đa phương tiện (mã số 7320104).

Điều 2. Nghị quyết được Hội đồng trường thông qua tại phiên họp và có hiệu lực kể từ ngày ký; Giao Hiệu trưởng căn cứ Nghị quyết này tổ chức thực hiện

Kế hoạch mở mới ngành đào tạo: Luật kinh tế (mã số 7380107); Quản trị khách sạn (mã số 7810201); Truyền thông đa phương tiện (mã số 7320104), theo các quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức chịu trách nhiệm thực hiện Quyết nghị này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HĐT. *th*

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Lê Viết Báu

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học *Luật kinh tế, mã số 7380107*, gồm các ông/bà có tên sau: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban xây dựng Đề án có trách nhiệm lập kế hoạch, xây dựng Đề án hoàn thành trước tháng 4 năm 2023, trình Bộ GD&ĐT phê duyệt mở ngành đào tạo; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Kế hoạch-Tài chính, Trường khoa Lý luận chính trị- Luật và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH

Ban xây dựng Đề án mở ngành Luật kinh tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHĐ ngày /02/2023 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	Ông Hoàng Nam	Phó Hiệu trưởng	Trưởng Ban
2	Ông Lê Văn Minh	TK. LLCT - Luật	Phó Trưởng Ban
3	Ông Đậu Bá Thìn	TP. QLĐT	Ủy viên
4	Bà Lê Thị Minh Huệ	TP. KHTC	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Dung	TP. TC-HC-QT	Ủy viên
6	Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phó trưởng BM Luật	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó trưởng BM Luật	Ủy viên
8	Bà Trương Thị Hà	CV. phòng QLĐT	Ủy viên
9	Bà Phan Thị Thanh Huyền	GV. khoa LLCT - Luật	Ủy viên, Thư ký

(Ấn định danh sách này có 09 người)./.

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hồng Đức	1
1.2. Giới thiệu về khoa Lý luận chính trị - Luật	4
1.3. Khái quát chung về năng lực đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức	7
PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	12
2.1. Nhu cầu nguồn lực trình độ cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế tại Thanh Hoá -	12
2.2. Kết quả đào tạo trình độ Đại học ngành Luật tại trường Đại học Hồng Đức	14
2.3. Lý do mở ngành đào tạo cử nhân Luật kinh tế	14
PHẦN 3: ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
3.1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng soạn thảo Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế	
3.2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế	
3.3. Biên bản thẩm định Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế	
3.4. Quyết định phê duyệt và ban hành Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế	
3.5. Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế	
I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH	17
III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH	17
IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	22
V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP	26
VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN	26
VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	282
VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	282
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	283
4.1. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo	283
4.2. Đội ngũ giảng viên để tổ chức đào tạo ngành Luật kinh tế	284
4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	290
4.4. Cơ sở vật chất trang thiết bị, thư viện phục vụ cho chương trình đào tạo Luật kinh tế -	294
4.5. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Luật kinh tế	297
4.6. Biện pháp quản lý rủi ro trong mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Luật kinh tế	298
PHẦN 5. PHỤ LỤC VÀ MINH CHỨNG	
5.1. Phụ lục 3. Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	
5.2. Lý lịch khoa học	
5.3. Báo cáo kết quả xây dựng đề án mở ngành Luật kinh tế trình độ Đại học	
5.4. Quyết định về việc mở ngành Luật kinh tế trình độ Đại học tại trường Đại học Hồng Đức	

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hồng Đức

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hồng Đức

Địa chỉ: Số 565, đường Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá

Điện thoại: (0237).3910.222

Fax: (0237).3910.475

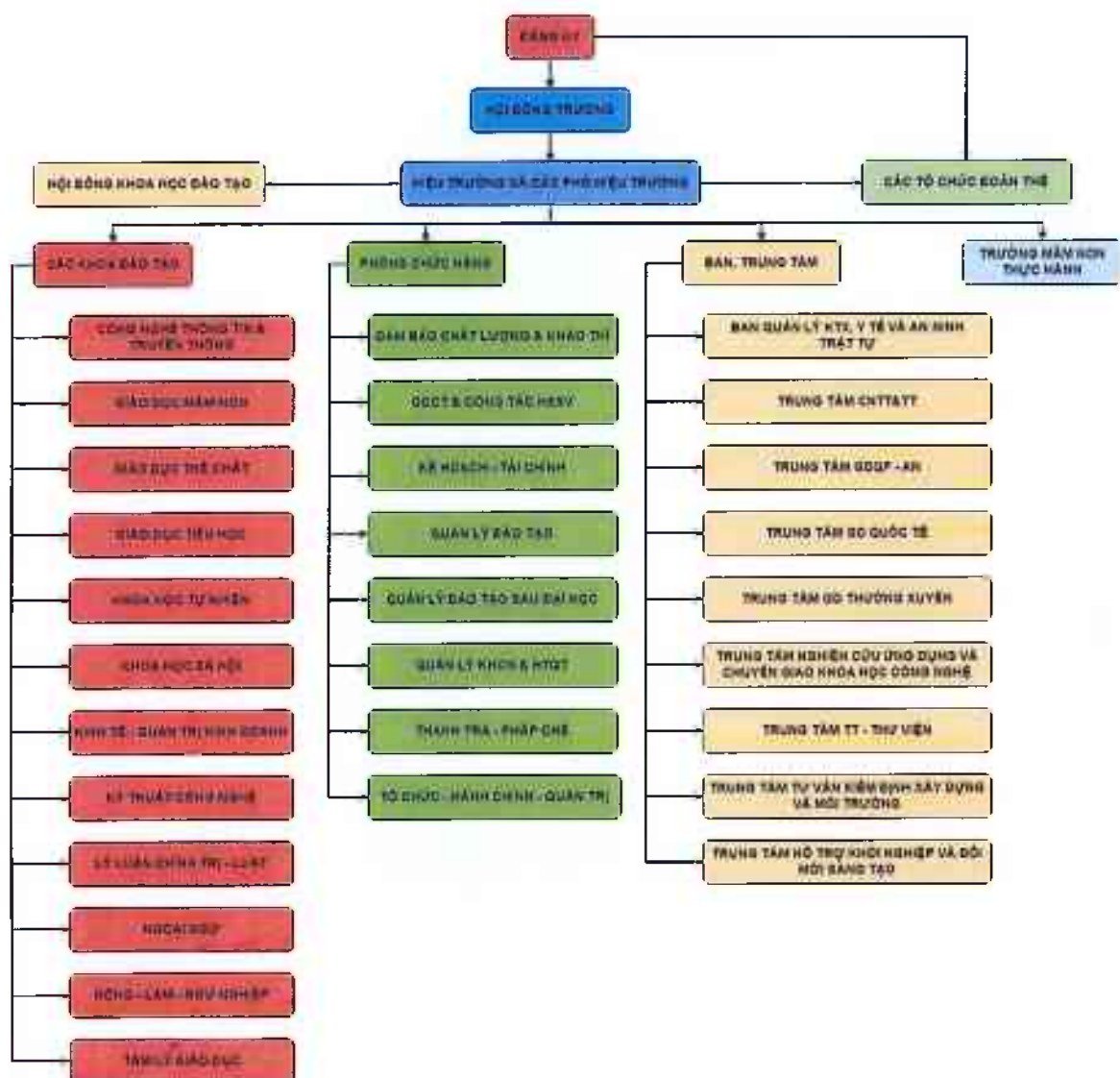
Website: www.hdu.edu.vn

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và đào tạo, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, cao đẳng, thuộc các lĩnh vực khoa học giáo dục, công nghệ, kỹ thuật, kinh doanh quản lý và nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, trường Đại học Hồng Đức đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Trải qua quá trình 25 năm xây dựng và phát triển với quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 10.000 đến 11.000 sinh viên, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao. Trường Đại học Hồng Đức đã có những bước phát triển mạnh và bền vững cả về đội ngũ cán bộ giảng viên, ngành nghề đào tạo, bậc, hệ đào tạo, quy mô tuyển sinh và cơ sở vật chất kỹ thuật; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao; hoạt động nghiên cứu khoa học không ngừng được mở rộng, góp phần phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước.

Về cơ cấu tổ chức: Tổ chức bộ máy của Nhà trường thường xuyên được rà soát, kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định Nhà nước có liên quan; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, hoặc bỏ sót về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Mô hình quản trị Nhà trường gồm: Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn; 30 đơn vị thuộc và trực thuộc (trong đó 12 khoa, 8 phòng, 8 trung tâm, 1 ban và 1 trường mầm non thực hành).

Biểu đồ các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Hồng Đức



Về đội ngũ: Hiện nay, Nhà trường có 642 cán bộ, giảng viên và người lao động. Đội ngũ giảng viên là 407 người (chiếm 63,39%), trong đó 176 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 43,24%, 24 giảng viên có chức danh Phó Giáo sư, đạt 5,9% (có 28 tiến sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài, chiếm 15,9%); có 139 giảng viên có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, chiếm 34,2% giảng viên.

Ngành nghề, trình độ và hình thức đào tạo: Kể từ ngày thành lập đến nay, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo của nhà trường liên tục được đổi mới và phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Tính đến năm học 2022-2023, Nhà trường đang tổ chức đào tạo 05 chuyên ngành tiến sĩ, 20 chuyên ngành thạc sĩ, 32 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng hệ chính quy.

Về hợp tác quốc tế: Công tác hợp tác quốc tế từng bước được phát triển mới, đã chủ động mở rộng và đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế như xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên và hợp tác nghiên cứu

hoàn thành chương trình đào tạo Luật kinh tế;

+ Xem xét cho học viên được học một số học phần tương đương và được công nhận cho các học phần còn chưa được tích lũy trong chương trình đào tạo Luật kinh tế;

+ Xem xét và giải quyết cho người học có nhu cầu mong muốn chuyển sang ngành đào tạo khác. Việc xét cho người học được chuyển ngành đào tạo cũng như việc công nhận các tín chỉ đã tích lũy được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đối với giảng viên: Giảng viên đã được phân công chuẩn bị các học phần trong chương trình đào tạo Luật kinh tế nhưng không thể triển khai giảng dạy trong trường hợp bị đình chỉ ngành đào tạo, Nhà trường xem xét ưu tiên bố trí giảng viên giảng dạy các học phần có chuyên môn phù hợp, hướng tới đảm bảo số giờ giảng dạy của giảng viên theo kế hoạch ban đầu.

- Đối với các bên có liên quan: Trong trường hợp bị đình chỉ ngành Luật kinh tế, Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch thông tin cho các bên có liên quan theo hình thức phù hợp (gửi email, thông báo trên trang web v.v), về các biện pháp nhà trường thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên có liên quan./

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

**BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

TS. Lê Văn Minh

khoa học với nhiều trường đại học có uy tín trên thế giới như: Trường Đại học Zielona Gora (Cộng hòa Ba Lan); Đại học Greifswald, Đại học Zittau/Goerlitz và Đại học Anhalt (Cộng hòa Liên bang Đức); Đại học Polytech Tours (Cộng hòa Pháp).

Về hoạt động khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong 10 năm qua có bước phát triển vượt bậc. Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án; kết quả ứng dụng, chuyển giao công nghệ đã đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Trường và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ do Trường Đại học Hồng Đức chủ trì là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế các địa phương, ngành, lĩnh vực của Tỉnh, uy tín, vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Hồng Đức ngày càng được nâng cao. (1) *Hoạt động nghiên cứu các đề tài, dự án* được triển khai đồng bộ, đa lĩnh vực: Nhà trường đã chủ trì thực hiện 567 đề tài/dự án khoa học và công nghệ các cấp; số lượng các đề tài cấp cao (cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Nhà nước) tăng vượt bậc; sản phẩm nghiên cứu khoa học ngày càng gắn kết chặt chẽ với thực tế sản xuất, kinh doanh và đời sống. (2) *Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* đã được triển khai đa dạng, phong phú và bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Chương trình đào tạo chính khóa và các hoạt động ngoại khóa đã chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho người học. Chương trình đào tạo cũng đổi mới theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. (3) *Hoạt động công bố kết quả nghiên cứu và Tạp chí Khoa học* có bước phát triển vượt bậc, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố 3.218 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó có 366 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế (273 bài trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science, Scopus). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình 05 ngành; từ năm 2017, Tạp chí được tham gia dữ liệu Tạp chí Khoa học Việt Nam trực tuyến. (4) *Hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học* đã tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của Nhà trường, địa phương và đất nước. Các hội thảo đã thu hút đông đảo chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước tham gia; các bài hội thảo được xuất bản kỷ yếu có chỉ số ISBN. (5) *Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được đẩy mạnh*, sinh viên toàn trường đã thực hiện 1.080 đề tài khoa học, trong đó có 355 đề tài đạt giải cấp trường, 19 đề tài đạt giải cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo (03 giải Nhì, 09 giải Ba và 07 giải Khuyến khích).

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Trường Đại học Hồng Đức được UBND tỉnh quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng tương đối hiện đại, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng một phần nơi ở của người học.

Trong những năm qua, Nhà trường được đầu tư 650 tỷ đồng để hoàn thành các hạng mục tại cơ sở chính gồm: Nhà Điều hành, 6 nhà giảng đường, nhà Trung tâm Giáo dục quốc tế - Ngoại ngữ, khu liên hợp Thể dục Thể thao, Hội trường 500 chỗ ngồi, 6 nhà ký túc xá sinh viên, giảng viên thỉnh giảng, Nhà ký túc xá Lào (do nước bạn Lào đầu tư bàn giao lại cho Nhà trường), Trung tâm Thông tin - Thư viện và Trường Mầm non thực hành tổng diện tích xây dựng các công trình là 103.630 m² sàn; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh được đầu tư 93,6 tỷ đồng để xây dựng nhà làm việc, nhà học, nhà ký túc xá, sân bãi tập luyện với 9.793 m² sàn. Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Thanh Hóa, Nhà trường đã bàn giao toàn bộ cơ vật chất tại cơ sở số 307 Lê Lai, Phường Đông Sơn, Thành phố Thanh Hóa cho Trường trung học phổ thông chuyên Lam Sơn quản lý và sử dụng.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học nhìn chung cơ bản đáp ứng cho các ngành đào tạo. Trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

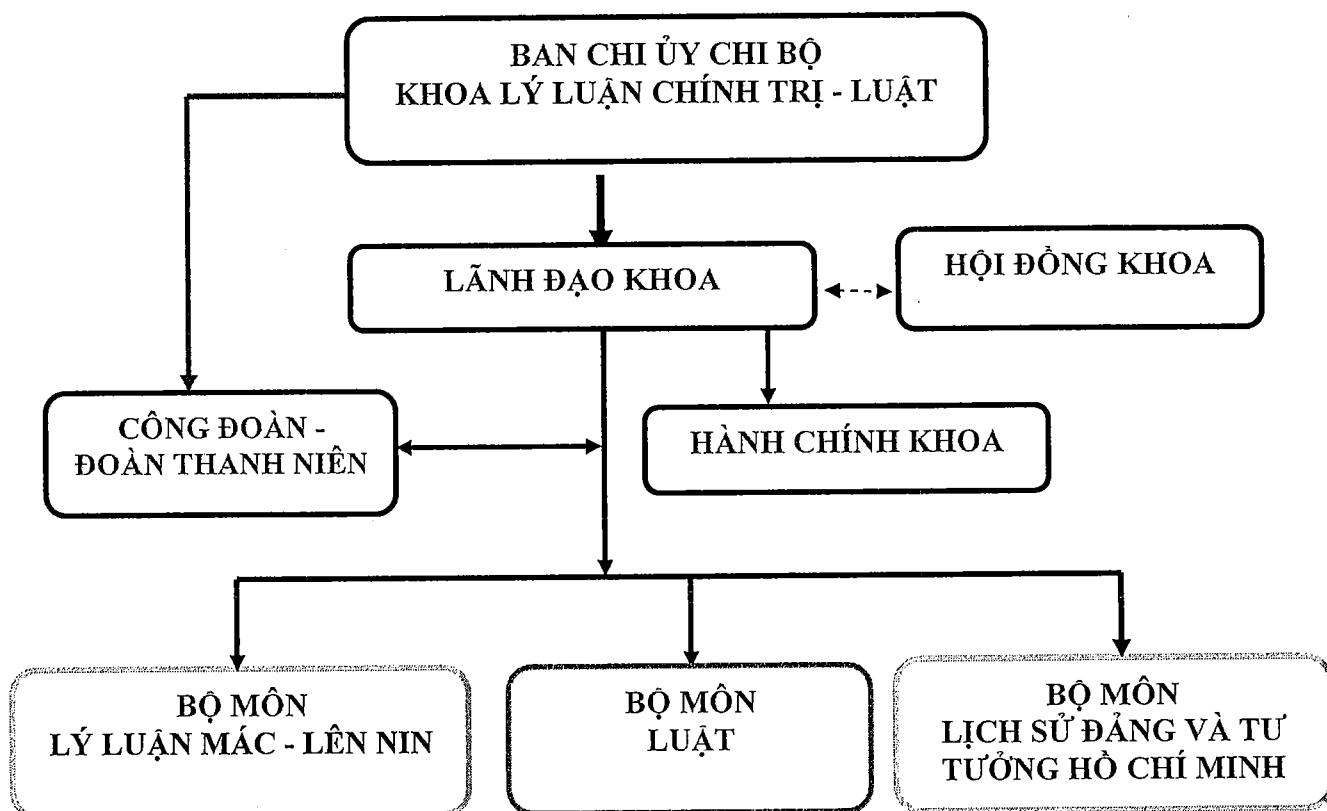
Hiện tại, Nhà trường có một số phòng thí nghiệm thực hành hiện đại của Khoa Khoa học Tự nhiên, khoa Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông; Phòng thực hành kế toán, Hệ thống mô phỏng Ngân hàng Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh; Phòng thực hành pháp luật của Khoa Lý luận chính trị - Luật; Trung tâm thực hành nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn Khoa Khoa học Xã hội và Dự án đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm quản lý Trường Đại học Hồng Đức.

Về khen thưởng: Trải qua quá trình hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002); Huân chương Lao động hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.2. Giới thiệu về Khoa Lý luận chính trị - Luật

Khoa Lý luận chính trị - Luật tiền thân là Khoa Lý luận chính trị, được thành lập theo quyết định thành lập trường Đại học Hồng Đức vào ngày 24/9/1997. Cùng với sự phát triển chung của Nhà trường, Khoa Lý luận chính trị - Luật là một trong những đơn vị đào tạo nòng cốt với đội ngũ giảng viên có chuyên môn, có bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, có năng lực phục vụ cộng đồng và hợp tác quốc tế. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Lý luận chính trị - Luật không ngừng trưởng thành và lớn mạnh.

Về cơ cấu tổ chức:



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức của Khoa Lý luận chính trị - Luật

Về đội ngũ: Hiện nay, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa là 34 người, 97% có trình độ sau đại học. Trong tổng số 34 cán bộ giảng viên, có 01 Phó giáo sư (tỷ lệ 2.9%), 08 Tiến sĩ (tỷ lệ 23.5%) và 24 Thạc sĩ (tỷ lệ 70,5%); giảng viên đang đi học nghiên cứu sinh là 04 người. Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài. Về quy mô đào tạo, Khoa đang tổ chức đào tạo 11 lớp đại học Luật với 560 sinh viên ở bậc đại học với các hệ chính quy và hệ liên thông, vừa học vừa làm. Cơ sở vật chất cơ bản đủ đáp ứng yêu cầu học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên đang theo học tại Khoa. Sau hơn 25 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, Khoa có 3 Bộ môn: Luật, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam & Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lý luận Mác – Lênin.

Ngành nghề, trình độ và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Luật của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm học 2015 - 2016. Mặc dù chương trình đào tạo ngành Cử nhân Luật mới được xây dựng nhưng thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật theo hướng ứng dụng nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Gần nhất, năm 2022 chương trình đào tạo được xây dựng mới theo hướng tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực của người học. Về mặt nội dung và kết cấu, chương trình đào tạo ngành Cử nhân Luật được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo ngành Cử nhân Luật học của

các cơ sở đào tạo Luật học có uy tín trong nước như: Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với xu thế đào tạo về Luật học trong nước, khu vực và quốc tế. Năm 2021 Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Luật đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 1 (2017-2022), và hiện nay đang trong giai đoạn triển khai tự đánh giá chuẩn bị cho kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2. Đây chính là cơ sở quan trọng để ngành đào tạo Luật tiếp tục có các bước phát triển mới, phát huy thế mạnh của mình đồng thời khẳng định uy tín về chất lượng đào tạo.

Về hoạt động khoa học công nghệ: Trong 5 năm gần đây, Khoa Lý luận chính trị – Luật có 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu, 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện; 07 đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện; có 126 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 07 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 06 hội thảo cấp Khoa, trường với số lượng 94 bài tham luận đạt kết quả tốt; xuất bản 01 giáo trình Pháp luật đại cương năm 2016, 01 sách chuyên khảo năm 2019. Số liệu các công trình nghiên cứu khoa học cụ thể do cán bộ giảng viên Khoa Lý luận chính trị – Luật thực hiện trong giai đoạn 2017 - 2022 được tổng hợp qua Bảng 1.2 sau:

Bảng 1.2. Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do cán bộ giảng viên khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2017-2022)

Hạng mục công trình	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020 - 2021	2021-2022	Tổng
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	0	0	0	0		0
Đề tài, dự án cấp Bộ, Tỉnh	0	1	0	1	2	4
Đề tài, dự án cấp cơ sở	2	2	1	0	4	9
Đề tài SV nghiên cứu khoa học	1	3	0	2	2	7
Hội thảo khoa học	2	1	1	1	1	6
Bài báo khoa học	29	30	30	19	18	126
Bài đăng trên kỷ yếu hội thảo	24	15	16	19	20	94
Tài liệu, giáo trình	0	0	01	0	0	01

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Lý luận chính trị – Luật)

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Khoa Lý luận chính trị - Luật có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa đang sử dụng nhà A6-A của trường, gồm: 01 phòng họp lớn, 08 phòng làm việc cho lãnh đạo, bộ môn, giáo vụ, hành chính, phòng tư liệu và 01 phòng thực hành pháp luật. Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet (mạng dây và mạng wifi), máy in... và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ

công tác đào tạo và nghiên cứu ngành Cử nhân Luật. Ban Giám hiệu và các phòng ban làm việc trong khu nhà điều hành 13 tầng cách khoảng 100 mét, thuận lợi cho giảng viên và người học trong liên hệ công tác.

Về phòng học, Khoa Lý luận chính trị - Luật được trang bị 10 phòng học kiên cố, hiện đại tập trung chủ yếu ở khu nhà A6-A với tổng diện tích 1000 m², bình quân 5 m²/1 sinh viên. Các phòng học có đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng và các trang thiết bị, máy chiếu đa năng, màn hình, âm ly, micro, bảng viết... đáp ứng tốt cho công tác đào, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Phòng thực hành pháp luật của Khoa gồm có : Bàn của hội đồng xét xử; Ghế của thành viên hội đồng xét xử; Bục khai báo; Bàn thư ký; Bàn kiểm sát viên; Bàn luật sư; Bàn của người tham gia tố tụng; Ghế tham dự phiên tòa... đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Ngoài ra Khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo của nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị thiết yếu phục vụ hội thảo cấp trường, cấp bộ hoặc cấp Quốc gia.

Về khen thưởng: Trải qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Lý luận chính trị - Luật đã được khen thưởng như: Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm; Chi bộ khoa Lý luận chính trị - Luật xuất sắc;...

1.3. Khái quát chung về năng lực đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức

1.3.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTG thành lập Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày đào tạo. Đại học Hồng Đức là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng xu hướng đổi mới của giáo dục đại học Việt Nam.

(1) Đào tạo đại học và cao đẳng

Trường Đại học Hồng Đức đang đào tạo bậc đại học hệ chính quy và hệ liên thông. Sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đến từ tỉnh Thanh Hóa, ngoài ra còn đến từ 1 số tỉnh thành khác trong cả nước và các nước (chủ yếu là Lào).

Với nhiều ngành đại học (có 4 ngành đào tạo sư phạm chất lượng cao) và ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (trong đó có 11.328 đại học) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Thực hiện liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3.

Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo đã có, tiếp thu có chọn lọc các chương trình tiên tiến trên thế giới, đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Nội dung chương trình đào tạo vẫn tiếp tục cập nhật, đổi mới, giảm bớt kiến thức hàn lâm, chú trọng nhiều đến kỹ năng thực hành và thật sự gắn bó với yêu cầu sử dụng nhân lực của xã hội và các doanh nghiệp, đảm bảo tính liên thông liên kết. Tất cả các chương trình đào tạo của Trường đều có đề cương chi tiết và tài liệu, giáo trình cho các học phần do tập thể các nhà khoa học và giảng viên của Trường biên soạn. Hiện tại, Trường Đại học Hồng Đức đang áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ cho đào tạo đại học và tiếp theo là cho đào tạo sau đại học.

Quy trình đào tạo thực hiện theo hệ thống tín chỉ. Phương pháp giảng dạy đã được đổi mới theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện kỹ thuật hiện đại vào quá trình dạy - học, sử dụng hệ thống bài giảng điện tử, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã được đổi mới theo hướng tăng cường áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan và cho sinh viên trực tiếp làm bài thi trên máy tính. Trường Đại học Hồng Đức là một trong những trường đầu tiên thực hiện tổ chức hoạt động giảng dạy độc lập với hoạt động đánh giá, thực hiện nề nếp kỷ cương và chống tiêu cực trong thi cử. Trường đã tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi học phần nhằm giảm thiểu việc cắt xén nội dung chương trình, hạn chế việc học tủ, học lệch. Nhà trường đang tích cực cải tiến, đổi mới việc kiểm tra - đánh giá các học phần theo hướng đánh giá khả năng tư duy.

(2) Đào tạo sau đại học

Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, trường Đại học Hồng Đức đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Hiện nay, Nhà trường đang tổ chức đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ trong đó có thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh và thạc sĩ kế toán. Tham gia đào tạo có: Phó giáo sư 23, tiến sĩ 166 và rất nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học của các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

Để nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, Trường Đại học Hồng Đức đã đầu tư về cơ sở vật chất và đổi mới công tác quản lý. Nhà trường có khu vực dành riêng cho học tập, tra cứu, cập nhật thông tin cho học viên cao học và nghiên cứu sinh; xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại, tài liệu, giáo trình được bổ sung thường xuyên; xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả học tập và luận văn, luận án chặt chẽ,

khách quan. Có thể nói, Trường Đại học Hồng Đức là một trong những cơ sở đào tạo sau đại học lớn và có uy tín trong cả nước.

(3) Đánh giá chung về đào tạo

+ Quy mô đào tạo: Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 10.000 đến 11.000 Học sinh sinh viên, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao. Quy mô trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (trình độ Đại học và thạc sĩ) cho tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

+ Cơ cấu đào tạo hợp lý, đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội, đảm bảo liên thông với đa ngành, đáp ứng yêu cầu của người học.

- Loại hình đào tạo: đào tạo chính quy và đào tạo không chính quy (gồm có không chính quy tập trung và không chính quy bán tập trung), đào tạo văn bằng 2, đào tạo liên thông.

- Sau đại học đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ. Các học viên sau đại học tại Trường đều bảo vệ thành công luận văn, luận án đúng theo quy định.

+ Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo của Nhà trường thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, rèn nghề đáp ứng chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương trình đào tạo được phát triển theo định hướng ứng dụng, hiện đại hóa, phát huy năng lực người học, đảm bảo tính liên thông trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước.

Nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động dạy học; công tác thực hành, thực tập được kiểm tra, giám sát; tăng cường học tại xưởng thực hành và thực địa, thực tế; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy năng lực người học; công khai hình thức đánh giá kết quả dựa trên năng lực của người học, đánh giá theo quá trình, tăng cường đánh giá kết quả người học bằng hình thức vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, bài tập lớn, ...

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và cập nhật dữ liệu 100% chương trình đào tạo cử nhân, trong đó có 13 chương trình đào tạo đại học và 1 chương trình đào tạo thạc sĩ được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đạt 25%). Các hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài đã được nhà trường quan tâm chỉ đạo sát sao, xây dựng kế hoạch và triển khai khắc phục theo đúng tiến độ.

+ *Chất lượng và hiệu quả đào tạo* được xã hội khẳng định, giữ được ổn định và có chiều hướng phát triển tốt.

Học viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức có kiến thức chuyên môn sâu, có kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tư cách tốt, được các tổ chức đánh giá cao.

1.3.2. Số khóa đào tạo và số sinh viên ngành Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật đã tốt nghiệp trình độ cử nhân

Khoa Lý luận chính trị - Luật đã và đang thực hiện đào tạo được 7 khóa cử nhân ngành Luật từ năm học 2015-2016. Số lượng tuyển sinh ngành cử nhân Luật hệ chính quy trong Khoa Lý luận chính trị - Luật - Luật giai đoạn 2016 - 2022 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.3. Điểm trúng tuyển và số lượng sinh viên ngành Luật Khoa Lý luận chính trị - Luật

Năm tuyển sinh	Đại học Luật	
	Số lượng nhập học (SV)	Điểm trúng tuyển
2016	61	16
2017	34	15.5
2018	56	16
2019	20	15
2020	23	15
2021	55	15
2022	55	17.5
Tổng	303	

(Nguồn: Phòng Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên)

- Số lượng sinh viên tốt nghiệp các khóa từ năm 2016 đến năm nay

Bảng 1.4. Số lượng sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật

Năm tuyển sinh	Số lượng sinh viên tốt nghiệp
2016	47
2017	41
2018	23
2019	22
2020	Chưa tốt nghiệp
2021	Chưa tốt nghiệp
2022	Chưa tốt nghiệp

(Nguồn: Phòng Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên)

- Tỷ lệ cử nhân có việc làm 2016 - 2021

Bảng 1.5: Tỷ lệ cử nhân ngành Luật trong Khoa Lý luận chính trị - Luật có việc làm

Năm tốt nghiệp	Tổng số SV tốt nghiệp	SV tham gia khảo sát	SV có việc làm	% SV có việc làm
2019	47	39	33	84,62
2020	39	34	29	85,29
2021	23	21	20	86,96

(Nguồn: Phòng Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên)

PHẦN 2

SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Nhu cầu nguồn lực trình độ cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế tại Thanh Hoá

Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2025 Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Việt Nam đang tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó hội nhập kinh tế quốc tế giữ vai trò trọng tâm. Vì vậy, các doanh nghiệp trong nước sẽ đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức mới, việc nắm rõ khuôn khổ pháp luật để quản lý vận hành doanh nghiệp, triển khai các hoạt động kinh doanh là yếu tố bắt buộc. Bên cạnh đó, nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động và công cuộc cải cách tư pháp cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo nguồn nhân lực ngành Luật để nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Điều này đặt ra nhu cầu bức thiết về nhân lực có chuyên môn ngành luật kinh tế trong việc thiết lập hành lang pháp lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách kinh tế trong giai đoạn hội nhập và toàn cầu hóa sâu rộng hiện nay.

Thanh Hoá là một trong những tỉnh có diện tích rộng và đông dân trong cả nước với hơn 3,5 triệu dân. Hiện nay, tỉnh có 27 đơn vị hành chính cấp huyện, có 559 đơn vị hành chính cấp xã, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp...được tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, có hơn 20.000 doanh nghiệp. Năm 2022, Thanh Hóa thu ngân sách đạt trên 50 nghìn tỷ đồng, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ và đứng thứ 9 trên tổng số 63 tỉnh thành của cả nước. Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra mục tiêu đưa Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển của khu vực phía Bắc và cả nước. Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW đã đề ra mục tiêu nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của Thanh Hóa lên nhóm 8 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước đến năm 2030. Với mục tiêu phát triển mạnh mẽ đó, nhu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh trở nên bức thiết hơn bao giờ hết, đặc biệt trong các lĩnh vực phục vụ trực tiếp cho công cuộc phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nguồn cung nhân lực tại chỗ của tỉnh hiện nay còn rất hạn chế. Chỉ tính riêng trong lĩnh vực dịch vụ pháp lý, tính đến tháng 3/2023, toàn

tỉnh có 95 công chứng viên hành nghề tại 52 văn phòng, tổ chức hành nghề công chứng; có 36 văn phòng, công ty luật với 110 luật sư đăng ký hoạt động; 41 tổ chức hành nghề đấu giá với 52 đấu giá viên; 03 văn phòng thừa phát lại với 4 thừa phát lại hoạt động. Số lượng tổ chức cung ứng dịch vụ pháp lý và lực lượng nhân sự pháp lý tại tỉnh hiện tại và tương lai gần vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của người dân và doanh nghiệp. Nhiều cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đang có nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Luật kinh tế để bổ trí vào các vị trí việc làm đa dạng như: chuyên viên pháp chế, chuyên viên hành chính – nhân sự, thư ký đấu giá, chuyên viên xử lý nợ và thu hồi nợ trong ngân hàng... Có thể thấy nhu cầu đào tạo nhân lực ngành luật kinh tế trong khu vực công cũng như khu vực tư của tỉnh ta hiện nay là rất lớn với cơ hội nghề nghiệp rộng mở.

Trường đại học Hồng Đức được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép đào tạo cử nhân Luật từ năm 2015. Tính đến năm 2023, Trường đã và đang tổ chức đào tạo được 07 khóa đại học Luật hệ chính quy, 07 khóa liên thông, vừa làm vừa học. Nhằm làm rõ nhu cầu về sự cần thiết của việc mở đào tạo ngành Luật kinh tế, Ban đề án đã thực hiện khảo sát 25 đại diện các nhà tuyển dụng tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về nhu cầu nhân lực chuyên ngành Luật kinh tế thông qua phiếu khảo sát trực tiếp và phiếu khảo sát online. Kết quả khảo sát thể hiện trong Bảng 2.1 dưới đây:

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Luật kinh tế tháng 1/2023

STT	Nhu cầu nhân lực ngành Luật kinh tế	Nội dung	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
1	Nhu cầu tuyển dụng đối với nhân lực ngành Luật kinh tế trong 5 năm tới	Có	25	100%
		Không	0	0%
2	Loại hình tuyển dụng	Hợp đồng có thời hạn	3	12%
		Hợp đồng không xác định thời hạn	17	68%
		Biên chế	5	20%
3	Ưu tiên tuyển dụng theo giới tính	Có	1	4%
		Không	24	96%
4	Kinh nghiệm làm việc	Không yêu cầu	21	84%
		Từ 1 – 2 năm	3	12%
		Dưới 5 năm	1	4%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát)

Trong số 25 đại diện cơ quan, đơn vị được khảo sát, 100% người được khảo sát xác nhận có yêu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Luật kinh tế. Phần lớn nguồn nhân lực được tuyển làm việc hình thức hợp đồng không xác định thời hạn đạt 68%, hình thức biên chế đạt 20%, hình thức hợp đồng xác định thời hạn đạt 12%. Việc tuyển dụng phần lớn không ưu tiên theo giới tính (96%). Phần lớn đối tượng khảo sát không yêu cầu kinh nghiệm làm việc (84%), tỉ lệ yêu cầu ứng viên có kinh nghiệm từ 1 – 2 năm là 12%, tỷ lệ yêu cầu ứng viên có kinh nghiệm từ trên 2 đến dưới 5 năm là 4%. Những vị trí công việc dự kiến được bố trí khi tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế là: Chuyên viên văn phòng công chứng, pháp chế, kiểm soát tuân thủ, tư vấn pháp lý cho ngân hàng, cán bộ xử lý nợ xấu và thu hồi nợ cho ngân hàng, chuyên viên phòng hành chính nhân sự, công chức tư pháp, chuyên viên pháp lý, thư ký đầu giá...

Qua khảo sát, cho thấy nhu cầu tuyển dụng đối với nhân lực ngành Luật kinh tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới là khá cao. Kết quả khảo sát ghi nhận từ các nhà tuyển dụng, nhà quản lý bao gồm các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo đều đang rất cần nhân lực được đào tạo trong lĩnh vực ngành Luật kinh tế. Chính vì vậy, nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Luật trên cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói riêng, việc mở mới ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Hồng Đức là hết sức cần thiết, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh đồng thời phù hợp với nhu cầu và quy hoạch phát triển nhân lực của địa phương.

2.2. Kết quả đào tạo trình độ Đại học ngành Luật tại trường Đại học Hồng Đức

Tính từ năm học 2015 đến năm 2022, Trường đã và đang tổ chức đào tạo được 07 khóa đại học Luật hệ chính quy, 07 khóa liên thông, vừa làm vừa học, cung cấp hơn 700 nhân sự ngành Luật làm việc trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cũng như trên cả nước. Hàng năm, Nhà trường vẫn tuyển sinh tốt đầu vào ngành Luật theo các chỉ tiêu đề ra. Năm học 2021 – 2022, Nhà trường và Khoa đã tuyển sinh được 55 sinh viên hệ chính quy, trong đó chưa tính đến tuyển sinh các lớp liên thông, vừa làm vừa học cũng đạt chỉ tiêu quy định.

2.3. Lý do mở ngành đào tạo cử nhân Luật kinh tế

2.3.1. Mở chuyên ngành Luật kinh tế phù hợp với Chiến lược phát triển của trường Đại học Hồng Đức

Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định sứ mệnh của Nhà trường là: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Mục tiêu đến năm 2030, trường Đại học Hồng Đức trở thành trường đại học thông minh, đổi mới sáng

tạo; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, có uy tín trong nhóm các trường hàng đầu của khu vực và cả nước, hội nhập được với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN và quốc tế.

Với tầm nhìn, mục tiêu chiến lược đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nhà trường là thực hiện đào tạo đa ngành, đa hình thức, đa lĩnh vực, xúc tiến mở các ngành mới mà xã hội có nhu cầu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực. Chính vì vậy, việc mở ngành đào tạo cử nhân Luật kinh tế là hoàn toàn phù hợp và là một trong những bước đi cần thiết để hiện thực hóa tầm nhìn, mục tiêu Chiến lược phát triển của Nhà trường.

2.3.2. Nhà trường đã có đủ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trụ trì ngành Luật kinh tế theo quy định

Hiện nay Nhà trường có: 01 Phó giáo sư, 04 tiến sĩ ngành Luật; 04 tiến sĩ chuyên ngành gần. Ngoài ra, còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học có uy tín và nhiều kinh nghiệm đã và đang công tác tại các cơ sở đào tạo Luật uy tín trong cả nước tham gia giảng dạy.

2.3.3. Đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành Luật kinh tế của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận

Thực tế cho thấy hiện nay nhiều đơn vị tuyển dụng đang rất cần nhân lực ngành Luật kinh tế nhằm bố trí các vị trí việc làm đa dạng như luật sư, công chứng viên, kiểm sát, tòa án, thanh tra, công an, ủy ban nhân dân... đặc biệt trong khối văn phòng, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ pháp lý. Vì vậy, đào tạo ngành Luật kinh tế ở Trường Đại học Hồng Đức là cần thiết, phù hợp với bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa giáo dục, kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các vùng phụ cận.

- Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Luật kinh tế thông qua khảo sát (xem bảng 2.1)

Trước nhu cầu thực tiễn của xã hội, tỉnh Thanh Hóa nói chung và Trường ĐH Hồng Đức nói riêng đang đứng trước đòi hỏi cấp thiết cần phải mở ngành đào tạo cử nhân Luật kinh tế tại địa phương. Đối chiếu với Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường Đại học Hồng Đức đã đáp ứng đủ điều kiện mở ngành Luật kinh tế - Mã số: 7380107.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT ngành Luật kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Luật kinh tế**, mã số **7380107**, gồm các ông/bà có tên sau:

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có nhiệm vụ triển khai xây dựng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức, hoàn thành trước ngày 15/3/2023 để trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định phê duyệt; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa Lý luận chính trị - Luật và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mở ngành Luật kinh tế
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHĐ ngày /02/2023 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Văn Minh	TK. LLCT - Luật	Chủ tịch
2	Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phó trưởng BM Luật	Ủy viên
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó trưởng BM Luật	Ủy viên
4	Ông Trần Hoàng Lâm	GD. Công ty luật Năm Châu	Ủy viên
5	Bà Phan Thị Thanh Huyền	GV. khoa LLCT - Luật	Ủy viên, Thư ký

(Ấn định danh sách có 05 người)./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
Số 678/QĐ-ĐHHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-ĐHHD và Quyết định số 288/QĐ-ĐHHD ngày 16/02/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức về việc giao nhiệm vụ Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học và Hội đồng xây dựng CTĐT ngành Luật kinh tế trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học, gồm các ông (bà) có tên sau: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Hồng Đức và được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trường phòng Quản lý đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường khoa Lý luận chính trị - Luật và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

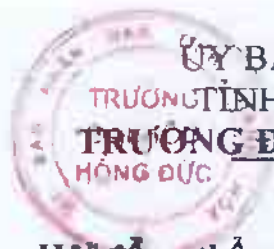
- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế
(Kèm theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHĐ ngày 11 /3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nhiệm vụ trong Hội đồng
1	Bà Lê Thiên Hương	PGS, TS	Lý luận và lịch sử NN&PL	Học viện Hành chính Quốc gia	Chủ tịch
2	Bà La Thị Quế	TS	Luật Hiến pháp và Luật hành chính	Giảng viên khoa LLCT - Luật Trường Đại học Hồng Đức	Ủy viên thư ký
3	Ông Mai Văn Thắng	TS	Luật, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Lịch sử các học thuyết pháp lý	Đại học Quốc gia Hà Nội	UV phản biện 1
4	Ông Đinh Ngọc Thăng	TS	Luật học	Trường Đại học Vinh	UV phản biện 2
5	Ông Đỗ Xuân Sơn	TS	Luật	Trưởng CA huyện Ngọc Lặc - TH	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 05 thành viên)/.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Hôm nay, vào lúc 9h ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại
..... Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Luật kinh tế** (theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHD ngày 31/3/2023) của Trường ĐH Hồng Đức họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

1. PGS. TS. Đỗ Thiên Hương Chủ tịch Hội đồng.....
2. TS. Minh Văn Thắng Ủy viên phần biên 1.....
3. TS. Đinh Ngọc Thắng Ủy viên phần biên 2.....
4. TS. Đỗ Xuân Sơn Ủy viên.....
5. TS. Đỗ Thị Quý Ủy viên thư ký.....

II. Nội dung

1. Trường báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng, nội dung chương trình đào tạo các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Luật kinh tế**

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

2.1. Các phản biện đọc nhận xét

2.2. Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi

1. TS. Minh Văn Thắng Ủy viên phần biên 1.....
..... Đ. qđ. phân hợp với chương trình chính ngành phần kiến thức chuyên môn.....
..... thực hiện công tác xã hội, chăm sóc, quản lý, vận hành và chính sách xã hội.....
..... công tác xã hội, quản lý, vận hành.....
..... Giáo viên giảng dạy, phần lý thuyết, thực hành, vận dụng kiến thức.....
..... phần kiến thức xã hội, tư duy phân tích, quản lý vận hành xã hội, phần kiến thức.....
..... phần kiến thức xã hội, tư duy phân tích, quản lý vận hành xã hội, phần kiến thức.....
..... phần kiến thức xã hội, tư duy phân tích, quản lý vận hành xã hội, phần kiến thức.....
2. TS. Đinh Ngọc Thắng Ủy viên phần biên 2.....
..... Chương trình xã hội, vận hành xã hội, phần kiến thức xã hội, phần kiến thức.....
..... số kiến thức xã hội, vận hành xã hội, phần kiến thức xã hội, phần kiến thức.....
..... phần kiến thức xã hội, vận hành xã hội, phần kiến thức xã hội, phần kiến thức.....

3. Trả lời của Tổ soạn thảo CTĐT:

..... là bạn .. thực .. chất .. sinh .. bếp .. thủ .. và .. ghé .. nhân .. g .. hien .. ng ..
thực .. nên .. thủ .. đang ..

..... 16. phie. CTDT. hi seom. hoi. se. tep. thu. y. hien. giem. tin.
chi. mat. se. hoc. phien. va. bay. doi. mat. se. hoc. phien. se. kat. hi. CTDT.

...Vấn đề sống với ai, bất kể là con, cháu, cháu chắt...
là chúng tôi... vẫn luôn luôn... cùng nhau... cùng nhau...

...to soon theo...bep...thuy...kien...se...vao...chinh...sua...chuan...
dun...si...ba...pham...di...nhien...thanh...so...khien...kiet...qua...nganh...dinh...

Tổ chức: Ban chấp hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam

...tên của các xã, khu phố, thị trấn, có thể là tên
thị trấn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

.....

.....

.....

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

5. Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả

- Số phiếu thăm định CTĐT phát ra: 05
- Số phiếu thăm định CTĐT thu vào: 05
- Số phiếu hợp lệ: 05
- Số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu thăm định CTĐT đạt yêu cầu: 05
- Số phiếu thăm định CTĐT không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thăm định

Hội đồng... đánh giá... các đề án... đã được... CTĐT... xây dựng...
... kế hoạch... đã đáp ứng... yêu cầu... Tuy nhiên... cần...
... phân tích... và... đánh giá... theo... các...
... trong... hội đồng... để... CTĐT... một...
... đúng... quy định... của... CTĐT...
... Có... phân... đồng...
... Đề án... đạt... yêu cầu... và...
... hội đồng...

Phiên họp kết thúc vào hồi: 17h00 ngày 11 tháng 1 năm 2023

Chữ ký của các thành viên Hội đồng

Ủy viên Phản biện 1

Ủy viên Phản biện 2

Ủy viên

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



PGS.TS. Đậu Bá Thìn



PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: PGS.TS. Lê Thiên Phụng...

(theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHD ngày 31/3/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Chủ tịch Hội đồng.....

Ngành đào tạo: **Luật kinh tế** Mã số: **7380107**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ...phục vụ quá trình đào tạo)	<u>Cơ bản đáp ứng</u>	<u>Đáp ứng</u>
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<u>Phù hợp</u>	<u>Đáp ứng</u>
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<u>Khả năng</u>	<u>Đáp ứng</u>
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	<u>Khả năng</u>	<u>Đáp ứng</u>
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	<u>Phù hợp</u>	<u>Đáp ứng</u>
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	<u>Phù hợp mục tiêu, trình độ đào tạo, tính hội nhập</u>	<u>Đáp ứng</u>

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Phù hợp, quy định	Đáp ứng

Những ý kiến khác

- Là Sinh viên chính trị

- Cải thiện số liệu căn cứ giải thích cụ thể

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa)

- Chuẩn xác lại mục tiêu cũng như CTR của chương trình

- Nghiên cứu là sự thêm & vào môn học

- Đề cương học phần cần đảm bảo tính thống nhất

- Cần nhắc đến chính trị trong một số học phần cho phù hợp. Thời lượng giảng dạy

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)



Ph.D. Lê Thiên Thương



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: .. TS Mai Văn Thắng

(theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: .. Phân biện 1

Ngành đào tạo: **Luật Kinh tế**

Mã số:

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ... phục vụ quá trình đào tạo)	Cơ sở vật chất của Trường tốt, đủ điều kiện; Đội ngũ hiện cơ bản bảo đảm theo quy định về số lượng tiến sĩ ngành phù hợp và 05 tiến sĩ chuyên môn phù hợp và số lượng thạc sĩ. Trường cũng đã có kế hoạch cử đi học Tiến sĩ. Tài liệu phục vụ giảng dạy đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, cần nghiên cứu phương án mua thêm tài liệu chuyên về lĩnh vực pháp luật kinh tế và mang tính bền vững. Hiện tài liệu hiện chưa được phong phú, có tài liệu có được cũng từ nguồn quyền góp thì không bền vững và dễ lạc hậu và số lượng khó đủ cho người học mượn, tìm đọc tại Thư viện.	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Căn cứ phù hợp với quy định. Hiện trong Đề án, tên gọi một số văn bản còn chưa chính xác. Theo quy định thì cần có đối sánh với các Chương trình của một số cơ sở đào tạo liên quan. Hiện nay có tham khảo nhưng chưa có bảng đối sánh để rõ hơn.	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu cơ bản phù hợp với quy định. Tuy nhiên: Cần làm rõ định hướng ứng dụng hay nghiên cứu hay	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
		định hướng nghề nghiệp.... (Thông tư 17/2021) - Nên viết lại mục tiêu gọn hơn bởi với cách viết như hiện nay thì dễ nhầm lẫn với Chuẩn đầu ra của Chương trình Đào tạo. - Cần bổ sung thêm mục tiêu giúp cho người học có khả năng học tập ở các bậc cao hơn bởi theo quy định hiện hành, khi xây dựng CTĐT thì cần bảo đảm khả năng người học tự học và tiếp tục học ở bậc cao hơn. Về chuẩn đầu ra: - Hiện nay, chuẩn đầu ra viết chưa tốt, đang không phân chia rõ 4 hợp phần của chuẩn đầu ra gồm: Kiến thức; kỹ năng; phẩm chất đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Phần viết về CDR của kiến thức quá chi tiết đến mức không cần thiết. Các nội dung CDR từ PLO1 đến PLO6 có lẽ cần viết lại cho gọn hơn - PLO02 có lẽ hơi khó đạt được vì đây là cử nhân luật kinh tế chứ ko phải cử nhân kinh tế. - PLO09 – khó vì làm sao cử nhân ra trường đã thành thạo được các kỹ năng đó.	
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: <i>Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....</i>)	Cấu trúc cơ bản đáp ứng quy định. Tuy nhiên, cần xem lại một số điểm sau: - Tại sao không học kinh tế vĩ mô mà chỉ học kinh tế vi mô. Không học, không hiểu vĩ mô, sẽ khó học được kinh tế vi mô;	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
		- Tại sao lại học các môn như phương pháp nghiên cứu luật học. Cấp đại học Luật Kinh tế cần không? Hơn nữa, cũng không tuyên bố đây là chương trình định hướng nghiên cứu. - Một số môn học cần xem lại như: cơ sở văn hóa Việt nam, Môi trường và con người vì sẽ mất tín chỉ và không cần thiết so với mục tiêu và chuẩn đầu ra công bố. - Theo quan điểm cá nhân: Luật Kinh doanh thì môn Luật Hình sự chỉ cần tổng 4 tín chỉ là đủ, không nên 6 như hiện nay vì sẽ mất tín chỉ cho các khối kiến thức khác - Nên cân nhắc một số học phần rất quan trọng như Luật Cạnh tranh, Luật đấu thầu; Luật Ngân hàng, Luật sở hữu trí tuệ... thì nên đưa lên bắt buộc - Xem bố trí giảng dạy: tại sao phần lý thuyết luôn ít giờ hơn phần Thảo luận?	
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Theo quy định là 120 cộng với dung lượng giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh. Hiện nay là 128, bao gồm cả giáo dục thể chất 04 tín chỉ, nhưng chưa bao gồm quốc phòng an ninh 165 tiết. 165 tiết thì cũng chưa đủ 4, nhưng lại hơn 3 tín chỉ (3,33). Chỗ này không rõ lắm, cần làm rõ hơn.	Phù hợp, đáp ứng yêu cầu
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Cơ bản đáp ứng mục tiêu, bảo đảm tính hiện đại, phù hợp yêu cầu. Cần nhắc một số nội dung như mục 4 đã đề xuất.	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Cơ bản đáp ứng yêu cầu. Xem lại phân phối giữa giờ lý thuyết và giờ thảo luận. Hiện giờ lý thuyết ít hơn giờ thảo luận là chưa phù hợp và khó bảo đảm kiến thức. Hiện tài liệu còn hơi ít trong các đề cương học phần Cần thống nhất hình thức biên soạn Đề cương các học phần Xem lại còn nhiều lỗi kỹ thuật	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác

.....Không có

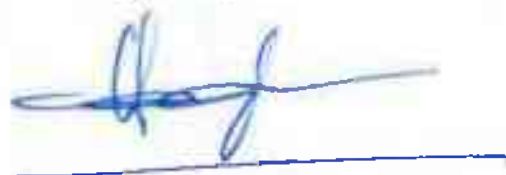
.....

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)

Đề nghị thông qua Đề án với những chỉnh sửa, bổ sung thêm ý kiến của Hội đồng

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)



TS. Mai Văn Thắng



PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: ... Đinh Ngọc Thủy

(theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHD ngày 31/3/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: ... Luật kinh tế, biên 02

Ngành đào tạo: **Luật kinh tế** Mã số: **7380107**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ...phục vụ quá trình đào tạo)	<u>Đảm bảo các tiêu kiện theo quy định</u>	<u>Đạt</u>
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>	<u>Đạt</u>
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<u>Phù hợp với thực tiễn</u>	<u>Đạt</u>
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	<u>Khả học, hợp lý</u>	<u>Đạt</u>
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	<u>Phù hợp với tiêu chuẩn của luật & văn bản hiện nay</u>	<u>Đạt</u>
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	<u>Đáp ứng mục tiêu đào tạo, phù hợp yêu cầu thực tiễn và hội nhập khu vực và Quốc tế</u>	<u>Đạt</u>

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đáp ứng về mục tiêu, nội dung, phương pháp	Đạt

Những ý kiến khác

1. ... Cần làm rõ hơn nội dung của các chương trình mà có số đào tạo để lựa chọn để tham khảo.
2. ... Chú ý để bảo đảm các yêu cầu sau này về thẩm định.
3. ... Bổ sung thêm nguồn giáo trình, tài liệu.
4. ... Chính xác các lỗi về hình thức.

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa.)

Đạt yêu cầu tất cả các tiêu chí đề ra
nội dung đạt chuẩn

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)

Đinh Ngọc Bình



LIÊN BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: TS. ĐỖ XUÂN SƠN

(theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHD ngày 31/3 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Trưởng ban đào tạo và các điều kiện

Ngành đào tạo: Luật Kinh tế Mã số: 738 01 07

Trình độ đào tạo: Đại học

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ...phục vụ quá trình đào tạo)	- Căn cứ đánh giá giảng viên; cơ sở vật chất, tài liệu. - Nội dung giảng dạy, chất lượng.	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	- Căn cứ vào 8 mục tiêu - Căn cứ vào 12 chuẩn đầu ra	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	- Phân tích các tiêu chí - Đánh giá nội dung giảng dạy - Nội dung, phương pháp giảng dạy - Đánh giá: nội dung, hình thức	Đáp ứng yêu cầu
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	- Cấu trúc phân môn, môn học - Hợp lý - Kiến thức liên môn được đáp ứng yêu cầu - Đánh giá - Thời lượng từng học phần	Đáp ứng yêu cầu
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	- 4 năm (8 kỳ học; 01 kỳ thực tập; thi tốt nghiệp) - Đánh giá từng học phần là Đại học	Đáp ứng yêu cầu
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đánh giá môn học, phân môn - Nội dung giảng dạy, tài liệu - Đánh giá nội dung giảng dạy, tài liệu - Hội nhập và phát triển - Đánh giá yêu cầu PTXU	Đáp ứng yêu cầu



PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: ...Đa. Th. Quê.....

(theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHD ngày 31/3/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Uy. viên. Th. Ky.....

Ngành đào tạo: **Luật kinh tế** Mã số: **7380107**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ...phục vụ quá trình đào tạo)	Chương trình đào tạo chi tiết đúng nên có cơ sở quy định chương của KĐĐT và kiến thức ĐHNB. Có tham khảo CTĐT của các trường ĐTC	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Căn cứ để xây dựng CTĐT phù hợp	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu CTĐT đáp ứng định hướng ứng dụng phát huy năng lực của sinh viên học	Đáp ứng yêu cầu
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	Việc lựa chọn và sắp xếp các học phần, khối kiến thức cũng như thời lượng của từng học phần CTĐT phù hợp, đáp ứng yêu cầu của CTĐT	Đáp ứng yêu cầu
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời lượng của CTĐT cụ thể: 128 TC trong đó có 92 HP bắt buộc (75 TC) và 36 học phần tự chọn (53 TC). Tổng số học phần phù hợp	Đáp ứng yêu cầu
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Nội dung của CTĐT đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập, phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH đất nước	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương học phần/môn học phù hợp và phù hợp đầy đủ với môi trường, nội dung, phương pháp giảng dạy.	Đạt yêu cầu

Những ý kiến khác

- Thay đổi kết cấu một số học phần.
- Viết rõ hơn đến sa GDT.

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa.)

- Đề án được triển khai thực hiện đúng yêu cầu.
- Tổ soạn thảo GDT tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng.

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)

Nguyễn Thị An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc chỉnh sửa Chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học họp ngày 11 tháng 04 năm 2023.

XÁC NHẬN

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học, mã số: 7 38 01 07 do Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đã chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý của Hội đồng thẩm định và đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 04 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Lê Thiên Hương

ỦY VIÊN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TS. La Thị Quế

XÁC NHẬN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆP TRƯỞNG
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC



Đậu Bá Thìn

Số: 1432 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Luật kinh tế (mã số 7380107)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường ĐH Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/3/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học họp ngày 11/4/2023; Thông báo số 106/TB-ĐHHĐ ngày 08/5/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2019-2024 về kết luận thông qua chương trình đào tạo và đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (mã số 7380107).

Điều 2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế từ năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Lý luận chính trị - Luật, Trưởng các khoa chuyên môn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

PHẦN 3
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Luật kinh tế
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Economic law
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7 38 01 07
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Lý luận chính trị - Luật
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 128 TC; - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Luật kinh tế
Vị trí làm việc:	- Cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; - Công chức, viên chức, nhân viên trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp...; - Chuyên viên tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lĩnh vực luật kinh tế tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, thư ký đấu giá trong các công ty đấu giá...; - Chuyên viên pháp lý phụ trách công tác pháp chế, quản trị hành chính, nhân sự trong các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng...; - Cán bộ, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, viện nghiên cứu...
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Có khả năng học lên bậc học cao hơn (thạc sỹ, tiến sỹ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước. - Tham gia các khóa đào tạo chức danh tư pháp như: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát

	viên, Luật sư, Công chứng viên, Thừa phát lại, Đầu giá viên...
Chương trình tham khảo:	- CTĐT ngành Luật kinh tế - ĐH Luật Hà Nội - CTĐT ngành Luật kinh doanh - Khoa Luật ĐHQG - CTĐT ngành Luật kinh doanh - ĐH kinh tế - Luật ĐHQG TP Hồ Chí Minh

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế là chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, hướng tới đào tạo người học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành các cử nhân Luật kinh tế phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngành Luật kinh tế; có năng lực nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; có năng lực theo học các bậc học cao ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- **PO1:** Người học có kiến thức về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

- **PO2:** Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

- **PO3:** Người học có kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật, có kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

- **PO4:** Người học có kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật kinh tế cụ thể.

1.2.2. Về kỹ năng:

- **PO5:** Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

- **PO6:** Người học có các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng trong lĩnh vực kinh tế; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh trong các hoạt động thương mại thực tiễn.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- **PO7:** Người học có đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh, trách nhiệm và tinh thần cống hiến trong công việc.

- **PO8:** Người học có năng tự học, tự nghiên cứu.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Về kiến thức:

- **PLO1:** Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- **PLO2:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp...

- **PLO3:** Vận dụng được kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật để học tập và nghiên cứu các luật chuyên ngành. Có phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý phù hợp. Hiểu được quy định cơ bản của Hiến pháp Việt Nam, mối quan hệ giữa nhà nước với công dân và địa vị pháp lý của các cơ quan trong Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Vận dụng được kiến thức về quản lý hành chính nhà nước, kiến thức về pháp luật phòng chống tham nhũng, kiến thức về tội phạm và hình phạt, kiến thức về dân sự, quy trình tố tụng và thi hành án trong lĩnh vực dân sự; các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, lao động, an sinh xã hội, đất đai, môi trường, sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống thực tiễn.

- **PLO4:** Vận dụng được các quy chế pháp lý về lãnh thổ quốc tế, luật biển quốc tế, tư pháp quốc tế để giải quyết được những tình huống liên quan đến các quan hệ xã hội về pháp luật quốc tế.

- **PLO5:** Vận dụng được các kiến thức nền tảng về các loại hình chủ thể kinh tế, tài chính doanh nghiệp, các hoạt động thương mại vào giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh tế trong hoạt động thương mại.

- **PLO6:** Vận dụng được các quy định của pháp luật về đầu tư, chứng khoán, ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, đấu thầu, đấu giá; kiến thức về pháp luật thuế, hải quan, thương mại quốc tế vào giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong các lĩnh vực thương mại cụ thể.

2.2. Về kỹ năng:

- **PLO7:** Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức điểm 4,0/10 theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng GD &ĐT) đối với trình độ đại học.

- **PLO8:** Thành thạo các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại. Thành thạo kỹ năng giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực lao động, kỹ năng cơ bản của chuyên viên tư vấn pháp

luật khi tiếp xúc với khách hàng trong lĩnh vực thương mại, lao động, thuế, đất đai. Vận dụng được các quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động của luật sư, hoạt động của công chứng viên.

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- **PLO9:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có bản lĩnh, thái độ trung thực, có trách nhiệm và tinh thần cống hiến trong công việc.

- **PLO10:** Có tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, có năng lực tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học pháp lý, có tinh thần học tập suốt đời.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KHỞI KIẾN THỨC GDĐC		41							
I	Lý luận chính trị		11							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác - LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác - LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	3	LL Mác - LN
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	4	LSD - TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4	LSD - TT HCM
II	Khoa học QL, KHXH & nhân văn		15							
6	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		6	QTKD
7	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36		135		3	Kinh tế
8	199027	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	27	36		135		1	Luật
9	199006	PP nghiên cứu luật học	2	18	24		90	8, 17	5	LL Mác - LN
10	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	18	6	90		2	VNH-DL
11	Chọn 1 trong 2 học phần		2							
a	197006	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	18	24		90	20	7	Luật
b	181002	Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	18	18	6	90		7	Tâm lý học
III	Khoa học tự nhiên – công nghệ – môi trường		5							
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		1	MMT - UD
13	125105	Môi trường và con người	2	18	18	6	90		2	Sinh học
IV	Ngoại ngữ		10							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2	NN KC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3	NN KC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	3		27	90		1	Bóng - ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5 HP)									
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng - ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
VI	Giáo dục quốc phòng		165 tiết							TT GDQP
B	KHÔI KIẾN THỨC GDCN		87							
I	Kiến thức cơ sở		24							
17	199117	Luật Hiến pháp	3	27	36		135		1	Luật
18	197063	Luật hành chính	3	27	36		135	8, 17	2	Luật
19	197016	Luật hình sự 1	3	27	32	4	135	8, 17	2	Luật
20	197017	Luật hình sự 2	3	27	27	9	135	19	3	Luật
21	197019	Luật dân sự 1	3	27	27	9	135	17	2	Luật
22	197021	Luật dân sự 2	3	27	36		135	21	3	Luật
23	199009	Công pháp quốc tế	3	27	36		135	17	4	Luật
24	199026	Tư pháp quốc tế	3	27	36		135	21	7	Luật
II	Kiến thức ngành		28							
25	197024	Luật thương mại 1	3	27	27	9	135	21	3	Luật
26	197025	Luật thương mại 2	3	27	27	9	135	25	4	Luật
27	197045	Luật môi trường	2	18	18	6	90	18	4	Luật
28	197022	Luật hôn nhân và gia đình	2	18	18	6	90	22	4	Luật
29	197023	Luật tố tụng dân sự	3	27	24	12	135	22	5	Luật
30	199019	Luật thi hành án dân sự	2	18	15	9	90	29	6	Luật
31	197026	Luật lao động	3	27	27	9	135	22	4	Luật
32	197064	Pháp luật về thuế	2	18	24		90	25	5	Luật
33	197028	Luật đất đai	3	27	27	9	135	18 21	5	Luật
34	199025	Luật thương mại quốc tế	2	18	24		90	26	5	Luật
35	197078	Luật sư, công chứng	3	27	24	12	135	17	7	Luật

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
III	Kiến thức bổ trợ		24							
36	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197065	Luật cạnh tranh	2	18	24		90	26	5	
b	197066	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	18	24		90	22	5	Luật
c	197067	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2	18	24		90	22	5	Luật
37	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197044	Luật chứng khoán	2	18	24		90	25	6	Luật
b	197043	Luật ngân hàng	2	18	24		90	25	6	Luật
c	197068	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	18	24		90	25	6	Luật
38	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197042	Luật an sinh xã hội	2	18	24		90	31	6	Luật
b	197037	Luật sở hữu trí tuệ	2	18	24		90	22	6	Luật
c	199030	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	2	18	24		90	26	6	Luật
39	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197041	Luật đầu tư	2	18	24		90	25	7	Luật
b	197046	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	18	24		90	33	7	Luật
c	197069	Pháp luật về thu hồi đất	2	18	24		90	33	7	Luật
40	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197060	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	18	24		90	18	6	Luật
b	197070	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	2	18	12	12	90	26	6	Luật
c	197071	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2	18	12	12	90	31	6	Luật
41	Chọn 2 trong 3 học phần		4							
a	197073	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động	2	18	12	12	90	26 31	7	Luật
b	197074	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	18	12	12	90	33	7	Luật
c	197072	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	18	12	12	90	32	7	Luật
IV	Thực tập TN, KLTN/HP thay thế		11							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
42	174145	Thực tập tốt nghiệp	5						8	Luật
43	111082	Khóa luận tốt nghiệp	6						8	Luật
	Học phần thay thế KLTN		6							
44	197075	Pháp luật về thương mại điện tử	2	18	24		90	26	8	Luật
45	197076	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	18	24		90	26	8	Luật
46	197077	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2	18	18	6	90	34	8	Luật
	Tổng cộng		128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

IV. KẾ HOẠCH HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ 1: 16 (16 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
3	172555	Công nghệ số	3	x		20		50
4	199027	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	x		27	36	
5	199117	Luật Hiến pháp	3	x		27	36	
Học kỳ 2: 18 (14 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		21	18	
2	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
4	197063	Luật hành chính	3	x		27	36	
5	197016	Luật hình sự 1	3	x		27	32	4
6	197019	Luật dân sự 1	3	x		27	27	9
7	121005	Cơ sở văn hóa VN	2		x	18	18	6
8	125105	Môi trường và con người	2		x	18	18	6
Học kỳ 3: 17 (17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa	2	x		21	18	

		học						
2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
3	151050	Kinh tế vi mô	3	x		27	36	
4	197017	Luật hình sự 2	3	x		27	27	9
5	197024	Luật thương mại 1	3	x		27	27	9
6	197021	Luật dân sự 2	3	x		27	36	
Học kỳ 4: 17 (17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	197025	Luật thương mại 2	3	x		27	27	9
2	197045	Luật môi trường	2	x		18	18	6
3	197022	Luật hôn nhân và gia đình	2	x		18	18	6
4	197026	Luật lao động	3	x		27	27	9
5	199009	Công pháp quốc tế	3	x		27	36	
6	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
7	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	
Học kỳ 5: 16 (12 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)								
1	197023	Luật tổ tụng dân sự	3	x		27	24	12
2	197028	Luật đất đai	3	x		27	27	9
3	199006	PP nghiên cứu luật học	2	x		18	24	
4	197064	Pháp luật về thuế	2			18	24	
5	199025	Luật thương mại quốc tế	2	x		18	24	
6	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>							
a	197065	Luật cạnh tranh	2		x	18	24	
b	197066	Luật kinh doanh bảo hiểm	2		x	18	24	
c	197067	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2		x	18	24	
Học kỳ 6: 17 (05 TC bắt buộc, 12 TC tự chọn)								
1	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
2	199019	Luật thi hành án dân sự	2	x		18	15	9
3	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>							
a	197042	Luật an sinh xã hội	2		x	18	24	
b	197037	Luật sở hữu trí tuệ	2		x	18	24	
c	199030	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	2		x	18	24	

4	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>							
a	197044	Luật chứng khoán	2		x	18	24	
b	197043	Luật ngân hàng	2		x	18	24	
c	197068	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2		x	18	24	
5	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>							
a	197060	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2		x	18	24	
b	197070	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	2		x	18	12	12
c	197071	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2		x	18	12	12
Học kỳ 7: 16 (06 TC bắt buộc, 10 TC tự chọn)								
1	199026	Tư pháp quốc tế	3	x		27	36	
2	197078	Luật sư, công chứng	3	x		27	24	12
3	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>							
a	197041	Luật đầu tư	2		x	18	24	
b	197046	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2		x	18	24	
c	197069	Pháp luật về thu hồi đất	2		x	18	24	
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	281005	Tâm lý học quản lý kinh doanh	2		x	18	24	
b	197006	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2		x	18	24	
5	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>							
a	197072	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2		x	18	12	12
b	197073	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động	2		x	18	12	12
c	197074	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2		x	18	12	12

Học kỳ 8: 11 (05 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)								
1	174145	Thực tập tốt nghiệp	5					
2	111082	Khóa luận tốt nghiệp	6					
		Học phần thay thế KLTN	6					
a	197075	Pháp luật về thương mại điện tử	2	x		18	24	
b	197076	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	x		18	24	
c	197077	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2	x		18	18	6

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	1	1
3	Tiến sỹ	2	6	8
4	Thạc sỹ	2	22	24

5.2. Phòng học:

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành pháp luật gồm có : Bàn của hội đồng xét xử; Ghế của thành viên hội đồng xét xử; Bục khai báo; Bàn thư ký; Bàn kiểm sát viên; Bàn luật sư; Bàn của người tham gia tố tụng; Ghế tham dự phiên tòa... đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...cho các môn học chính.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực hành/thực tế	- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm hỗ trợ tư pháp, Trung tâm trọng tài thương mại; - UBND, HĐND các cấp; - Văn phòng, công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại; - Công ty đấu giá, Ngân hàng, các Doanh nghiệp có sử dụng nhân sự ngành luật... (Theo QĐ của Nhà trường)
2	Thực tập	- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm hỗ trợ tư pháp; - UBND, HĐND các cấp; - Văn phòng, công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại... (Theo QĐ của Nhà trường)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.
- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp	2	0	0	0	0	6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin						
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
III. Thi kết thúc học phần				50%

3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác – Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
2. *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	

II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng	4	4				24

sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân						
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính:*

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

* *Tài liệu tham khảo:*

1. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/ BUSINESS STARTUP AND INNOVATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)

- Mã học phần: 154888

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
	Giờ lên lớp (tiết)			Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1	30%

			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá giữa kỳ (20%)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kỳ (50%)				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2 Tài liệu tham khảo:

1. Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phụng (dịch); NXB Thời đại.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.7. KINH TẾ VI MÔ/MICROECONOMICS

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 36 TL : 0 TH)
- Mã học phần: 151050
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin

1. Mô tả học phần

Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Người học có kiến thức cơ bản để: quyết định đúng lựa chọn tiêu dùng; phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh

- C02: Người học có những kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Mỗi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế..

- C03: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh..

- CLO2: Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO3: Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với

ngành nghề và thị trường.

- CLO4: Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần:

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nền kinh tế và kinh tế học	2	2				9
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu	2	2	1			10.5
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu (tiếp)	2	2				9
Co giãn cung cầu và chính sách của CP	2	2	1			10.5
Lý thuyết về hành vi NTD	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD	2	1	1			9
Lý thuyết về hành vi của hãng KD (tiếp)	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD (tiếp)	2	1	1			9
Cấu trúc thị trường sản phẩm	2	2	1			10.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm (tiếp)	2	3				10.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm (tiếp)	2	3				10.5
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh	2	2				9
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh (tiếp)	1	3				7.5
Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	2	2				9
Tổng cộng	27	31	5			135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học

* *Giáo trình bắt buộc*

1. Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung, (2017), *Giáo trình Kinh tế vi mô I*, Nxb. Tài Chính

* *Tài liệu tham khảo*

1. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, (2018), *Giáo trình kinh tế học tập 1*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân;

2. Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn, (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

6.8. LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT/ GENERAL THEORY OF THE STATE AND LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199027
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước: nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa; vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; nhà nước pháp quyền.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; Mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật;
- CO2: Có kiến thức lý luận về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; nhà nước pháp quyền;
- CO3: Đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề nhà nước và pháp luật; lý giải, phản biện về hiện tượng nhà nước và pháp luật;
- CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về nhà nước và pháp luật; Có thái độ khách quan và khoa học trong nghiên cứu và trao đổi những vấn đề về nhà nước và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề nhà nước và pháp luật;
- CLO2: Phân tích, đánh giá, phản biện được các hiện tượng pháp lý về nhà nước và pháp luật;
- CLO3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật; vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn nhà nước và pháp luật;
- CLO4: Hình thành được ở người học kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy

logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận về các vấn đề cơ bản nhà nước và pháp luật;

- CLO5: Hình thành được ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lí trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 1.1. Lí luận nhà nước và pháp là một ngành khoa học pháp lý 1.2. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - một môn học	1	2				5
CHƯƠNG 2. NGUỒN GỐC VÀ KIỂU NHÀ NƯỚC 2.1. Khái niệm, đặc trưng nhà nước 2.2. Nguồn gốc nhà nước 2.3. Kiểu nhà nước	2	2				10
CHƯƠNG 3. BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC 3.1 Khái niệm bản chất nhà nước 3.2. Bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 4. CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC 4.1. Khái niệm chức năng nhà nước 4.2. Phân loại chức năng nhà nước 4.3. Chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước 4.4. Chức năng nhà nước Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 5. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC 5.1. Khái niệm, đặc điểm bộ máy nhà nước 5.2. Bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước 5.3. Một số nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của BM nhà nước hiện đại 5.4. Bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay	2	3				10

CHƯƠNG 6. HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC 6.1. Khái niệm hình thức nhà nước 6.2. Hình thức nhà nước qua các kiểu nhà nước 6.3. Hình thức nhà nước Việt Nam hiện nay	1	3				5
CHƯƠNG 7. NHÀ NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 7.1. Khái niệm, đặc điểm hệ thống chính trị 7.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị 7.3. Quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị 7.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 8. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN 8.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền 8.2. Các đặc trưng và giá trị cơ bản của nhà nước pháp quyền 8.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay	1	2				5
CHƯƠNG 9. NGUỒN GỐC VÀ KIỂU PHÁP LUẬT 9.1. Khái niệm pháp luật 9.2. Nguồn gốc pháp luật 9.3. Kiểu pháp luật	1	2				5
CHƯƠNG 10. BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT 10.1. Bản chất pháp luật 10.2. Vai trò của pháp luật	1	2				5
CHƯƠNG 11. HÌNH THỨC VÀ NGUỒN CỦA PHÁP LUẬT 11.1. Khái niệm hình thức, nguồn của pháp luật 11.2. Các loại nguồn của pháp luật 11.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay	1	2				5
CHƯƠNG 12. QUY PHẠM PHÁP	2	2				10

LUẬT 12.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 12.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật 12.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật 12.4. Phân loại quy phạm pháp luật						
CHƯƠNG 13. QUAN HỆ PHÁP LUẬT 13.1. Khái niệm và phân loại quan hệ pháp luật 13.2. Thành phần của quan hệ pháp luật 13.3. Sự kiện pháp lý	2	3				10
CHƯƠNG 14. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT 14.1. Thực hiện pháp luật 14.2. Áp dụng pháp luật 14.3. Giải thích pháp luật	2	3				10
CHƯƠNG 15. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PL 15.1. Vi phạm pháp luật 15.2. Trách nhiệm pháp lý	3	2				15
CHƯƠNG 16. Ý THỨC PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA PHÁP LÝ 16.1. Ý thức pháp luật 16.2. Văn hóa pháp lý 16.3. Giáo dục pháp luật	2	2				10
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/	CLO1,2,3	

		Rubic vấn đáp		
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết hoặc Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubic vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kỳ				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS Nguyễn Minh Đoan, TS Nguyễn Văn Năm, (2017), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS Lê Minh Tâm, PGS.TS Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), (2015), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. CAND.
2. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên), (2007), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. ĐH QG HN.

6.9. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC/RESEARCH METHODS FOR LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 199006
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học luật học trình bày một cách hệ thống khái niệm, bản chất, đặc điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học; trình tự logic, các bước, cách thức triển khai một đề tài nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Luật nói riêng; các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu khoa học, cách đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học Luật học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống các kiến thức liên quan đến bản chất của nghiên cứu khoa học; đặc điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học; các bước, cách thức, trình tự tiến hành một nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học luật học nói riêng; cách thức, tiêu chí đánh giá kết quả một công trình nghiên cứu khoa học luật học;

- CO2: Hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học luật học như: kỹ năng phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu; kỹ năng xây dựng một đề cương; kỹ năng xây dựng luận điểm, luận cứ, chứng minh luận điểm; kỹ năng lựa chọn phương pháp, cách thức thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu luật học; kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu;

- CO3: Bồi dưỡng, xác lập thái độ nghiêm túc, trung thực, những phẩm chất đạo, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu khoa học; phát triển năng lực tư duy logic; bồi dưỡng lòng say mê, tinh thần vượt khó, bản lĩnh trong nghiên cứu khoa học Luật học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và trình bày chính xác được bản chất nghiên cứu khoa học luật học; các đặc điểm, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học; trình tự logic trong nghiên cứu khoa học luật học; hệ thống phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin; cách thức tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học luật học;

- CLO2: Xác lập được các kỹ năng nghiên cứu khoa học luật học như: kỹ năng phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu; kỹ năng xây dựng một đề cương; kỹ năng xây dựng luận điểm, luận cứ, chứng minh luận điểm; kỹ năng lựa chọn phương pháp, cách thức thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu luật học; kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu và vận dụng chúng để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học luật học;

- CLO3: Xác lập được thái độ nghiêm túc, trung thực, những phẩm chất đạo, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng lòng say mê, tinh thần vượt khó, bản lĩnh trong nghiên cứu khoa học Luật học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khoa học và nghiên cứu khoa học ngành luật học	2	2	0	0	0	5
Giới thiệu trình tự logic của nghiên cứu khoa học luật học	2	2	0	0	0	5
Xác định và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	0	10
Xây dựng luận điểm	2	2	0	0	0	10
Chứng minh luận điểm	2	2	0	0	0	10
Trình bày kết quả nghiên cứu	2	2	0	0	0	10
Các phương pháp nghiên cứu khoa học Luật học	2	2	2	0	0	15
Vận dụng các bước để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học luật học	2	2	4	0	0	15
Các yêu cầu về đạo đức khoa học và tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học luật học	2	2	0	0	0	10
Tổng	18	18	6	0	0	90

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric Chuyên cần	CLO1 CLO2	30%
	Thảo luận/ thuyết trình theo nhóm	Rubric Thảo luận nhóm/thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
	Trắc nghiệm hoặc tự luận	Rubric trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Bài tập cá nhân, Tự học,...	Rubric bài tập cá nhân, Tự học,...		
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Trắc nghiệm, tự luận	Rubric 3 Trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Tự luận	Rubric 3 Tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Phạm Duy Nghĩa, (2014), *Phương pháp nghiên cứu Luật học*, Nxb. Công an nhân dân.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Vũ Cao Đàm, (2007), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb. Giáo dục;
2. Phạm Viết Vượng, (2001) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.10. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 18TL: 6TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn

hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản	2	2	0	0	0	10

của văn hoá						
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiền trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	

3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính:*

- 1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

* *Tài liệu tham khảo:*

- 2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục
- 3) Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn học

6.11.a. PHÁP LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG/LAW ON ANTI-CORUPTION

- Số tín chỉ: 02 (18 LT: 24 TL)
- Mã học phần: 199006
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật hình sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Luật phòng, chống tham nhũng; nhiệm vụ và nguồn của Luật phòng, chống tham nhũng; quá trình hình thành và phát triển của Luật phòng, chống tham nhũng; nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng; pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về phòng chống tham

những; tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng; hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng; phòng ngừa tham nhũng; phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng và vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm được hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động phòng, chống tham nhũng; Đồng thời, phân tích, đánh giá được kinh nghiệm một số nước về phòng, chống tham nhũng.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng phù hợp các quy định của luật phòng chống tham nhũng trong nước cũng như của Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng để giải quyết các tình huống cụ thể trong đời sống hằng ngày hoặc trong các sự việc cụ thể;

- CO3: Người học hình thành và phát triển năng lực phòng, chống tham nhũng qua việc nghiên cứu pháp luật quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được kiến thức chung về luật phòng chống tham nhũng, các kiến thức chuyên sâu để ứng dụng trong từng lĩnh vực.

- CLO2: Vận dụng được pháp luật phòng chống tham nhũng để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn.

- CLO3: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của Luật phòng chống tham nhũng.

- CLO4: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật phòng chống tham nhũng.

- CLO5: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật phòng chống tham nhũng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 1.1. Bối cảnh, sự cần thiết, mục đích, ý	2	0				10

nghĩa của giáo dục về phòng, chống tham nhũng 1.2. Mục tiêu, đối tượng và nội dung của môn học 1.3. Phương pháp luận và nguồn học liệu 1.4. Mối quan hệ với các môn học khác						
Chương 2: Nhận thức về tham nhũng 2.1. Khái niệm tham nhũng 2.2. Bản chất, biểu hiện và phân loại tham nhũng 2.3. Nguyên nhân của tham nhũng 2.4. Hậu quả của tham nhũng	2	2				10
Chương 3: Pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống tham nhũng 3.1. Hệ thống các điều ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng 3.2. So sánh các điều ước quốc tế về chống tham nhũng 3.3. Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng trên thế giới	2	2				10
Chương 4: Công ước của liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.1. Quá trình ra đời của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.2. Cấu trúc của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.3. Nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.4. Sự tham gia và những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng	2	2				10
Chương 5: Phòng, chống tham nhũng trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.1. Về Phòng ngừa tham nhũng trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.2. Về xử lý tham nhũng trong thời kì phong kiến ở Việt Nam	0	0				

5.3. Luật “Hồi ty” – phương pháp phòng ngừa tham nhũng hiệu quả trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.4. Xử lý hành vi tham nhũng trong Bộ luật Hồng Đức trong thời kì phong kiến ở Việt Nam						
Chương 6: Tư tưởng của chủ tịch hồ chí minh và quan điểm, đường lối của đảng cộng sản việt nam về phòng, chống tham nhũng 6.1. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng 6.2. Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng	2	2				10
Chương 7: Hệ thống pháp luật việt nam về phòng, chống tham nhũng 7.1. Sự phát triển và cấu trúc của Hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng 7.2. Luật Phòng, chống tham nhũng 7.3. Phương hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng	1	4				5
Chương 8: Phòng ngừa tham nhũng 8.1. Một số vấn đề lý luận về phòng ngừa tham nhũng 8.2. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng 8.3. Quy định về phòng ngừa tham nhũng trong pháp luật Việt Nam	2	2				10
Chương 9: Phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng 9.1. Phát hiện hành vi tham nhũng 9.2. Quy định về tội phạm tham nhũng trong Bộ luật Hình sự Việt Nam 9.3. Hình sự hóa hành vi tham nhũng 9.4. Xử lý hành vi tham nhũng	2	4				10
Chương 10: Thu hồi tài sản tham nhũng 10.1. Nguyên tắc và yêu cầu chung thu	1	2				5

hồi tài sản tham nhũng 10.2. Các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng 10.3. Quy định của pháp luật Việt Nam về thu hồi, xử lý tài sản tham nhũng						
Chương 11: Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng 11.1. Yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng 11.2. Pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao vụ án hình sự và liên kết điều tra các vụ án tham nhũng	1	2				5
Chương 12: Vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng, chống tham nhũng 12.1. Trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan trong phòng, chống tham nhũng 12.2. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng	1	2				5
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phỏng vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Kiểm tra đánh giá sau đây.

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,4,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	

Thi cuối kỳ				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc*

1. Nguyễn Đăng Dung – Phạm Hồng Thái – Chu Hồng Thanh – Vũ Công Giao (đồng chủ biên), 2013, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo*

1. Luật phòng chống tham nhũng năm 2018
2. TS. Đinh Văn Minh, 2019, *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nxb Lao động.

6.11.b. TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ KINH DOANH/PSYCHOLOGY IN BUSINESS MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 181002
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Giải thích được bản chất, chức năng của tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC; Lý giải được đặc điểm tâm lý của người bán hàng, của khách hàng và của người lãnh đạo trong hoạt động kinh doanh thương mại.

- CO2: Làm rõ được các nguyên tắc, phương tiện, phong cách... giao tiếp trong quản lý kinh doanh; Xác định được các quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học ...

- CO3: Đánh giá được những khía cạnh tâm lý của tiếp thị và xác định các cơ sở tâm lý học của quảng cáo

- CO4: Phối hợp được các đặc điểm tâm lý của các đối tượng khách hàng để đưa ra sách lược tiêu thụ hàng hóa phù hợp; Thích nghi với các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; Hình thành kỹ năng giao tiếp hiệu quả và xây dựng một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại dựa trên việc ứng dụng tâm lý người tiêu dùng.

- CO5: Thể hiện được nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Tâm lý học quản lý kinh doanh trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp; Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề; Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh.

- CLO2: Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng...thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh doanh nói riêng; Hình thành kỹ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh;

- CLO4: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh 1. Khái quát về TL. 2. Một số vấn đề chung về tâm lý học quản lý kinh doanh. 3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý của tâm lý học quản lý kinh doanh.	4	2				15
Chương 2: Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương 1. Đặc điểm tâm lý của khách hàng . 2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng.	2	6				15
Chương 3: Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh 1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh. 2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.	4	4				18
Chương 4: Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong QLKD 1. Giao tiếp trong quản lý	4	4		3		22

kinh doanh						
2. Sử dụng con người trong quản lý kinh doanh						
Chương 5: Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng	4	2		3		20
1. Tiếp thị và những khía cạnh tâm lý của tiếp thị						
2. Quảng cáo và cơ sở tâm lý học của quảng cáo						

5. Phương pháp dạy - học

- Các phương pháp dạy học sử dụng trong học phần: Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

uận, ...).

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2 CLO3	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1, CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
5	Viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1, CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

Hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Hữu Thụ (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB ĐHQG Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.

6.12. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số	3	0	0	0		9

4.3. Giáo dục công dân số						
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35)						
5.1. Soạn thảo văn bản						
5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu	4	0	0	35		65
5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính						
5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính						
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)						
6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu	3	0	0	10		24
6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến						
6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

	dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

6.13. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã số học phần: 125105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.
- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.
- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.
- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.
- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn
- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần:

4. Nội dung chi tiết học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1. Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	2	3				15
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật.	3	4				15

2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.						
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước	3	4				15

4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác						
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4				15

Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5, 6	

Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Học liệu:

Giáo trình chính:

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.
2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36,24,24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2(bậc 2/6) theo chuẩn năng

lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs 1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce,	10	3	3	4	2	52

Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C						
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)	11	3	3	5	1	52
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C						

3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	

5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

*Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File–Elementary 3rd edition*, Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nxb. Thanh Hoá.

* Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy, (2013), *English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh*, Nxb. Thời đại.
2. Cambridge ESOL, (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

6.15. TIẾNG ANH 2/(ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1(bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh

của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect	7	2	2	3	1	33

Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses						
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C	7	3	2	4	1	33

- Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4						
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* *Giáo trình bắt buộc:*

- 1.Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File–Preintermediate 3rd edition*.Oxford University Press.(Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Raymond Murphy (2013), *English Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1).
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press.(HLTK2).
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press.(HLTK3).

6.16. TIẾNG ANH 3/(ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống,

phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the	7	2	2	3	1	44

classroom - Build up skills in practice test.						
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1)& Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1)& Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1)& 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1)& Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1)& Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm	CLO1, CLO2,	

		trắc nghiệm		
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File–Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

* Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu
- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II. (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác			2			6

(Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lung, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).						
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	2		28			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

luận,....).

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5. 6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh

giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội

2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.

3. Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐHSPT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

4. ỦY BAN TĐTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TĐTT.

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191031

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và			2			6

di chuyển						
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyển bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyển bóng			2			6

cao tay trước mặt.						
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

0. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển(Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyển bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1). Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191033

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dùng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dùng và			2			6

đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.						
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng			2			6

mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn						
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR quan	liên	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2		30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.		
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.		

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1). PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 1). Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 5, 11 người, Nxb TDTT.
- 2). TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng,

kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2			6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập : - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: (TH) - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6

Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thả bóng sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn bóng đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích			2			6

20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6

Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước	CLO.5.6.	

		bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 1)		
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐHT Thái Nguyên.

d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5: - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8:			2			6

- Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V						
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần..	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :

- 1). Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TĐTT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thế dục*; TDTT HN.

3). Đặng Quốc Nam (2014), *Thế dục tập I, II* NXB TDTT

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.
- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn

Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm mức			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6

Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 – 45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng

dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.1. Hướng pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

*** GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết**

I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đ. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên				
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ				
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III Thi cuối kì				
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ)	Rubric 1	CLO1, CLO2,	

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)		CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III	Thi cuối kỳ			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

- Tài liệu bắt buộc:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012, *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017, *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014, *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

III. Học phần 3: Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)

- Mã học phần: GDQP 3

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững

manh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	trọng số
	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	0%
	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
I	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	0%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy

định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

6.17. LUẬT HIẾN PHÁP /CONSTITUTIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199117
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức về: khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, môn học luật hiến pháp; chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ bầu cử; những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành cụ thể: nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;
- CO2: Có kiến thức về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các cơ quan hiến định độc lập;
- CO3: Phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật hiến pháp;
- CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành ở Việt Nam;

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;
- CLO2: Nhận diện và đánh giá được các quyền con người, quyền và nghĩa vụ

cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; các cơ quan hiến định độc lập;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của Luật Hiến pháp;

- CLO4: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật hiến pháp;

- CLO5: Hình thành được ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành ở Việt Nam và trong đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về ngành Luật Hiến pháp và khoa học luật Hiến pháp 1.1. Ngành luật hiến pháp Việt Nam 1.2. Khoa học luật hiến pháp Việt Nam 1.3. Môn học Luật Hiến pháp Việt Nam	1	1				5
Chương 2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam 2.1. Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp 2.2. Lịch sử lập hiến Việt Nam	2	2				10
Chương 3. Chế độ chính trị 3.1. Khái niệm chế độ chính trị 3.2. Chính thể của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.3. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.4. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.5. Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước CHXHCN Việt Nam 3.6. Chính sách đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam	3	1				15
Chương 4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	3	5				15

4.1. Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền con người						
4.2. Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân						
4.3. Các nguyên tắc Hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân						
4.4. Quyền con người theo Hiến pháp năm 2013						
4.5. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013						
4.6. Sự phát triển của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản hiến pháp Việt Nam						
Chương 5. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	1	6				5
5.1. Chính sách kinh tế						
5.2. Chính sách xã hội						
5.3. Chính sách văn hóa						
5.4. Chính sách giáo dục						
5.5. Chính sách khoa học và công nghệ						
5.6. Chính sách môi trường						
Chương 6. Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia	1	0				5
6.1. Chính sách đối ngoại						
6.2. Chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia						
Chương 7. Chế độ bầu cử	1	3				5
7.1. Khái niệm chế độ bầu cử						
7.2. Các nguyên tắc bầu cử						
7.3. Tiến trình cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND						
7.4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND						
Chương 8. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam	3	6				15
8.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước						

CHXHCN Việt Nam 8.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước 8.3. Sự hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước trong lịch sử lập hiến Việt Nam						
Chương 9. Quốc hội 9.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội nước ta 9.2. Vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội 9.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội 9.4. Cơ cấu tổ chức 9.5. Kỳ họp Quốc hội 9.6. Đại biểu Quốc hội 9.7. Việc bãi nhiệm, mất quyền ĐBQH, việc ĐBQH xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu	3	4				15
Chương 10. Chủ tịch nước 10.1. Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước 10.2. Thẩm quyền của Chủ tịch nước 10.3. Việc bầu Chủ tịch nước và phó Chủ tịch nước 10.4. Hội đồng quốc phòng và an ninh	1	2				5
Chương 11. Chính phủ 11.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam 11.2. Vị trí, tính chất, chức năng 11.3. Nhiệm vụ, quyền hạn 11.4. Cơ cấu tổ chức 11.5. Các hình thức hoạt động	2	3				10
Chương 12. Tòa án nhân dân 12.1. Sự hình thành và phát triển của Tòa án nhân dân 12.2. Chức năng, nhiệm vụ của TAND 12.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động	1.5	0				7.5

12.4. Nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của TAND						
12.5. Thẩm phán và hội thẩm						
Chương 13. Viện kiểm sát nhân dân	1.5	0				7.5
13.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của VKSND						
13.2. Chức năng						
13.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND						
13.4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động						
13.5. Hệ thống và cơ cấu tổ chức						
13.6. Kiểm sát viên						
Chương 14. Chính quyền địa phương	3	3				15
14.1. Hội đồng nhân dân						
14.2. Ủy ban nhân dân						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS Thái Vĩnh Thắng, PGS.TS Vũ Hồng Anh (đồng chủ biên), (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn, TS. Đặng Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013*, Nxb. CTQG;

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946*, Nxb. Lao động, 2017.

6.18. LUẬT HÀNH CHÍNH/ADMINISTRATIVE LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197063
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành Luật Hành chính và quản lý hành chính nhà nước; Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính; Hình thức và phương pháp trong quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính và quyết định hành chính; Quy chế hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước cũng như pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;
- CO2: Có khả năng nhận diện mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước;
- CO3: Vận dụng pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước;
- CO4: Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay; Nghiêm túc, khách quan trong đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước cũng như pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước;
- CLO4: Hình thành được quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay;
- CLO5: Hình thành được ý thức nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1.Luật hành chính và quản lý nhà nước 1.1. Khái niệm quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước 1.2. Ngành Luật hành chính 1.3. Khoa học Luật hành chính 1.4. Môn học Luật hành chính	2	3				10
Chương 2.Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính 2.1. Quy phạm pháp luật hành chính 2.2. Quan hệ pháp luật hành chính	1	6				5
Chương 3.Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước	3	2				15

3.1. Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước						
3.2. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước						
Chương 4. Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước	3	2				15
4.1. Hình thức quản lý hành chính nhà nước						
4.2. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước						
Chương 5. Thủ tục hành chính	2	3				10
5.1. Khái niệm thủ tục hành chính, các nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính						
5.2. Chủ thể của thủ tục hành chính						
5.3. Các loại thủ tục hành chính						
5.4. Các giai đoạn của thủ tục hành chính						
5.5. Cải cách thủ tục hành chính						
Chương 6. Quyết định hành chính	1	3				5
6.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính						
6.2. Phân loại quyết định hành chính						
6.3. Trình tự xây dựng và ban hành quyết định hành chính (quyết định quy phạm)						
6.4. Phân biệt quyết định hành chính với các loại quyết định pháp luật khác						
6.5. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính						
Chương 7. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước	3	1				15
7.1. Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước						
7.2. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước						
7.3. Cải cách bộ máy hành chính - nội dung quan trọng của cải cách hành chính						

Chương 8. Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước 8.1. Khái niệm 8.2. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức 8.3. Quy chế pháp lý hành chính của viên chức	3	2				15
Chương 9. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội 9.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức xã hội 9.2. Các loại tổ chức xã hội 9.3. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội	1	0				5
Chương 10. Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài 10.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 10.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không quốc tịch	2	3				10
Chương 11. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính 11.1. Vi phạm hành chính 11.2. Trách nhiệm hành chính	3	6				15
Chương 12. Bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 12.1. Khái niệm và yêu cầu bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 12.2. Các biện pháp pháp lý bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước	3	5				15
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Trần Minh Hương (chủ biên), (2015), *Giáo trình Luật hành chính*, Nxb.

CAND

* Tài liệu tham khảo:

1. *Luật tổ cáo hiện hành*, Nxb. CTQGST, 2019
2. *Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành (sửa đổi, bổ sung 2014, 2017)*, Nxb. CTQGST, 2019.

6.19. LUẬT HÌNH SỰ 1/ CRIMINAL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các vấn đề: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; Nguồn của luật hình sự Việt Nam; Tội phạm; Cấu thành tội phạm; Khách thể của tội phạm; Mặt khách quan của tội phạm; Chủ thể của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; Quyết định hình phạt; Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt; Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp các kiến thức của luật hình sự; khái niệm, dấu hiệu của tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt;
- CO2: Có kiến thức chuyên sâu về nguồn của luật hình sự Việt Nam và nội dung của các văn bản giải thích luật hình sự;
- CO3: Có kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể;
- CO4: Hình thành tính chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong lĩnh vực tội phạm học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận về tội phạm, về trách nhiệm hình sự và hình phạt;
- CLO2: Hình thành và phát triển được năng lực thu thập, xử lý thông tin, kỹ năng tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự;
- CLO3: Thành thạo kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể;
- CLO4: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên. Có năng lực phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học phù hợp với quy định pháp luật.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của Luật Hình sự Việt Nam 1.1. Khái niệm luật hình sự 1.2. Chức năng chống và phòng ngừa tội phạm của Luật Hình sự 1.3. Các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam	2	2				10
Chương 2: Nguồn của luật hình sự Việt Nam 2.1. Khái niệm nguồn của luật hình sự 2.2. Hiệu lực của luật hình sự - những nguyên tắc chung 2.3. Bộ luật hình sự Việt Nam - hiệu lực, cấu tạo và vấn đề giải thích pháp luật	2	2				10
Chương 3: Tội phạm 3.1. Khái niệm tội phạm trong luật hình sự Việt Nam 3.2. Phân loại tội phạm 3.3.Tội phạm và các vi phạm pháp luật khác 3.4. Vấn đề nguồn gốc và bản chất giai cấp của tội phạm	2	3				10
Chương 4: Cấu thành tội phạm 4.1. Các yếu tố của tội phạm 4.2. Cấu thành tội phạm 4.3. Ý nghĩa của CTP	2	3				10
Chương 5: Khách thể của tội phạm 5.1. Khách thể của tội phạm 5.2. Đối tượng tác động của tội phạm	2					10
Chương 6: Mặt khách quan của tội phạm 6.1. Khái niệm 6.2. Hành vi khách quan của tội phạm	2	2				10

5.3. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội 5.4. Vấn đề quan hệ nhân quả trong luật hình sự 5.5. Những nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm						
Chương 7: Chủ thể của tội phạm 7.1. Khái niệm 7.2. Năng lực TNHS 7.3. Tuổi chịu TNHS 7.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm 7.5. Vấn đề nhân thân người phạm tội trong luật hình sự	2	2				10
Chương 8: Mặt chủ quan của tội phạm 8.1. Khái niệm 8.2. Lỗi 8.3. Động cơ và mục đích phạm tội 8.4. Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đối với TNHS	2	2				10
Chương 9: Các giai đoạn thực hiện tội phạm 9.1. Khái niệm 9.2. Chuẩn bị phạm tội 9.3. Phạm tội chưa đạt 9.4. Tội phạm hoàn thành 9.5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	2	4				10
Chương 10. Đồng phạm 10.1. Khái niệm 10.2. Các loại người đồng phạm 10.3. Các hình thức đồng phạm 10.4. Vấn đề TNHS trong đồng phạm 10.5. Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành tội độc lập	2	3				10
Chương 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi 11.1. Khái niệm 11.2. Phòng vệ chính đáng	1	2				5

11.3. Tình thế cấp thiết 11.4. Một số tình tiết khác loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi						
Chương 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt 12.1. Trách nhiệm hình sự 12.2. Khái niệm và mục đích hình phạt	2	2				10
Chương 13: Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp 13.1. Hệ thống hình phạt 13.2. Các biện pháp tư pháp	1	2				5
Chương 14: Quyết định hình phạt 14.1. Khái niệm 14.2. Căn cứ quyết định hình phạt 14.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt	1	3				5
Chương 15: Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt 15.1. Thời hiệu thi hành bản án 15.2. Miễn chấp hành hình phạt 15.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt 15.4. Án treo 15.5. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 15.6. Xoá án tích	1	2				5
Chương 16: Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội 16.1. Đường lối xử lý người chưa thành niên phạm tội 16.2. Các biện pháp tư pháp và hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội	1	2				5
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Ngọc Hòa, (2022), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2. Lê Đăng Doanh, Cao Thị Oanh, (2018), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, tập 1, Nxb. Hồng Đức.

6.20. LUẬT HÌNH SỰ 2/ CRIMINAL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 27 TL, 09 TH)
- Mã học phần: 197017
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hình sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung: Những vấn đề chung về các tội phạm cụ thể; Phần các tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự bao gồm: các tội xâm phạm an ninh Quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về chức vụ; các tội xâm phạm về hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về các tội phạm cụ thể, các yếu tố cấu thành tội phạm đối với từng tội danh;
- CO2: Hình thành kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận đánh giá tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CO3: Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong lĩnh vực tội phạm học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích, đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội phạm và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CLO2: Chỉ ra được sự giống và khác nhau của từng loại tội phạm cụ thể;
- CLO3: Áp dụng được kiến thức đã học để thực hiện việc định tội danh đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CLO4: Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, góp phần hoàn thiện các quy định của Luật hình sự phần các tội phạm;
- CLO5: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên. Có năng lực phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học phù hợp với quy định pháp luật.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Các tội xâm phạm an ninh Quốc gia 1.1. Những vấn đề chung 1.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương II: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người 2.1. Những vấn đề chung 2.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		2		10
Chương III: Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân 3.1. Những vấn đề chung 3.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu 4.1. Những vấn đề chung 4.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		2		10
Chương V: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình 5.1. Những vấn đề chung 5.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương VI: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế 6.1. Những vấn đề chung 6.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương VII: Các tội phạm về môi trường 7.1. Những vấn đề chung 7.2. Các tội phạm cụ thể	2	1		1		10
Chương VIII: Các tội phạm về ma túy 8.1. Những vấn đề chung 8.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10

Chương IX: Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng 9.1. Những vấn đề chung 9.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương X: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính 10.1. Những vấn đề chung 10.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XI: Các tội phạm về chức vụ 11.1. Những vấn đề chung 11.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XII: Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 12.1. Những vấn đề chung 12.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XIII: Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu 13.1. Những vấn đề chung 13.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XIV: Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh 14.1. Những vấn đề chung 14.2. Các tội phạm cụ thể	1	2				5
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Ngọc Hòa, (2022), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*- Phần các tội phạm Q1, Q2, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2. Lê Đăng Doanh, Cao Thị Oanh, (2018), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, tập 1, Nxb. Hồng Đức.

6.21. LUẬT DÂN SỰ 1/CIVIL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 27 TL, 9 TH)
- Mã học phần: 197019
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; kiến thức pháp luật về quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự và hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu; sở hữu tài sản; pháp luật về thừa kế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về giao dịch dân sự, quan hệ pháp luật dân sự; nội dung của quyền sở hữu và những quy định của pháp luật về thừa kế;
- CO2: Xây dựng kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...;
- CO3: Xây dựng kỹ năng chủ động làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên;
- CO4: Hình thành nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật dân sự.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được khái niệm chung Luật dân sự Việt Nam, quan hệ pháp luật dân sự, chủ thể của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được các vấn đề về tài sản, quyền sở hữu, hình thức sở hữu và thừa kế;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng khai thác, đánh giá các văn bản trong lĩnh vực dân sự;
- CLO4: Vận dụng được kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...;
- CLO5: Có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan trong việc đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật dân sự.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật dân sự Việt Nam 1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự 1.2. Nguồn của luật dân sự 1.3. Nhiệm vụ, nguyên tắc của luật dân sự	5	5		1		25
Chương 2: Quan hệ pháp luật dân sự 2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự	6	5		1		30

2.2. Cá nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự						
2.3. Pháp nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự						
2.4. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật dân sự						
2.5. Hộ gia đình, tổ hợp tác - chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự						
Chương 3: Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu	5	4		2		25
3.1. Giao dịch dân sự						
3.2. Đại diện						
3.3. Thời hạn và thời hiệu						
Chương 4: Quyền sở hữu	5	6		2		25
4.1. Sở hữu và quyền sở hữu						
4.2. Quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu						
4.3. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu						
4.4. Các hình thức sở hữu						
4.5. Bảo vệ quyền sở hữu						
4.6. Quyền khác đối với tài sản						
Chương 5: Quyền thừa kế	6	7		3		30
5.1. Khái niệm về quyền thừa kế						
5.2. Các nguyên tắc của quyền thừa kế						
5.3. Một số quy định chung về thừa kế						
5.4. Thừa kế theo di chúc						
5.5. Thừa kế theo pháp luật						
5.6. Thanh toán và phân chia di sản						
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2020), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (đồng chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb. CAND.

6.22. LUẬT DÂN SỰ 2/CIVIL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197021
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những vấn đề về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự; các hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản,... thông qua đó xác định được trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và soạn thảo được một bản hợp đồng hoàn chỉnh;

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về nghĩa vụ dân sự và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; bản chất của hợp đồng và xác định được trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
- CO2: Có kiến thức về việc thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật;
- CO3: Vận dụng, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật dân sự;
- CO4: Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật dân sự.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức pháp luật về hợp đồng, qua đó soạn thảo được bản hợp đồng hoàn chỉnh và thực hiện các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ của hợp đồng;
- CLO2: Xác định được trách nhiệm của việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và vận dụng vào thực tiễn;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức về pháp luật dân sự để giải quyết các tình huống;
- CLO4: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dân sự;
- CLO5: Hình thành được ý thức trách nhiệm nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật dân sự.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 1.1. Nghĩa vụ dân sự 1.2. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	5	7			25	

1.3. Hợp đồng dân sự					
Chương 2: Các hợp đồng dân sự thông dụng	6	7			30
2.1. Hợp đồng mua bán tài sản					
2.2. Hợp đồng trao đổi tài sản					
2.3. Hợp đồng tặng cho tài sản					
2.4. Hợp đồng vay tài sản					
2.5. Hợp đồng thuê tài sản					
2.6. Hợp đồng thuê khoán tài sản					
2.7. Hợp đồng mượn tài sản					
2.8. Hợp đồng hợp tác					
2.9. Hợp đồng vận chuyển hành khách và vận chuyển tài sản					
2.10. Hợp đồng vận chuyển hành khách					
2.11. Hợp đồng gia công					
2.12. Hợp đồng gửi giữ tài sản					
2.13. Hợp đồng ủy quyền					
Chương 3: Hứa thưởng và thi có giải	5	7			25
3.1. Hứa thưởng					
3.2. Thi có giải					
Chương 4: Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật	5	7			25
4.1. Thực hiện công việc không có ủy quyền					
4.2. Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật					
4.3. Nghĩa vụ hoàn trả do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật					
4.4. Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật					
Chương 5: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	6	8			30
5.1. Khái niệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng					
5.2. Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể					
Tổng	27	36			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Kiểm tra thường xuyên (04):

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2020),

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (đồng chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb. CAND.

6.23. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ/ PUBLIC INTERNATIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199009
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế; các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế;
- CO2: Cung cấp những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...;
- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế; Vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề hội nhập của Việt Nam;
- CO4: Nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế;
- CLO4: Vận dụng được các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề hội nhập của Việt Nam;
- CLO5: Hình thành được sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình

độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái niệm và lịch sử hình thành, phát triển của luật quốc tế 1.1. Khái niệm luật quốc tế 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế 1.3. Nguồn của luật quốc tế 1.4. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia	3	3				15
Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế 2.1. Khái niệm 2.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản	3	1.5				15
Chương 3. Chủ thể luật quốc tế 3.1. Khái niệm 3.2. Quốc gia - chủ thể cơ bản của luật quốc tế 3.3. Các chủ thể khác của luật quốc tế 3.4. Công nhận quốc tế 3.5. Kế thừa trong luật quốc tế	3	3				15
Chương 4. Luật điều ước quốc tế 4.1. Khái niệm 4.2. Khái niệm điều ước quốc tế 4.3. Kí kết điều ước quốc tế 4.4. Hiệu lực của điều ước quốc tế	3	6				15
Chương 5. Dân cư trong luật quốc tế 5.1. Các vấn đề pháp lí về quốc tịch 5.2. Chế độ pháp lí dành cho người nước ngoài 5.3. Vấn đề bảo hộ công dân	3	6				15
Chương 6. Luật quốc tế về quyền con người 6.1. Khái niệm	3	1.5				15

6.2. Quyền cơ bản của con người trong luật quốc tế						
6.3. Cơ chế bảo vệ và phát triển quyền con người trong luật quốc tế						
6.4. Thực thi nghĩa vụ thành viên các điều ước quốc tế về quyền con người của quốc gia						
6.5. Pháp luật Việt Nam về quyền con người.						
Chương 7. Lãnh thổ trong luật quốc tế	3	4.5				15
7.1. Khái niệm						
7.2. Lãnh thổ quốc gia						
7.3. Biên giới quốc gia						
Chương 8. Luật biển quốc tế	3	4.5				15
8.1. Khái niệm						
8.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia						
8.3. Các vùng biển quốc gia có quyền chủ quyền và quyền tài phán						
8.4. Các vùng biển không thuộc quyền tài phán quốc gia						
8.5. Các vùng biển đặc thù						
Chương 9. Luật tổ chức quốc tế	1.5	0				7.5
9.1. Khái niệm luật tổ chức quốc tế						
9.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về tổ chức quốc tế						
9.3. Khái quát về một số tổ chức quốc tế						
Chương 10. Luật ngoại giao và lãnh sự	1.5	6				7.5
10.1. Khái niệm						
10.2. Cơ quan đại diện ngoại giao						
10.3. Cơ quan lãnh sự						
10.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, lãnh sự						
10.5. Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho tổ chức quốc tế và phái đoàn đại diện của quốc gia tại tổ chức quốc tế						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS. Lê Mai Anh (chủ biên), (2018), *Giáo trình luật quốc tế*, Nxb. CAND;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. *Luật cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài năm 2009 sửa đổi bổ sung năm 2017*, Nxb. CTQG, 2017;
2. *Luật biển Việt Nam*, Nxb. CTQGST, 2015.

6.24. TƯ PHÁP QUỐC TẾ/ PRIVATE INTERNATIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc của tư pháp quốc tế và nguồn của tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật; chủ thể trong tư pháp quốc tế gồm người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài; quyền sở hữu, thừa kế trong tư pháp quốc tế; quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng trong tư pháp quốc tế; hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng, hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; tổ tụng dân sự quốc tế; trọng tài thương mại quốc tế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp lý về các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài, vấn đề xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài;
- CO2: Hình thành kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật của các nước trên thế giới và pháp luật Việt Nam;
- CO3: Vận dụng kiến thức pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình, hàng hải có yếu tố nước ngoài vào thực tiễn;
- CO4: Có thái độ nghiêm túc khi nghiên cứu các vấn đề pháp lý; tự tin, độc lập tư duy giải quyết các vấn đề tư pháp quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được khái niệm, bản chất, nội dung của các quan hệ tư pháp quốc tế, lý giải được nguyên nhân dẫn đến xung đột pháp luật và cách thức giải quyết vấn đề xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế;
- CLO2: Đánh giá được các tiêu chí xây dựng và cách thức lựa chọn các hệ thống pháp luật trong việc giải quyết vấn đề xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền xét xử trong tư pháp quốc tế;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng so sánh, bình luận các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, vận dụng được vào trong tình huống cụ thể;
- CLO4: Thành thạo kỹ năng tra cứu các quy định pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia, điều ước quốc tế, phán quyết của tòa án, trọng tài trong nước và quốc tế... sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập kho thông tin tư liệu điện tử của quốc tế;
- CLO5: Chủ động, tự tin, bản lĩnh thực hành nghề nghiệp trong quá trình hội nhập liên quan đến lĩnh vực tư pháp quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm về tư pháp quốc tế 1.1. Khái niệm về Tư pháp quốc tế 1.2. Nguồn của Tư pháp quốc tế	2	2				10
Chương 2. Lý luận chung về xung đột pháp luật 2.1. Khái niệm về xung đột pháp luật 2.2. Quy phạm xung đột 2.3. Những vấn đề pháp lí cơ bản về áp dụng luật nước ngoài	3	4				15
Chương 3: Chủ thể trong tư pháp quốc tế 3.1. Người nước ngoài 3.2. Pháp nhân trong tư pháp quốc tế 3.3. Quốc gia – chủ thể đặc biệt trong tư pháp quốc tế	2	2				10
Chương 4. Quyền sở hữu trong tư pháp quốc tế 4.1. Khái niệm 4.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu 4.3. Xác định thời điểm chuyển dịch rủi ro đối với tài sản mua bán 4.4. Về hiệu lực của các đạo luật quốc hữu hóa 4.5. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam	3	3				15
Chương 5. Hợp đồng 5.1 Hợp đồng trong tư pháp quốc tế 5.2. Hợp đồng mua bán ngoại thương	3	4				15
Chương 6. Thừa kế 6.1. Thừa kế và xung đột pháp luật về thừa kế trong tư pháp quốc tế 6.2. Nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo pháp luật của các nước 6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa	2	4				10

kế qua các điều ước quốc tế giữa các nước trên thế giới 6.4. Nguyên tắc giải quyết các vấn đề thừa kế có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia 6.5. Vấn đề “di sản không người thừa kế” trong tư pháp quốc tế						
Chương 7. Quyền tác giả trong tư pháp quốc tế 7.1. Khái niệm 7.2. Các hình thức bảo hộ quốc tế quyền tác giả 7.3. Bảo hộ quyền tác giả có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam	2	3				10
Chương 8. Hôn nhân gia đình trong tư pháp quốc tế 8.1. Khái niệm chung về quan hệ hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 8.2. Kết hôn 8.3. Ly hôn 8.4. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng 8.5. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 8.6. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài 8.7 Giám hộ	3	4				15
Chương 9. Quan hệ lao động trong tư pháp quốc tế 9.1. Xung đột lĩnh vực lao động và phương pháp giải quyết 9.2. Vấn đề lao động trong tư pháp quốc tế	2	2				10
Chương 10: Tổ tụng dân sự quốc tế 10.1. Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của tổ tụng dân sự 10.2. Thẩm quyền xét xử quốc tế	3	4				15

10.3. Địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tổ tụng dân sự quốc tế						
10.4. Công nhận và thi hành các bản án, quyết định						
Chương 11: Trọng tài thương mại quốc tế	2	4				15
11.1. Khái niệm trọng tài thương mại quốc tế						
11.2. Thỏa thuận trọng tài						
11.3. Quy tắc tổ tụng trọng tài						
11.4. Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO45	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Trần Minh Ngọc, (Chủ biên), (2022), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Nguyễn Hồng Bắc, (2021), *Hướng dẫn học và ôn tập môn tư pháp quốc tế*, Nxb. Lao động;

2. TS. Bành Quốc Tuấn, (2017), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. CTQG.

6.25. LUẬT THƯƠNG MẠI 1/COMMERCIAL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH)
- Mã học phần: 197024
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về : khái niệm ngành luật thương mại, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật thương mại; chủ thể của luật thương mại; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức tổng quan về ngành Luật thương mại, quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức điều hành, chấm dứt của các loại hình chủ thể kinh doanh;
- CO2: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về các loại hình chủ thể kinh doanh để thực hiện các công việc chuyên môn;
- CO3: Có khả năng hình thành và đề xuất ý tưởng để góp phần hoàn thiện hệ

thống ngành luật thương mại;

- CO4: Có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực luật thương mại; các kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh, luật phá sản;
- CLO2: Vận dụng được các kiến thức về các loại hình chủ thể kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại;
- CLO3: Tìm kiếm và xử lý được các thông tin khi thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực luật thương mại;
- CLO4: Hình thành được tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực luật thương mại;
- CLO5: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI 1.1. Định nghĩa luật thương mại 1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật thương mại 1.3. Phương pháp điều chỉnh luật thương mại 1.4. Chủ thể của Luật thương mại	1.5	0				7.5
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP 2.1. Thành lập và đăng ký doanh nghiệp 2.2. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp 2.3. Quy chế pháp lý về thành viên doanh nghiệp	2	3		1.5		10
Chương 3: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN - HỘ KINH DOANH 3.1. Doanh nghiệp tư nhân 3.2. Hộ kinh doanh	2	3				10
Chương 4: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	3	3		1,5		15

4.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên					
4.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên					
Chương 5: CÔNG TY CỔ PHẦN 5.1. Khái niệm, đặc điểm công ty cổ phần 5.2. Vốn của công ty cổ phần 5.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông 5.4. Tổ chức và quản lý công ty cổ phần	3	3		3	15
Chương 6: CÔNG TY HỢP DANH 6.1. Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh 6.2. Vốn của công ty hợp danh 6.3. Thành viên công ty hợp danh 6.4. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty hợp danh	2	3			10
Chương 7: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC 7.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp nhà nước 7.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước 7.3. Cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp nhà nước	1	0			5
Chương 8: NHÓM CÔNG TY 8.1. Khái quát về nhóm công ty 8.2. Một số vấn đề pháp lý về công ty mẹ - công ty con	1.5	1			7.5
Chương 9: TỔ CHỨC LẠI DOANH NGHIỆP. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP 9.1. Tổ chức lại doanh nghiệp 9.2. Giải thể doanh nghiệp	2	3			10
Chương 10: LUẬT HỢP TÁC XÃ 10.1. Khái niệm, đặc điểm hợp tác xã 10.2. Việc thành lập và đăng ký kinh doanh của hợp tác xã 10.3. Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý hợp tác xã 10.4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của hợp	4	3			20

tác xã						
10.5. Quy chế pháp lý thành viên hợp tác xã						
10.6. Quy chế pháp lý về tài sản của hợp tác xã						
10.7. Giải thể hợp tác xã						
Chương 11: LUẬT PHÁ SẢN	5	5		3		25
11.1. Những vấn đề chung về phá sản						
11.2. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã						
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO 1,2,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện

dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc**

1. TS. Nguyễn Viết Tỷ, (2022), *Giáo trình Luật thương mại, tập 1*, Nxb. Công an nhân dân.

*** Tài liệu tham khảo**

1. PGS.TS. Ngô Huy Cương, (2013), *Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.26. LUẬT THƯƠNG MẠI 2/COMMERCIAL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH)

- Mã học phần: 197025

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức khái quát về hoạt động thương mại; khái niệm, đặc điểm các hoạt động thương mại bao gồm hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác, quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên; hoạt động mua bán doanh nghiệp; các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; các nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức tổng quan về ngành Luật thương mại; quy chế pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại;

- CO2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại để thực hiện các công việc chuyên môn;

- CO3: Có khả năng hình thành và đề xuất ý tưởng để góp phần hoàn thiện hệ thống ngành luật thương mại;

- CO3: Có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại; các kiến thức pháp luật về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại;

- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong

lĩnh vực thương mại;

- CLO3: Tìm kiếm và xử lý được các thông tin khi thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực luật thương mại;

- CLO4: Có tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực luật thương mại;

- CLO5: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 1.1. Khái niệm hoạt động thương mại 1.2. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại 1.3. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động thương mại ở Việt Nam	1	1				5
Chương 2: MUA BÁN HÀNG HÓA TRONG THƯƠNG MẠI 2.1. Khái quát về mua bán hàng hoá trong thương mại 2.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại 2.3. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch	5	3		3		25
Chương 3: CÁC HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI 3.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ trung gian thương mại 3.2. Đại diện cho thương nhân 3.3. Môi giới thương mại 3.4. Ủy thác mua bán hàng hoá 3.5. Đại lý thương mại	4	4,5		1,5		20
Chương 4: CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI 4.1. Khái quát về xúc tiến thương mại 4.2. Khuyến mại	4	6		1,5		20

4.3. Quảng cáo thương mại						
4.4. Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ						
4.5. Hội chợ, triển lãm thương mại						
Chương 5: NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI 5.1. Khái quát về hoạt động nhượng quyền thương mại 5.2. Hợp đồng nhượng quyền thương mại 5.3. Sự chi phối của pháp luật cạnh tranh đến hoạt động nhượng quyền thương mại	2	1,5				10
Chương 6: HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA 6.1. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 6.2. Dịch vụ logistics 6.3. Dịch vụ giám định	3	0				15
Chương 7: CHẾ TÀI THƯƠNG MẠI 7.1. Khái niệm chế tài thương mại 7.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại 7.3. Các hình thức chế tài thương mại 7.4. Các trường hợp miễn trách nhiệm	3	6		3		15
Chương 8: PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP 8.1. Khái quát về mua bán doanh nghiệp 8.2. Hợp đồng mua bán doanh nghiệp 8.3. Sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh và pháp luật doanh nghiệp trong quan hệ mua bán doanh nghiệp	2	2				10
Chương 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI 9.1. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại 9.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại	3	3				15
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO 1,2,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,5	
4	Viết/Thuyết trình	Rubric kiểm tra viết/ Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc

1. TS. Nguyễn Viết Tý, (2022), *Giáo trình Luật thương mại*, tập 2, Nxb. Công an nhân dân.

*Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Ngô Huy Chương, (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng phân chung*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.27. LUẬT MÔI TRƯỜNG/ LAW ON ENVIRONMENT

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 18 TL, 6TH)
- Mã học phần: 197045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Luật thành chính

1. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà học phần này đề cập là một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về khái niệm luật môi trường, các nhóm vấn đề của pháp luật môi trường, nội dung pháp luật thực định trong lĩnh vực môi trường, thực tiễn áp dụng pháp luật môi trường;
- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng quy định pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực môi trường;
- CO3: Xây dựng tính chủ động, tự tin giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực môi trường, tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản và nội dung pháp luật thực định trong lĩnh vực môi trường, thực tiễn áp dụng pháp luật môi trường;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực môi trường;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn quy định pháp luật để xử lý vụ việc, tư vấn pháp luật đối với các vấn đề liên quan đến môi trường;
- CLO4: Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chủ động, tự tin giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực môi trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật môi trường	2	1				10
1.1. Môi trường và các ảnh hưởng mang						

tính phổ biến của môi trường 1.2. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật 1.3. Khái niệm luật môi trường Việt Nam 1.4. Khái quát về sự phát triển của luật môi trường Việt Nam 1.5. Nguồn của luật môi trường						
Chương 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường (gọi chung là kiểm soát ô nhiễm môi trường) 2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường 2.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường	2	2				10
Chương 3: Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học 3.1. Vấn đề đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học 3.2. Pháp luật về đa dạng sinh học	1	2				5
Chương 4: Pháp luật về đánh giá môi trường 4.1. Khái niệm đánh giá môi trường 4.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường 4.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật về kế hoạch bảo vệ môi trường	2	2		2		10
Chương 5: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 5.1. Không khí và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 5.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 5.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí	1	1		1		5

Chương 6: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 6.1. Nước và ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 6.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 6.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm nguồn nước	1	1		1		5
Chương 7: Pháp luật về kiểm soát suy thoái đất 7.1. Tài nguyên đất và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 7.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên đất	1	1				5
Chương 8: Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng 8.1. Rừng và vấn đề suy thoái rừng 8.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng 8.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát suy thoái rừng	1	1		1		5
Chương 9: Pháp luật về kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh 9.1. Nguồn thủy sinh và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 9.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh 9.3. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn thủy sinh	1	1				5
Chương 10: Pháp luật về kiểm soát suy thoái nguồn gen 10.1. Hoạt động kiểm soát gen 10.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát nguồn gen	1	1				5
Chương 11: Pháp luật về bảo tồn di sản	1	1				5

11.1. Vai trò của di sản văn hóa đối với môi trường và việc bảo vệ di sản văn hóa						
11.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật di sản văn hóa vật thể						
11.3. Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản						
Chương 12: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt tới môi trường	2	2				10
12.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản						
12.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động dầu khí						
12.3. Kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động xuất, nhập khẩu						
12.4. Kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động du lịch						
Chương 13: Giải quyết tranh chấp môi trường	2	2		1		10
13.1. Giải quyết tranh chấp môi trường và những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường						
13.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường						
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS. Lê Hồng Hạnh, PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên), (2021), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS Hoàng Thế Liên, (2021), *Pháp luật môi trường phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. CAND;

2. Luật Bảo vệ môi trường 2020.

6.28. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH/ MARRIAGE AND FAMILY LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 06 TH)

- Mã học phần: 197022

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình,

quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn, nghĩa vụ và quyền của vợ chồng, quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn, giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về các chế định pháp lý: quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình;
- CO2: Có kiến thức về những vấn đề pháp lý: kết hôn, nghĩa vụ và quyền của vợ và chồng, quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con, ly hôn, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;
- CO3: Lựa chọn, vận dụng các quy phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống cụ thể;
- CO4: Hình thành nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình;
- CLO2: So sánh và đưa ra quan điểm cá nhân về các vấn đề pháp lý liên quan đến hôn nhân và gia đình;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống thực tế;
- CLO4: Xây dựng được kỹ năng phản biện, tranh luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến hôn nhân và gia đình;
- CLO5: Hình thành được nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và những hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử 1.2. Khái niệm hôn nhân và các đặc trưng của hôn nhân 1.3. Khái niệm gia đình	2	1				10

1.4. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.5. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.6. Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam						
Chương 2: Quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.1. Khái niệm quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.2. Các yếu tố của quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.3. Thực hiện và bảo vệ quyền hôn nhân và gia đình 2.4. Căn cứ phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình	2	1		2		10
Chương 3: Sự phát triển của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay 3.1. Chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám 1945 3.2. Các giai đoạn phát triển của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay 3.3. Nguồn của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2	1				10
Chương IV: Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình 4.1. Khái niệm kết hôn 4.2. Các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 4.3. Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2	2		2		10
Chương 5: Nghĩa vụ và quyền của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 5.1. Khái niệm 5.2. Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa vợ, chồng theo luật định	2	2		4		10

5.3. Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam						
Chương 6: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 6.1. Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con 6.2. Nội dung quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam 6.3. Quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên trong gia đình	2	1		1		10
Chương 7: Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình 7.1. Khái niệm quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình 7.2. Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình 7.3. Chấm dứt quan hệ cấp dưỡng	2	1		1		10
Chương 8: Chấm dứt hôn nhân 8.1. Chấm dứt hôn nhân do một bên vợ, chồng chết hoặc có quyết định của tòa án tuyên bố vợ, chồng đã chết 8.2. Ly hôn	2	1		2		10
Chương 9: Giám hộ giữa các thành viên trong gia đình 9.1. Khái niệm và mục đích của việc giám hộ giữa các thành viên trong gia đình 9.2. Người được giám hộ, người giám hộ và thủ tục công nhận việc giám hộ 9.3. Nghĩa vụ và quyền của người giám hộ 9.4. Thay đổi, chấm dứt việc giám hộ	1	1				5
Chương 10: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 10.1. Khái niệm quan hệ hôn nhân và gia	1	1				5

đình của yếu tố nước ngoài						
10.2. Các nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài và thẩm quyền giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài						
10.3. Các trường hợp cụ thể về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014						
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Văn Cừ (chủ biên), (2018), *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Ngô Thị Hường (chủ biên), (2015), *Hướng dẫn học tập – tìm hiểu Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Nxb. Lao động.
2. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

6.29. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ/ CIVIL PROCEDURE LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197023
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; Biện pháp khẩn cấp tạm thời; Cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp luật về các quy định pháp luật tố tụng dân sự, trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án;
- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tố tụng dân sự để tư vấn, xác định giải pháp cho những tình huống cụ thể;
- CO3: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, phân loại, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tố tụng dân sự;
- CO4: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức tại Tòa án;

- CLO2: Hoàn thiện được các kỹ năng cần thiết như kỹ năng thuyết trình, phản biện về giải quyết các vụ việc dân sự về lĩnh vực tố tụng dân sự;

- CLO3: Thực hiện được một số công việc của cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp;

- CLO4: Hình thành được niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm và nguyên tắc của luật tố tụng dân sự 1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam 1.2. Nhiệm vụ và nguồn của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam 1.3. Khoa học Luật Tố tụng dân sự và hệ thống môn học 1.4. Quan hệ pháp luật tố tụng dân sự 1.5. Các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam	2					5
Chương 2: Thẩm quyền của tòa án nhân dân 2.2. Khái niệm thẩm quyền dân sự và ý nghĩa xác định thẩm quyền dân sự của Tòa án 2.3. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc 2.4. Việc phân định thẩm quyền giữa các Tòa án 2.5. Chuyển vụ việc dân sự cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tách vụ án dân sự	2	2		1		10

Chương 3: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự 3.1. Cơ quan tiến hành tố tụng dân sự 3.2. Người tiến hành tố tụng dân sự 3.3. Người tham gia tố tụng dân sự	2	2		1		5
Chương 4: Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự 4.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự 4.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự	2	2		1		5
Chương 5: Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu 5.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời 5.2. Cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng 5.3. Thời hạn tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu	2	2		1		5
Chương 6: Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng 6.1. Án phí và lệ phí 6.2. Chi phí tố tụng	1	1		1		5
Chương 7: Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm 7.1. Khởi kiện vụ án dân sự 7.2. Thụ lý vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự 7.3. Chuẩn bị xét xử, hòa giải, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử 7.4. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự	2	2		1		10
Chương 8: Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm 8.1. Khái niệm và ý nghĩa của phúc thẩm dân sự 8.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm	2	2		1		10

8.3. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án dân sự 8.4. Thủ tục xét xử phúc thẩm 8.5. Thủ tục phúc thẩm quyết định của tòa án cấp sơ thẩm và việc gửi bản án, quyết định phúc thẩm						
Chương 9: Thủ tục rút gọn giải quyết vụ án dân sự 9.1. Khái niệm, ý nghĩa và điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn 9.2. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án sơ thẩm 9.3. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm	2	2		1		5
Chương 10: Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của tòa án đã có hiệu lực pháp luật 10.1. Thủ tục giám đốc thẩm dân sự 10.2. Thủ tục tái thẩm 10.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao	2	2		1		10
Chương 11: Thủ tục giải quyết việc dân sự 11.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự 11.2. Thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân 11.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết 11.4. Thủ tục giải quyết các yêu cầu về hôn nhân và gia đình 11.5. Thủ tục yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu 11.6. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; thỏa ước lao động tập thể vô hiệu	2	2		1		5

11.7. Thủ tục xem xét tính hợp pháp của cuộc đình công 11.8. Thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động của trọng tài thương mại 11.8. Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án 11.10. Thủ tục giải quyết việc dân sự liên quan đến việc bắt giữ tàu bay, tàu biển						
Chương 12: Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.2. Những quy định chung về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.3. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài 12.4. Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam 12.5. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.6. Thủ tục phúc thẩm quyết định xét đơn yêu cầu công nhận, không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa	2	2		1		5

án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài						
Chương 13: Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự						
13.1. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài	2	2		1		5
13.2. Tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự						
Chương 14: Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự						
14.1. Xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự	2	1				5
14.2. Khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự						
Tổng	27	24	12			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3,4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên), (2022), *Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS. Trần Anh Tuấn (chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015*, Nxb. Tư pháp;
2. *Bộ luật Tổ tụng dân sự nước CHXHCNVN*, Nxb. Lao động, 2016.

6.30. LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/ENFORCEMENT OF CIVIL JUDGMENTS LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 15 TL, 09 TH)
- Mã học phần: 199019
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật tố tụng dân sự

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các vấn đề về: Khái niệm chung về luật Thi hành án dân sự; xã hội hoá thi hành án dân sự; Các nguyên tắc cơ bản của luật Thi hành án dân sự; Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thi hành án dân sự, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; Quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; Thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi hành án dân sự; Các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; Miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong thi hành án dân sự; Phí và chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự; Khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về trình tự, thủ tục thi hành án các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật;

- CO2: Áp dụng các kiến thức pháp luật tổ tụng dân sự để giải quyết các tình huống có liên quan đến thủ tục thi hành án dân sự;

- CO3: Có kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lí, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thi hành án dân sự;

- CO4: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lí trong giai đoạn mới; luôn nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được trình tự, thủ tục thi hành án các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật;

- CLO2: Hiểu được các kiến thức về khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự;

- CLO3: Hoàn thiện các kỹ năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế liên quan đến thủ tục thi hành án dân sự;

- CLO4: Hình thành được niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lí.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Thi hành án Dân sự Việt Nam 1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và nguồn của Luật Thi hành án Dân sự 1.2. Vai trò, nhiệm vụ và sự phát triển của Luật Thi hành án Dân sự 1.3. Quan hệ pháp luật thi hành án dân sự và xã hội hóa thi hành án dân sự	2	2			10

1.4. Thời hiệu yêu cầu thi hành án và thẩm quyền thi hành án dân sự 1.5. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Thi hành án Dân sự						
Chương 2: Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thi hành án dân sự 2.2. Cơ quan thi hành án dân sự 2.3. Chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự 2.4. Đương sự và người đại diện của đương sự trong thi hành án dân sự 2.5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong thi hành án dân sự	2	2		2		10
Chương 3: Thủ tục thi hành án dân sự 3.1. Cấp, chuyển giao và giải thích bản án, quyết định 3.2. Yêu cầu thi hành án và nhận đơn yêu cầu thi hành án dân sự 3.3. Ra quyết định thi hành án, chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án và ủy thác thi hành án dân sự 3.4. Thông báo thi hành án và xác minh điều kiện thi hành án dân sự 3.5. Áp dụng các biện pháp thi hành án dân sự 3.6. Hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án và trả lại đơn yêu cầu thi hành án dân sự 3.7. Bảo quản tài sản thi hành án, thanh toán tiền thi hành án, kết thúc thi hành án và xác nhận kết quả thi hành án dân sự	3	3		2		15
Chương 4: Thi hành án dân sự trong một số trường hợp đặc biệt 4.1. Thi hành khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tiêu hủy tài sản và hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong các	3	3		2		15

bản án, quyết định hình sự 4.2. Thi hành quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời 4.3. Thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm 4.4. Thi hành quyết định về phá sản						
Chương 5: Biện pháp bảo đảm và biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự 5.1. Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự 5.2. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	3	3		2		15
Chương 6: Miễn giảm nghĩa vụ thi hành án, bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án, phí và chi phí thi hành án dân sự 6.1. Miễn và giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự 6.2. Bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án dân sự 6.3. Phí và chi phí thi hành án dân sự	3	1		1		15
Chương 7: Khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm thi hành án dân sự 7.1. Khiếu nại về thi hành án dân sự 7.2. Tố cáo về thi hành án dân sự 7.3. Kháng nghị về thi hành án dân sự 7.4. Xử lý vi phạm về thi hành án dân sự	2	1				10
Tổng	18	15		9		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên), (2019), *Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

6.31. LUẬT LAO ĐỘNG/ LABOUR LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 27 TL, 9 TH)
- Mã học phần: 197026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức: Khái niệm về Luật Lao động Việt Nam, quan hệ pháp luật lao động; đại diện các bên trong quan hệ lao động; hợp đồng lao động; cho thuê lại lao động; đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; điều kiện lao động và điều kiện sử dụng lao động; lao động đặc thù, kỉ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp lý về lĩnh vực lao động, nhận diện được các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Lao động, phân biệt được Luật Lao động với các ngành luật khác;

- CO2: Trang bị kĩ năng nghiên cứu, phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề phát sinh trong lĩnh vực lao động;

- CO3: Tự tin, độc lập tư duy khi giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ lao động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được các khái niệm, bản chất, nội dung của các quan hệ pháp luật lao động;

- CLO2: Phân tích và đánh giá được các nội dung pháp luật lao động: việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, tiền lương, tranh chấp lao động và đình công;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng phân tích, lập luận, đánh giá quy định của pháp luật trong lĩnh vực lao động;

- CLO4: Luận giải được vấn đề và đưa ra được các giải pháp pháp lý để giải quyết tình huống trong lĩnh vực lao động;

- CLO5: Nhận thức, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật lao động.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật lao động Việt Nam 1.1 Phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật lao động	2	2				10

1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động						
1.3. Nguồn của luật lao động và mối quan hệ của luật lao động với một số ngành luật khác						
Chương 2: Quan hệ pháp luật lao động 2.1. Quan hệ pháp luật lao động cá nhân 2.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể 2.3. Nhóm quan hệ pháp luật có liên quan hoặc phát sinh từ quan hệ pháp luật lao động cá nhân, quan hệ pháp luật lao động tập thể	2	3				10
Chương 3: Đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.1. Khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.2. Đại diện bên tập thể lao động 3.3. Đại diện bên sử dụng lao động trong quan hệ lao động 3.4. Các hình thức tương tác của đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.5. Cơ chế ba bên	2	2				10
Chương 4. Hợp đồng lao động 4.1. Khái niệm, đặc điểm 4.2. Giao kết HĐLĐ 4.3. Đối tượng áp dụng 4.4. Nội dung 4.5. Phân loại 4.6. Thực hiện và thay đổi HĐLĐ 4.7. Tạm hoãn HĐLĐ 4.8. Sự chấm dứt HĐLĐ	3	3		1		15
Chương 5. Cho thuê lại lao động 5.1. Khái quát chung về cho thuê lại lao động 5.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh cho thuê lại lao động	3	2				15
Chương 6. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và	3	3		2		15

thỏa ước lao động tập thể 6.1. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động 6.2. Thương lượng tập thể 6.3. Thỏa ước lao động tập thể						
Chương 7. Điều kiện lao động và điều kiện sử dụng lao động 7.1. Pháp luật an toàn lao động, vệ sinh lao động 7.2. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 7.3. Tiền lương	3	2				15
Chương 8. Lao động đặc thù 8.1. Khái quát chung về lao động đặc thù 8.2. Nguyên tắc điều chỉnh pháp luật đối với lao động đặc thù 8.3 Chế độ đối với lao động đặc thù	2	2				10
Chương 9. Kỉ luật lao động, trách nhiệm vật chất 9.1. Kỉ luật lao động 9.2. Trách nhiệm vật chất	2	3		3		10
Chương 10: Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động 10.1. Tranh chấp lao động 10.1. Giải quyết tranh chấp lao động	3	3		3		10
Chương 11: Đình công và giải quyết đình công 11.1. Đình công 11.2. Giải quyết đình công	2	2				10
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số

Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên), (2022), *Giáo trình luật lao động Việt Nam, tập 1*, Nxb.CAND;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên), (2021), *Giáo trình luật lao động Việt Nam, tập 2*, Nxb.CAND.

2. PGS. TS Trần Thị Thúy Lâm, TS. Đỗ Thị Dung, (2021), *Bình luận những điểm mới của Bộ Luật lao động năm 2019*, Nxb. Lao động;

6.32. PHÁP LUẬT VỀ THUẾ/TAX LAW

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197064
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức pháp luật về các loại thuế, thủ tục khai báo thuế, chế độ miễn giảm thuế, căn cứ tính thuế, việc hoàn trả hoặc truy thu thuế,.. của các loại thuế xuất khẩu, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập; thuế đất đai, thuế tài nguyên; giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, các trường hợp hoàn thuế, miễn thuế,...;
- CO2: Hình thành kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực thuế;
- CO3: Tích cực, chủ động tìm hiểu vấn đề pháp lý về thuế và tranh chấp liên quan đến thuế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, nguyên lý và phương pháp đánh thuế đối với hàng hóa dịch vụ, thu nhập và tài sản;
- CLO2: Phân tích được các quy định của pháp luật về từng loại thuế từ đó nhận diện những vi phạm trong lĩnh vực thuế và phương pháp giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức đã học để xử lý tình huống cụ thể trong lĩnh vực thuế;
- CLO4: Hình thành được ý thức tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thuế; Tích cực, chủ động tìm hiểu vấn đề pháp lý về thuế và tranh chấp liên quan đến thuế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của Pháp luật thuế 1.1. Khái niệm, phân loại thuế 1.2. Nguyên tắc đánh thuế 1.3. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của pháp luật thuế 1.4. Nguồn của pháp luật thuế 1.5.	2	2				10

Chương 2: Pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.2. Nội dung pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2	3				10
Chương 3: Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt 3.1. Khái niệm, đặc điểm thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2. Nội dung pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt.	2	3				10
Chương 4: Pháp luật về thuế giá trị gia tăng 4.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế giá trị gia tăng. 4.2. Nội dung pháp luật về thuế giá trị gia tăng	3	5				15
Chương 5: Pháp luật về thuế thu nhập 5.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế thu nhập 5.2. Nội dung về thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao 5.3 Nội dung về thuế thu nhập với doanh nghiệp	2	3				10
Chương 6: Pháp luật về thuế đất đai 6.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế đất đai 6.2. Nội dung pháp luật thuế đất đai	2	2				10
Chương 7: Pháp luật về thuế tài nguyên, thuế môn bài 7.1. Khái niệm, đặc điểm thuế tài nguyên, thuế môn bài. 7.2. Nội dung pháp luật thuế tài nguyên 7.3. Nội dung pháp luật thuế môn bài	2	2				10
Chương 8: Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về thuế 8.1. Giải quyết tranh chấp về thuế 8.2. Xử lý vi phạm về thuế	3	4				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Phạm Thị Giang Thu (Chủ biên), (2020), *Giáo trình luật thuế*, Nxb. Tư Pháp.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Tăng Bình - Ái Phương, (2022), *Chính sách thuế, chính sách hỗ trợ người nộp thuế áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp*, Nxb. Tài chính.

6.33. LUẬT ĐẤT ĐAI/ LAND LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 27 TL, 9 TH)

- Mã học phần: 197028

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật Hành chính, Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về chế độ sở hữu, chế độ quản lý đất đai ở Việt Nam; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất, quản lý và sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lý, sử dụng đất đai; Hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức lý luận chung về Luật Đất đai; nội dung chế định sở hữu toàn dân về đất đai; chế định quản lý, sử dụng đất đai; chế độ pháp lý các nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; nội dung các quy định về giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai;

- CO2: Xây dựng kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các văn bản pháp luật đất đai. Vận dụng những vấn đề lý thuyết đã được trang bị vào việc giải quyết các vụ việc đất đai xảy ra trong thực tiễn;

- CO3: Hình thành sự chủ động, tự tin, trung thực trong việc phân tích, lý giải và đánh giá một vấn đề pháp luật và những sự kiện, tình huống đất đai phát sinh trong thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện và phân tích được khái niệm, bản chất đặc thù của các quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của ngành luật đất đai, mối quan hệ pháp luật đất đai trong các vấn đề pháp lý về kinh tế, thương mại và với một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

- CLO2: Xây dựng được năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật đất đai;

- CLO3: Phát triển kỹ năng tư vấn, thuyết trình, trợ giúp pháp lý, giải quyết các tình huống đất đai cụ thể;

- CLO4: Hình thành được sự chủ động, tự tin, trung thực trong việc phân tích, lý giải và đánh giá một vấn đề pháp luật và những sự kiện, tình huống đất đai phát sinh trong thực tiễn.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Các vấn đề lý luận cơ bản về ngành luật đất đai 1.1. Khái niệm luật đất đai 1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành luật đất đai. 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của ngành luật đất đai 1.4. Quan hệ pháp luật đất đai 1.5. Nguồn của luật đất đai	3	3				15
Chương 2: Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai 2.1. Cơ sở của việc xây dựng chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta 2.2. Khái niệm chế độ sở hữu toàn dân về đất đai 2.3. Chủ thể, khách thể và nội dung của quyền sở hữu toàn dân về đất đai	3	3				15
Chương 3: Chế độ quản lý nhà nước về đất đai 3.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai 3.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật về quản lý nhà nước đối với đất đai.	3	3				15
Chương 4: Địa vị pháp lý của người sử dụng đất Các vấn đề lý luận chung về địa vị pháp lý của người sử dụng đất 4.2.Các quy định cụ thể về địa vị pháp lý của người sử dụng đất	4	4				20
Chương 5: Thủ tục hành chính về đất đai	3	3				15

5.1. Khái quát chung thủ tục hành chính về đất đai					
5.2. Nội dung pháp luật về thủ tục hành chính về đất đai					
Chương 6: Chế độ pháp lý nhóm đất nông nghiệp					
6.1. Khái niệm và phân loại nhóm đất nông nghiệp					
6.2. Đối tượng được giao, được thuê nhóm đất nông nghiệp					
6.3. Thời hạn sử dụng nhóm đất nông nghiệp					
6.4. Các quy định về hạn mức đất					
6.5. Các quy định về quỹ đất công ích	3	3		3	15
6.6. Quy định về đất trồng lúa					
6.7. Các quy định về đất rừng					
6.8. Các quy định về việc sử dụng đất có mặt nước để nuôi trồng thủy sản					
6.9. Các quy định về đất bãi bồi ven sông, ven biển					
6.10. Các quy định về đất làm muối					
6.11. Các quy định về đất sử dụng cho kinh tế trang trại					
Chương 7: Chế độ pháp lý nhóm đất phi nông nghiệp					
7.1. Các quy định về quản lý và sử dụng đất khu dân cư					
7.2. Các quy định về quản lý và sử dụng đất quốc phòng an ninh					
7.3. Các quy định về quản lý và sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh	4	4		3	20
7.4. Các quy định về quản lý và sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa					
7.5. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dụng					
7.6. Các quy định về quản lý và sử dụng đất					

cho hoạt động khoáng sản 7.7. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 7.8. Các quy định về quản lý và sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp 7.9. Các quy định về quản lý và sử dụng đất vào mục đích công cộng, đất để thực hiện dự án xây dựng – chuyển giao và dự án xây dựng – kinh doanh – chuyển giao 7.10. Các quy định về quản lý và sử dụng đất cơ sở tôn giáo và đất tín ngưỡng 7.11. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 7.12. Quy định về đất xây dựng công trình ngầm 7.13. Quy định về đất cảng hàng không, sân bay dân dụng 7.14. Quy định về đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 7.15. Quy định về đất xây dựng các công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn.						
Chương 8: Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đất đai 8.1. Giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai 8.2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai 8.3. Tranh chấp đất đai và giải quyết tranh chấp về đất đai 8.4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai 8.5. Vi phạm pháp luật đất đai và xử lý vi phạm pháp luật đất đai	4	4		3		20
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS.Trần Quang Huy (Chủ biên), (2022), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. TS. Phạm Thị Hương Lan (Chủ biên), (2018), *Bình luận khoa học luật đất đai năm 2013*, Nxb. Lao động.
2. Luật đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018

6.34. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ / INTERNATIONAL COMMERCIAL LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 199025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT-Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế như: tổng quan luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO; Các hiệp định của WTO; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Thanh toán quốc tế; Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân;
- CO2: Có kỹ năng nhận diện nguồn của luật thương mại quốc tế và vận dụng giải quyết các tình huống;
- CO3: Tích cực chủ động tìm hiểu vấn đề pháp lý về thương mại quốc tế và tranh chấp thương mại liên quan đến Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về khái niệm, nội dung, các quy định pháp luật trong hoạt động thương mại quốc tế;
- CLO2: Nhận diện được các quan hệ thương mại giữa các quốc gia và giữa các thương nhân;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tra cứu, vận dụng các văn bản pháp luật vào giải quyết tình huống trong hoạt động thương mại quốc tế;
- CLO4: Hình thành được tính chủ động, linh hoạt trong làm việc nhóm để giải quyết tình huống trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về luật thương mại quốc tế 1.1. Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế	2	2				10

1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế						
1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế						
Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của WTO						
2.1. Khái quát về Tổ chức thương mại thế giới (WTO)	2	2				10
2.2. Các nguyên tắc cơ bản của WTO						
Chương 3. Các hiệp định của WTO						
3.1. Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO	4	4				20
3.2. Thương mại dịch vụ và GATS						
3.3. Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs						
Chương 4. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO						
4.1. Bản thỏa thuận về các quy tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp (DSU)						
4.2. Các bên tranh chấp và tham gia giải quyết tranh chấp tại WTO						
4.3. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO	2	4				10
4.4. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO						
4.5. Các căn cứ khiếu kiện						
4.6. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO						
Chương 5. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế						
5.1. Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế						
5.2. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	4	4				20
5.3. Các điều kiện cơ sở giao hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế - INCOTERMS 2020						

5.4. Bộ nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT - PICC 2016						
5.5. Pháp luật Việt Nam điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế						
Chương 6. Thanh toán quốc tế						
6.1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế						
6.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản	2	4				10
6.3. Pháp luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế						
Chương 7. Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân						
7.1. Thương lượng	2	4				10
7.2. Hoà giải, trung gian						
7.3. Toà án						
7.4. Trọng tài thương mại						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%

1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS. Nông Quốc Bình, (2020), *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. TS. Trần Văn Hòe, (2015), *Giáo trình Tín dụng và thanh toán trong thương mại quốc tế*, Nxb.ĐHKTQD.
2. PGS.TS Nguyễn Văn Hồng (người dịch), (2019); *Inconterms 2010*; Nxb.TTTT.

6.35. LUẬT SƯ, CÔNG CHỨNG/ LAWYERS, NOTARITUS

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 24TL; 12TH)
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức: những quy định chung về luật sư, hành nghề luật sư, thù lao, chi phí, tiền lương theo hợp đồng thanh toán chi phí, hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam, quản lý hành nghề luật sư; những vấn đề về công chứng, gồm: quy định chung về công chứng, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, lưu trữ hồ sơ công chứng, phí và thù lao công chứng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về lý luận và thực tiễn về Luật sư, công chứng; Hiểu được vai trò của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính trong các lĩnh vực đó.

- CO2: Có khả năng vận dụng pháp luật luật sư, công chứng vào thực tiễn

- CO3: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về hoạt động luật sư, công chứng ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được kiến thức chung về luật sư, công chứng, các kiến thức chuyên sâu để ứng dụng trong từng lĩnh vực.

- CLO2: Vận dụng được pháp luật công chứng và luật sư để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn.

- CLO3: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của Luật Luật sư, luật công chứng.

- CLO4: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật Luật sư, luật công chứng.

- CLO5: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật sư, công chứng.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề lý luận về công chứng 1.1 Quá trình hình thành, phát triển công chứng 1.2. Khái niệm và đặc điểm của công chứng	3	2		0		15
Chương 2: Công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và quản lý nhà nước về công chứng ở Việt Nam: 2.1. Công chứng viên 2.2. Tổ chức hành nghề công chứng 2.3. Quản lý Nhà nước về công	3	4		0		15

chúng						
Chương 3: Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch: 3.1. Thủ tục chung về công chứng 3.2. Thủ tục công chứng một số hợp đồng, giao dịch cụ thể	6	4		4		30
Chương 4: Một số vấn đề chung về luật sư ở Việt Nam hiện nay 4.1. Khái niệm, vai trò của luật sư 4.2. Điều kiện, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của luật sư 4.3. Hành nghề luật sư 4.4. Các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư	3	4		4		45
Chương 5: Hoạt động thực hiện trợ giúp pháp lý của luật sư. 5.1. Trợ giúp pháp lý và trách nhiệm trợ giúp pháp lý của luật sư. 5.2. Quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý. 5.3. Kỹ năng chung của luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý.	3	4		0		45
Chương 6: Một số kỹ năng của Luật sư. 6.1. Kỹ năng nghe của luật sư. 6.2. Kỹ năng đọc của luật sư. 6.3. Kỹ năng hỏi của luật sư. 6.4. Kỹ năng lập luận của luật sư. 6.5. Kỹ năng tranh luận của luật sư. 6.6. Kỹ năng tra cứu và sử dụng văn bản pháp luật. 6.7. Kỹ năng làm việc của luật sư với cơ quan truyền thông.	6	4		4		90
Chương 7: Quản trị, tổ chức hành nghề luật sư. 7.1. Quản trị tổ chức hành nghề luật sư. 7.2. Chính sách thù lao, cách tính thù	3	2		4		45

lao, chi phí của tổ chức hành nghề luật sư, giải quyết tranh chấp về thu lao, chi phí luật sư.						
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phỏng vấn; Thực hành; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,4,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

- GVC.ThS Nguyễn Văn Ước, TS. Nguyễn Văn Điệp (chủ biên), 2016, “*Giáo trình luật sư và nghề luật sư*”, NXB Tư pháp.
- TS. Nguyễn Xuân Thu, ThS. Phạm Thị Thúy Hồng, 2018, “*Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng*”, Tập 1, NXB Tư pháp.

*** Tài liệu tham khảo:**

- Luật công chứng năm 2014
- Văn bản hợp nhất Luật luật sư 03/VBHN-VPQH năm 2015

6.36.a. LUẬT CẠNH TRANH/COMPETITION LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các kiến thức về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh: Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về nội dung của pháp luật cạnh tranh, các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh và cạnh tranh không lành mạnh, thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh;
- CO2: Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các quy định của pháp luật cạnh tranh;
- CO3: Vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường;
- CO4: Hình thành thái độ tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức lý luận về cạnh tranh, xác định được các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường đồng thời xác định được trình tự, thẩm quyền thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh;
- CLO2: Bình luận, đánh giá, phân tích, so sánh được hệ thống các quy định của pháp luật cạnh tranh;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp luật về cạnh tranh để giải quyết được

các tình huống pháp luật cạnh tranh trên thực tế từ đó có khả năng bảo vệ được những lợi ích chính đáng của mình cũng như của người khác trong khuôn khổ pháp luật;

- CLO4: Có ý thức xây dựng được môi trường kinh doanh bình đẳng, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh, đạo đức kinh doanh và văn hóa cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1.1. Khái quát về cạnh tranh 1.2. Những vấn đề lí luận về pháp luật cạnh tranh. 1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam	2	3				10
Chương 2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh 2.1. Xác định thị trường liên quan 2.2. Sức mạnh thị trường	3	4				15
Chương 3: Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh 3.1. Khái quát về thoả thuận hạn chế cạnh tranh 3.2. Quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam	3	3				15
Chương 4. Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền 4.1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh 4.2. Các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam	3	4				15
Chương 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế	2	3				10

5.1. Khái quát về tập trung kinh tế 5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam						
Chương 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh 6.1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh 6.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	2	3				10
Chương 7. Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh 7.1. Tổ tụng cạnh tranh 7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	3	4				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết hoặc Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS Nguyễn Thị Vân Anh (chủ biên), (2022), *Giáo trình luật cạnh tranh*, Nxb. Công an nhân dân.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Tăng Văn Nghĩa, (2009), *Giáo trình pháp luật cạnh tranh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Luật cạnh tranh năm 2018.

6.36.b. LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM/ INSURANCE BUSINESS LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197066
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức về hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Lý luận chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Quy chế pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bảo hiểm; Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về pháp luật kinh doanh bảo hiểm và thực tiễn hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam;
- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật về kinh doanh bảo hiểm vào thực tiễn;
- CO3: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc khi nghiên cứu pháp luật trong lĩnh vực

kinh doanh bảo hiểm; tự tin, độc lập tư duy giải quyết vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh bảo hiểm; phân tích được bản chất, đặc thù, nội dung của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

- CLO2: Phát triển được kỹ năng lập luận, đánh giá về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng tư vấn, đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;

- CLO4: Hình thành được ý thức đúng đắn, nghiêm túc khi nghiên cứu pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; tự tin, độc lập tư duy giải quyết vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Lý luận cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm 1.1. Những vấn đề cơ bản về kinh doanh bảo hiểm 1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	2				10
Chương 2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh bảo hiểm 2.1. Doanh nghiệp bảo hiểm 2.2. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ 2.3. Tổ chức bảo hiểm nước ngoài.	2	4				10
Chương 3: Pháp luật về trung gian bảo hiểm 3.1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm 3.2. Đại lý bảo hiểm	2	4				10
Chương 4. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm 4.1. Khái niệm, phân loại sản phẩm bảo hiểm	2	2				10

4.2. Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm						
Chương 5. Pháp luật về bảo hiểm phi nhân thọ 5.1. Bảo hiểm tài sản 5.2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự 5.3. Bảo hiểm con người phi nhân thọ	4	6				20
Chương 6. Pháp luật về bảo hiểm nhân thọ 6.1. Đặc trưng của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ 6.2. Các loại sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cơ bản 6.3. Các loại sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư 6.4. Một số quy định đặc thù đối với loại hình bảo hiểm nhân thọ	4	4				20
Chương 7. Pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm 7.1. Khái quát về quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm 7.2. Nội dung quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2	2				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS, TS. Đặng Văn Dân, (2015), *Giáo trình bảo hiểm*, Nxb. Tài chính.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. TS. Phạm Thị Định, (2015), *Giáo trình kinh tế bảo hiểm*, Nxb. Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

6.36.c. PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH ĐẢM BẢO/ SECURED TRANSACTION LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 197067

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các nội dung sau: Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Pháp luật về hợp đồng bảo

đảm thực hiện nghĩa vụ; Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức pháp luật về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, xác định đặc điểm pháp lý của từng biện pháp bảo đảm;
- CO2: Hình thành kỹ năng cần thiết trong xác lập giao dịch đảm bảo, hiệu lực của giao dịch đảm bảo và hiệu lực đối kháng với bên thứ ba;
- CO3: Vận dụng, liên hệ những kiến thức đã học để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia xác lập các biện pháp đảm bảo khi thực hiện nghĩa vụ.
- CO4: Nhận thức tầm quan trọng của pháp luật với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự giữa các chủ thể.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Cung cấp các kiến thức pháp luật về đảm bảo nghĩa vụ vào việc xác lập các biện pháp đảm bảo trong thực tiễn.
- CLO2: Hình thành và phát triển được năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.
- CLO3: Giải quyết được những tình huống thực tiễn pháp lý liên quan đến việc xác lập giao dịch đảm bảo và hiệu lực của giao dịch đảm bảo.
- CLO4: Đề xuất được các phương án giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ bảo đảm nghĩa vụ.
- CLO5: Có ý học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề đảm bảo quyền của các chủ thể khi tham gia vào giao dịch bảo đảm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận Bài tập			
Chương 1: Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giao dịch bảo đảm 1.2. Đối tượng bảo đảm và đối tượng được bảo đảm 1.3. Điều kiện bảo đảm 1.4. Chủ thể trong giao dịch bảo đảm 1.5. Quyền của bên nhận bảo đảm trong	3	4			15

giao dịch bảo đảm					
Chương 2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ 2.1. Cầm cố tài sản 2.2. Thế chấp tài sản 2.3. Bảo lãnh 2.4. Đặt cọc 2.5. Ký cược 2.6. Ký quỹ 2.7. Tín chấp 2.8. Bảo lưu quyền sở hữu 2.9. Cầm giữ tài sản	3	4			15
Chương 3. Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ 3.1. Quy định chung về hợp đồng bảo đảm 3.2. Nội dung của hợp đồng bảo đảm 3.3. Hình thức hợp đồng bảo đảm 3.4. Hiệu lực của hợp đồng bảo đảm 3.5. Hiệu lực đối kháng đối với người thứ ba	3	4			15
Chương 4. Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm 4.1. Quy định chung về đăng ký biện pháp bảo đảm 4.2. Trình tự thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm 4.3. Trình tự thủ tục đăng ký thế chấp tàu bay, tàu biển 4.4. Trình tự thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 4.5. Trình tự thủ tục đăng ký thế chấp bằng động sản 4.6. Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm	3	4			15
Chương 5. Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm 5.1. Quy định chung về xử lý tài sản bảo đảm	3	4			15

5.2. Phương thức xử lý tài sản bảo đảm. 5.3. Xác định thứ tự ưu tiên thanh toán. 5.4. Giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm 5.5. Kinh nghiệm pháp luật quốc tế về xử lý tài sản bảo đảm, so sánh với Việt Nam					
Chương 6. Giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm 6.1 Nhận diện các dạng tranh chấp về giao dịch bảo đảm 6.2. Các loại chứng cứ có giá trị chứng minh quyền trong giao dịch bảo đảm 6.3. Trình tự giải quyết tranh chấp 6.4. Lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trong giao dịch bảo đảm.	3	4			15
Tổng	18	24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS. Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2020), *Giáo trình luật Dân sự Việt Nam , tập 2*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Trương Thanh Đức (chủ biên), (2021), *Chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng (quy định, thực tế và thiết kế giao dịch theo Bộ luật dân sự hiện hành)*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

6.37.a. LUẬT CHỨNG KHOÁN/ SECURITIES LAW

- Số tín chỉ: 02(18LT; 24TL)
- Mã học phần: 197044
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về pháp luật chứng khoán: Tổng quan về chứng khoán và pháp luật về chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về công ty đại chúng; Pháp luật về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán; Pháp luật điều chỉnh Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về quản lý thị trường chứng khoán; Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán;

- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá các văn bản pháp luật; sử dụng các quy định của pháp luật chứng khoán để giải quyết những tình huống trong lĩnh vực chứng khoán;

- CO3: Có tính chủ động, khả năng phản biện, tranh luận, tư duy ứng xử, làm việc nhóm, phối hợp với nhau để giải quyết các tình huống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; thực tiễn hoạt động chứng khoán;

- CLO2: Hình thành được kỹ năng nghiên cứu, tìm kiếm, phân tích văn bản pháp luật chứng khoán để giải quyết tình huống trong lĩnh vực chứng khoán;

- CLO3: Có tính chủ động trong phản biện, tranh luận; có tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc;

- CLO4: Mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực chứng khoán.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về chứng khoán và pháp luật chứng khoán 1.1. Khái niệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 1.2. Khái niệm pháp luật chứng khoán.	2	2				10
Chương 2. Pháp luật về chào bán chứng khoán 2.1. Khái niệm về chào bán chứng khoán 2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng 2.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ.	2	4				10
Chương 3: Pháp luật về công ty đại chúng 3.1. Khái quát về công ty đại chúng 3.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về công ty đại chúng	2	2				10
Chương 4. Pháp luật về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán	2	2				10

4.1. Tổng quan về thị trường giao dịch chứng khoán 4.2 Pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung 4.3Thị trường phi tập trung và pháp luật về thị trường giao dịch phi tập trung.						
Chương 5. PL điều chỉnh Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán 5.1 Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán 5.2 Pháp luật điều chỉnh về quỹ đầu tư chứng khoán 5.3 Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 5.4 Pháp luật điều chỉnh về công ty đầu tư chứng khoán	4	6				20
Chương 6. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán 6.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh chứng khoán 6.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán	2	2				10
Chương 7:Pháp luật về quản lý thị trường chứng khoán 7.1 Những vấn đề cơ bản về quản chứng khoán và thị trường chứng khoán 7.2 Pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	4				10
Chương 8: Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán 8.1. Vi phạm và xử lý vi phạm về chứng khoán và thị trường chứng khoán 8.2. Giải quyết tranh chấp về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	2				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực

hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây.

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Phạm Thị Giang Thu (chủ biên), (2021), *Giáo trình luật chứng khoán*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Lê Thị Thu Thủy (chủ biên), (2017), *Giáo trình pháp luật về thị trường chứng khoán*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.

6.37.b. LUẬT NGÂN HÀNG/BANKING LAW

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197043
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Luật ngân hàng Việt Nam; pháp luật về tổ chức và hoạt động của ngân hàng nhà nước; pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng; pháp luật điều chỉnh hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; pháp luật điều chỉnh hoạt động bảo lãnh ngân hàng; pháp luật về chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; pháp luật về bao thanh toán của tổ chức tín dụng; pháp luật về cho thuê tài chính; pháp luật về trung gian thanh toán; pháp luật ngoại hối.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng;
- CO2: Phát triển kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật ngân hàng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng;
- CO3: Mạnh dạn bày tỏ quan điểm; trung thực, cẩn trọng trong việc xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các quy định liên quan đến pháp luật về ngân hàng từ đó nhận diện những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động ngân hàng;
- CLO2: Bình luận được các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực ngân hàng;
- CLO3: Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng;
- CLO4: Hình thành được ý thức tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật ngân hàng Việt Nam 1.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động ngân hàng và cấu trúc hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng	2	2				10

1.2. Vai trò của nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng						
1.3. Khái niệm chung về Luật Ngân hàng						
Chương 2. Ngân hàng nhà nước Việt Nam						
2.1. Vị trí pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2	2				10
2.2. Hệ thống tổ chức, lãnh đạo và điều hành Ngân hàng Nhà nước						
2.3. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước						
Chương 3: Tổ chức tín dụng						
3.1. Khái niệm, các loại tổ chức tín dụng						
3.2. Quy chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động, kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản, thanh lý tổ chức tín dụng	3	6				15
3.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý tổ chức tín dụng						
3.4. Các hạn chế và bảo hiểm tiền gửi để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng						
Chương 4. Pháp luật điều chỉnh hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng						
4.1. Khái niệm và các hình thức cho vay của tổ chức tín dụng	2	4				10
4.2. Pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng						
Chương 5. Pháp luật điều chỉnh hoạt động bảo lãnh ngân hàng						
5.1. Khái niệm và đặc điểm của bảo lãnh ngân hàng	3	4				15
5.2. Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng						
Chương 6. Pháp luật về chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác						
6.1. Tổng quan về hoạt động chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác của tổ chức tín dụng đối với khách hàng	2	2				10
6.2. Pháp luật về chiết khấu các giấy tờ có						

giá của tổ chức tín dụng						
Chương 7: Pháp luật điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính						
7.1. Khái niệm cho thuê tài chính và khái niệm pháp luật cho thuê tài chính	2	2				10
7.2. Pháp luật về cho thuê tài chính						
Chương 8. Pháp luật về ngoại hối						
8.1. Tổng quan về ngoại hối và hoạt động ngoại hối	2	2				10
8.2. Pháp luật về ngoại hối						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kỳ				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận

nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Võ Đình Toàn, (2021), *Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân;

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Văn Ngọc (2021), *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

6.37.c. PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP/CORPORATE FINANCE LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 197068

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật Thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Những vấn đề chung của pháp luật tài chính doanh nghiệp; Pháp luật về vốn của doanh nghiệp; Pháp luật về doanh thu và chi phí và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; Pháp luật về công khai thông tin tài chính doanh nghiệp; Pháp luật điều chỉnh hoạt động tài chính doanh nghiệp trong tổ chức lại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức pháp luật về quan hệ tài chính doanh nghiệp, hoạt động tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp;

- CO2: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề cơ bản, điển hình trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp;

- CO3: Hình thành sự tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tài chính của doanh nghiệp;

- CLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về tài chính doanh nghiệp

trong quá trình tổ chức quản lý và điều hành, giám sát quá trình hoạt động về tài chính doanh nghiệp;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng xử lý được các vấn đề, tình huống chuyên môn về tài chính doanh nghiệp;

- CLO4: Phát triển được kỹ năng lập kế hoạch, quản lý, điều hành, theo dõi kiểm tra hoạt động chính doanh nghiệp;

- CLO5: Hình thành thái độ nghiêm túc, trách nhiệm, tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận Bài tập			
Chương 1: Khái quát chung về tài chính doanh nghiệp và pháp luật tài chínhdoanh nghiệp. 1.1. Khía cạnh pháp lý của tài chính doanh nghiệp 1.2. Khái quát về pháp luật tài chính doanh nghiệp	3	4			15
Chương 2. Pháp luật về hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp. 2.1. Khái quát về nguồn vốn và hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp 2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động huy động vốn của doanhnh nghiệp	3	4			15
Chương 3: Pháp luật về quản lý doanh thu và chi phí của doanh nghiệp 3.1. Khái niệm doanh thu-chi phí 3.2. Nguyên tắc pháp lý trong sử dụng vốn của doanh nghiệp 3.3. Nội dung pháp lý về quản lý doanh thu 3.4. Khía cạnh pháp lý về xác lập chi phí của doanh nghiệp	3	4			15
Chương 4. Pháp luật về phân phối thu nhập và trích lập các quỹ của	3	4			15

doanh nghiệp 4.1. Nội dung pháp lý về xác định thu nhập 4.2. Phân phối thu nhập 4.3. Trích lập và quản lý các quỹ					
Chương 5. Pháp luật về các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp 5.1. Nội dung pháp lý của nghĩa vụ thuế 5.2. Nội dung pháp lý của nghĩa vụ tài chính khác	3	4			15
Chương 6. Pháp luật về kiểm soát hoạt động tài chính trong doanh nghiệp 6.1. Cơ chế pháp lý kiểm soát hoạt động tài chính trong doanh nghiệp 6.2. Trách nhiệm pháp lý trong hoạt động tài chính doanh nghiệp 6.3. Kiểm soát hoạt động tài chính trong các giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp. 6.4. Công cụ pháp lý phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tài chính doanh nghiệp	3	4			15
Tổng	18	24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	

Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Thị Lan Hương, (2014), *Những vấn đề pháp lý về Tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Chính trị quốc gia.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. TS. Lê Thị Xuân (chủ biên), (2021), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Lao Động.

2. TS. Bùi Hữu Phước (chủ biên), (2020), *Tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Tài Chính.

6.38.a. LUẬT AN SINH XÃ HỘI/ SOCIAL SECURITY LAW

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 197042

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật Lao động

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản: Luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Quan hệ pháp luật an sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội gồm: chế độ bảo hiểm ốm đau, chế độ bảo hiểm thai sản, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ bảo hiểm hưu trí, chế độ tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế;

Chế độ ưu đãi xã hội gồm: chế độ ưu đãi trợ cấp, chế độ ưu đãi về giáo dục, chế độ ưu đãi về việc làm và đảm bảo việc làm, chế độ chăm sóc sức khỏe; Chế độ cứu trợ xã hội và tranh chấp an sinh xã hội.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội, giải quyết tranh chấp an sinh xã hội;

- CO2: Hình thành kỹ năng phân tích vụ việc và xác định các chế độ an sinh xã hội cho các đối tượng;

- CO3: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc khi nghiên cứu pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội; tự tin trước các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực an sinh xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực an sinh xã hội; phân tích được bản chất, đặc thù, nội dung của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội;

- CLO2: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm, sử dụng và cập nhật các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực an sinh xã hội;

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp luật về an sinh xã hội để có thể tư vấn pháp lý; làm việc tại các cơ quan chuyên môn; góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội;

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khoa học, khách quan trong nghiên cứu khoa học; thường xuyên cập nhật những quy định mới của pháp luật an sinh xã hội.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Luật An sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.1. Khái quát chung Luật an sinh xã hội 1.2. Mối quan hệ giữa Luật an sinh xã hội và một số ngành luật khác 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật an sinh xã hội 1.4. Nguồn của luật an sinh xã hội 1.5. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và an sinh xã hội 1.6. Vai trò, ý nghĩa của luật an sinh xã	3	2			15	

hội						
1.7. Lịch sử luật an sinh xã hội Việt Nam						
Chương 2. Quan hệ pháp luật An sinh xã hội						
2.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp Luật an sinh xã hội	2	1				10
2.2. Các quan hệ pháp Luật an sinh xã hội						
Chương 3: Bảo hiểm xã hội						
3.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội						
3.2. Chế độ bảo hiểm ốm đau						
3.3. Chế độ bảo hiểm thai sản						
3.4. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	7	9				35
3.5. Chế độ bảo hiểm hưu trí						
3.6. Chế độ tử tuất						
3.7. Bảo hiểm thất nghiệp						
Chương 4. Bảo hiểm y tế						
4.1. Khái quát về bảo hiểm y tế	2	4				10
4.2. Chế độ bảo hiểm y tế						
Chương 5. Chế độ ưu đãi xã hội						
5.1. Khái quát về ưu đãi xã hội						
5.2. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận	2	3				10
5.3. Các chế độ ưu đãi xã hội						
Chương 6. Chế độ trợ giúp xã hội						
6.1. Khái quát về chế độ trợ giúp xã hội	1	3				5
6.2. Chế độ trợ giúp xã hội						
Chương 7. Tranh chấp an sinh xã hội						
7.1. Những vấn đề chung về tranh chấp an sinh xã hội	1	2				5
7.2. Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Nguyễn Kim Phụng (chủ biên), (2022), *Giáo trình Luật An sinh xã hội*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. *Quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2016.

6.38.b. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ/ INTELLECTUAL PROPERTY LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197037

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: khái niệm và đặc điểm sở hữu trí tuệ, khái niệm và đặc điểm về quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng, chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ; quyền tác giả, quyền liên quan và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; quyền sở hữu công nghiệp và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp gồm: quyền sở hữu công nghiệp về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; quyền với giống cây trồng và bảo hộ quyền với giống cây trồng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
- CO2: Vận dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế;
- CO3: Hình thành ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của Luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện và phân biệt được các đối tượng khác nhau của quyền sở hữu trí tuệ; các hành vi xâm phạm và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
- CLO2: Phân tích được các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ; các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn;
- CLO4: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật sở hữu trí tuệ 1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật SHTT 1.2. Nguồn của Luật SHTT	2	0				10

1.3. Quá trình phát triển của hệ thống pháp luật SHTT ở Việt Nam.						
Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 2.1. Quyền tác giả 2.2. Quyền liên quan 2.3. Hợp đồng chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan	6	8				30
Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp 3.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền SHCN 3.2. Đối tượng quyền SHCN 3.3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp 3.4. Nội dung quyền SHCN 3.5. Xác lập quyền SHCN 3.6. Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN	6	8				30
Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng 4.1. Khái niệm, nguyên tắc và điều kiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng. 4.2. Chủ thể và nội dung quyền đối với giống cây trồng. 4.3. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng.	2	5				10
Chương 5: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 5.1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền SHTT. 5.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền SHTT 5.3. Biện pháp bảo vệ quyền SHTT	2	3				10
Tổng	18	24				90

1. PGS.TS Phùng Trung Tập, (2018), *Giáo trình luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Vũ Thị Phương Lan (chủ biên), (2018), *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo Điều ước quốc tế và Pháp luật Việt Nam*, Nxb. CTQGST.
2. Luật sở hữu trí tuệ năm 2022.

6.38.c. PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU/ LAW ON AUCTION, BIDDING

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 199030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về hai lĩnh vực. Một là, những kiến thức về đấu giá: những vấn đề lý luận chung về đấu giá và pháp luật về đấu giá, đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản và pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá. Hai là, những kiến thức về đấu thầu: những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu, đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu, đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại, hợp đồng trong đấu thầu và vấn đề vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị kiến thức về những vấn đề lý luận chung, những quy định hiện hành, những vấn đề pháp lý về đấu giá, đấu thầu;
- CO2: Nhận diện những vướng mắc pháp luật về đấu giá, đấu thầu;
- CO3: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý; kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế;
- CO4: Hình thành sự tự tin trước những vấn đề pháp lý, tích cực nâng cao trình độ nhận thức và hiểu biết trong lĩnh vực đấu giá, đấu thầu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được kiến thức về phạm vi áp dụng và chủ thể trong hoạt động đấu thầu, các hình thức lựa chọn nhà thầu, các phương thức đấu thầu; phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; xét duyệt trúng thầu; mua sắm tập trung, mua sắm thường xuyên, mua thuốc, vật tư y tế; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; hợp đồng trong đấu thầu; vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được những quy định chung về đấu giá theo luật đấu giá tài sản; đấu giá viên và đạo đức nghề nghiệp của đấu giá viên; tổ chức đấu giá tài sản; trình tự, thủ tục đấu giá chung; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản; quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đấu giá tài sản; pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá;

qui định của Luật Thương mại 2005						
Chương 4: Hợp đồng trong đấu thầu và vấn đề vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu 4.1. Hợp đồng trong đấu thầu 4.2. Vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu	3	4				15
Chương 5: Những vấn đề lý luận chung về đấu giá và pháp luật về đấu giá 5.1. Khái quát chung về đấu giá 5.2. Pháp luật về đấu giá 5.3. Nguồn của pháp luật về đấu giá	2	0				10
Chương 6: Đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản 6.1. Những quy định chung 6.2. Đấu giá viên và đạo đức nghề nghiệp của đấu giá viên 6.3. Tổ chức đấu giá tài sản 6.4. Trình tự, thủ tục đấu giá chung 6.5. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản 6.6. Xử lý vi phạm, hủy kết quả đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại trong đấu giá tài sản 6.7. Quản lý nhà nước về đấu giá tài sản	4	6				20
Chương 7: Pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá 7.1. Pháp luật về thi hành án dân sự liên quan đến đấu giá 7.2. Pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phá sản liên quan đến đấu giá 7.3. Pháp luật về đất đai liên quan đến đấu giá 7.4. Pháp luật về tài sản công liên quan đến đấu giá	3	4				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Hình thức đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Nguyễn Xuân Thu, ThS. Lê Thị Hương Giang (Chủ biên), (2018), *Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản tập 1*, Nxb. Tư pháp,

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Văn bản hợp nhất 12/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Đấu thầu
2. Luật đấu giá tài sản năm 2016.

6.39.a. LUẬT ĐẦU TƯ/ LAW ON INVESTMENT

- Số tín chỉ: 02(18LT; 24TL)
- Mã học phần: 197041
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về hoạt động đầu tư kinh doanh như: Tổng quan về luật đầu tư; Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Pháp luật về thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư; Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế; Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng; Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt; Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường;
- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích đánh giá và áp dụng các quy định của pháp luật đầu tư để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh;
- CO3: Hình thành nhận thức đúng đắn, thái độ khách quan về vai trò của đầu tư và lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể liên quan đến hoạt động đầu tư.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư, đánh giá hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về đầu tư;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp luật về đầu tư để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh;
- CLO3: Hình thành kỹ năng tư vấn lựa chọn các hình thức đầu tư phù hợp cho các dự án đầu tư;
- CLO4: Chủ động, tự tin bày tỏ quan điểm trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực đầu tư.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về luật đầu tư 1.1. Khái quát về đầu tư và nhà đầu tư 1.2. Khái quát về pháp luật đầu tư	2	2				10
Chương 2: Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư 2.1. Bảo đảm đầu tư 2.2. Ưu đãi đầu tư 2.3. Hỗ trợ đầu tư	2	2				10
Chương 3: Pháp luật về thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư 3.1. Pháp luật về thủ tục đầu tư 3.2. Pháp luật về triển khai dự án đầu tư	3	4				15
Chương 4: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế 4.1. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế 4.2. Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế	3	4				15
Chương 5: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng 5.1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (hợp đồng PPP) 5.2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC)	4	4				20
Chương 6: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt 6.1. Khái quát về các khu kinh tế đặc biệt 6.2. Những quy định cơ bản về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt	2	4				10
Chương 7: Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài 7.1. Khái quát về hoạt động đầu tư ra nước ngoài 7.2. Nội dung cơ bản của pháp luật đầu tư ra nước ngoài	2	4				10
Tổng	18	24				90

6.39.b. PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN/LAW ON REAL ESTATE BUSINESS

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197046
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật đất đai

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về: tổng quan chung về thị trường bất động sản và những đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản; các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về pháp luật đầu tư, kinh doanh bất động sản; quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- CO2: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về kinh doanh bất động sản;
- CO3: Hình thành thái độ học tập tích cực, sự tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức lý luận và thực tiễn về áp dụng pháp luật kinh doanh bất động sản, phân tích được những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn thi hành pháp luật về kinh doanh bất động sản;
- CLO2: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- CLO3: Phát triển được kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về kinh doanh bất động sản;
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, nâng cao năng lực tư duy logic, tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về thị trường bất động sản 1.1. Khái quát về sự ra đời của thị trường bất động sản 1.2. Khái niệm và đặc điểm thị trường bất động sản 1.3. Sự ra đời của thị trường bất động sản ở Việt Nam 1.4. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2	3				10
Chương 2: Những vấn đề chung về hoạt động kinh doanh bất động sản 2.1. Khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc trong hoạt động kinh doanh bất động sản 2.2. Các loại bất động sản được phép đưa vào kinh doanh và điều kiện để đưa bất động sản vào kinh doanh	3	3				15
Chương 3: Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất 3.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất 3.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà, công trình xây dựng	3	3				13
Chương 4: Những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2. Các loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.3. Nội dung các quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản	4	4				20

Chương 5: Hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.3. Các loại hợp đồng kinh doanh bất động sản	2	4				10
Chương 6: Pháp luật về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.2. Quy định chung về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.3. Quy định cụ thể về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản	2	4				10
Chương 7: Những vấn đề pháp lý về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản 7.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản 7.2. Các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản 7.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản	2	3				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%

2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS. Lưu Quốc Thái, (2018), *Pháp luật kinh doanh bất động sản*, Nxb. Lao động.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS Nguyễn Quang Tuyến, (2020), *Bình luận khoa học Luật kinh doanh bất động sản hiện hành, sửa đổi bổ sung năm 2020*, Nxb. CTQGST;
2. Luật kinh doanh bất động sản năm 2014.

6.39.c. PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT/ LAW ON LAND RECOVERY

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 197069

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật đất đai

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về: đối tượng, phạm vi và điều kiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và phương thức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chính sách hỗ trợ và tái định cư đối với người có đất bị thu hồi. Học phần trang bị một số kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi và kỹ năng giải quyết một số vụ việc phát sinh trong thực tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị kiến thức chung và những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- CO2: Nhận diện những vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- CO3: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế;

- CO4: Có năng lực nghiên cứu, tư duy độc lập, chủ động cập nhật các văn bản pháp luật, tìm hiểu thực tiễn trong lĩnh vực thu hồi đất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- CLO2: Phân tích được những vướng mắc và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- CLO4: Vận dụng được kiến thức để xử lý những tình huống, vụ việc phát sinh trên thực tế;

- CLO5: Hình thành được thái độ tích cực, chủ động cập nhật, phân tích và đánh giá các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thu hồi đất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lý luận về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 1.1. Thu hồi đất và hậu quả của thu hồi đất	2	4				10

1.2. Khái niệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển chế độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 1.4. Kinh nghiệm của một số nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất						
Chương 2: Những vấn đề pháp lý về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 2.1. Những quy định chung về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 2.2. Nội dung pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	4	5				20
Chương 3: Những vấn đề pháp lý về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 3.1. Những quy định chung về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 3.2. Nội dung pháp luật về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất 3.3. Nội dung pháp luật về tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở	4	5				20
Chương 4: Những vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 4.1. Các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 4.2. Quy định về tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	4	5				20
Chương 5: Những vấn đề pháp lý về khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 5.1. Những vấn đề chung về khiếu nại,	4	5				20

dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. PGS.TS. Phan Trung Hiền (chủ biên), (2017), *Giáo trình pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS.Trần Quang Huy (Chủ biên), (2021), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. CAND.

2. Luật đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018.

6.40.a. KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG/SKILLS TO WRITE ADMINISTRATIVE DOCUMENTS COMMON

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 197060

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật hành chính

1. Mô tả học phần

Nội dung gồm những kiến thức về: Khái niệm, vai trò, chức năng, yêu cầu và quy trình ban hành văn bản hành chính thông dụng; Kỹ năng soạn một số loại văn bản văn bản hành chính thông dụng phổ biến như: Biên bản, công văn, công điện, báo cáo, thông báo, điều lệ, quy chế, quy định, nội quy, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch.v.v.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính thông dụng theo thông tư hiện hành;

- CO2: Hiểu được các yêu cầu, quy trình ban hành văn bản hành chính thông dụng và mục đích sử dụng các loại văn bản đó đối với từng loại công việc phù hợp;

- CO3: Phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh soạn thảo văn bản hành chính thông dụng;

CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về việc soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng trong quản lý công việc của cơ quan, nhà máy, xí nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng. Quy trình, mục đích ban hành và yêu cầu của văn bản hành chính thông dụng;

- CLO2: Nhận thức được sự khác biệt giữa các loại văn bản hành chính thông

dụng đối với từng loại công việc khác nhau, sự khác biệt giữa văn bản hành chính thông dụng với văn bản quy phạm pháp Luật và văn bản áp dụng pháp Luật;

- CLO3: Phân tích được cách viết các phần trong kết cấu của văn bản hành chính thông dụng;

- CLO4: Hình thành được ở người học kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của môn học;

- CLO5: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực soạn thảo văn bản hành chính thông dụng;

- CLO6: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của môn học kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng;

- CLO7: Có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: khái niệm, vai trò và chức năng của văn bản hành chính thông dụng I. Khái niệm, phân loại văn bản hành chính thông dụng II . Vai trò của văn bản hành chính thông dụng III. Chức năng của văn bản hành chính thông dụng	2	1				10
Chương 2: Yêu cầu đối văn bản hành chính thông dụng I. Yêu cầu về nội dung II. Yêu cầu về hình thức III. Yêu cầu về ngôn ngữ và văn phong	2	3				10
Chương 3: Quy trình ban hành văn bản hành chính thông dụng. I. Xác định hình thức, nội dung và độ mật, độ khẩn của văn bản hành chính thông dụng II. Thu thập và xử lí thông tin III. Xây dựng đề cương và soạn thảo văn bản	2	3				10

IV. Kiểm tra văn bản trước khi kí ban hành V. Thông qua, kí văn bản hành chính thông dụng						
Chương 4: Soạn thảo biên bản I. Khái niệm và phân loại biên bản II. Cách ghi biên bản III. Yêu cầu đối với biên bản IV. Cách thức soạn thảo biên bản	2	3				10
Chương 5: Soạn thảo công văn, công điện I. Soạn thảo công văn II. Soạn thảo công điện	2	3				10
Chương 6: Soạn thảo báo cáo, thông báo I. Soạn thảo báo cáo II. Soạn thảo thông báo	2	2				10
Chương 7: Soạn thảo Điều lệ, Quy chế, Quy định, Nội quy I. Khái niệm điều lệ, quy chế, quy định, nội quy II. Yêu cầu đối với điều lệ, quy chế, quy định, nội quy III. Cách thức soạn thảo điều lệ, quy chế, quy định, nội quy	2	3				10
Chương 8: Soạn thảo dự án, đề án, chương trình và kế hoạch công tác I. Khái niệm, phân loại dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác II. Mục đích sử dụng của dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác III. Yêu cầu đối với dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác IV. Cách thức soạn thảo dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác	2	4				10
Chương 9: Soạn thảo tờ trình I. Khái niệm, mục đích sử dụng của tờ trình II. Yêu cầu đối với tờ trình III. Cách thức soạn thảo tờ trình	2	2				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thảo luận theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6,7	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Đề thi Rubric Viết	CLO1,2,3,4,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric Viết	CLO1,2,3,4,5,6,7	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS. Đoàn Thị Tố Uyên, (chủ biên), (2017), *Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng*, Nxb. Tư pháp.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Quý Lâm, Kim Phụng (tuyển chọn và hệ thống), (2017), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn về soạn thảo văn bản trong đơn vị hành chính*

sự nghiệp, Nxb. Hồng Đức;

2. Nghị định của Chính phủ số 30/2020/NĐ-CP ngày 3/5/2020 về công tác văn thư.

6.40.b. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, SOẠN THẢO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DÂN SỰ, THƯƠNG MẠI /NEGOTIATION SKILLS, DRAWING AND IMPLEMENTATION OF CIVIL, COMMERCIAL

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 12 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197070
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2, Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản sau đây: Lý thuyết chung về hợp đồng dân sự, thương mại; kỹ năng đàm phán, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về pháp luật đã học để áp dụng vào thực tiễn trong quá trình đàm phán, soạn thảo và thực hiện các hợp đồng dân sự và thương mại. Hiểu được tầm quan trọng của các điều khoản phòng ngừa rủi ro trong hợp đồng;
- CO2: Phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận và soạn thảo, đàm phán, thực hiện hợp đồng; Góp phần bảo vệ tốt quyền lợi của nhà đầu tư, các doanh nhân, các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào thị trường;
- CO3: Tự tin trước những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được hình thức, nội dung của các loại hợp đồng dân sự, thương mại; phân tích được các biện pháp, nguyên tắc đàm phán và cách thức thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức của môn học để tiếp cận và bước đầu soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng đối với từng loại hợp đồng khác nhau;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận và soạn thảo, đàm phán, thực hiện các điều khoản cơ bản của hợp đồng; Góp phần bảo vệ tốt quyền lợi của nhà đầu tư, các doanh nhân, các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào thị trường;
- CLO4: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật về hợp đồng cũng như tự tin trước những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái quát về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng 1.1. Khái niệm 1.2. Một số kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng 1.3. Vai trò của kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng 1.4. Mối quan hệ giữa đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	2				10
Chương 2. Nguyên tắc, hình thức và các giai đoạn đàm phán hợp đồng 2.1. Nguyên tắc đàm phán hợp đồng 2.2. Các hình thức đàm phán hợp đồng 2.3. Các kỹ năng cơ bản trong đàm phán hợp đồng 2.4. Các giai đoạn đàm phán hợp đồng 2.5. Phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng	2	2				10
Chương 3. Khái quát về hợp đồng dân sự và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng dân sự 3.1. Hình thức và cấu trúc hợp đồng dân sự 3.2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng dân sự 3.3. Các bước của soạn thảo hợp đồng dân sự 3.4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng dân sự	2	2				10
Chương 4. Cách thức soạn thảo hợp đồng dân sự và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng dân sự 4.1. Cách thức soạn thảo hợp đồng dân sự 4.2. Cách thức ký kết hợp đồng dân sự	2	2		3		10

4.3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng dân sự						
Chương 5. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng dân sự phổ biến 5.1. Một số hợp đồng liên quan đến tài sản 5.2. Hợp đồng về quyền sử dụng đất 5.3. Hợp đồng hợp tác 5.4. Hợp đồng dịch vụ 5.5. Hợp đồng vận chuyển 5.6. Hợp đồng gia công 5.7. Hợp đồng ủy quyền	3			3		15
Chương 6. Khái quát về hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại 6.1. Hình thức và cấu trúc hợp đồng thương mại 6.2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại 6.3. Các bước của soạn thảo hợp đồng thương mại 6.4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng thương mại	2	2				10
Chương 7. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại 7.1. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại 7.2. Cách thức ký kết hợp đồng trong hợp đồng thương mại 7.3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại	2	2		3		10
Chương 8. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại 8.1. Hợp đồng Mua bán hàng hóa và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực hàng hóa 8.2. Hợp đồng Đại lý thương mại và một	3			3		15

số hợp đồng khác trong lĩnh vực dịch vụ						
8.3. Hợp đồng Hợp tác kinh doanh và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực Đầu tư						
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kỳ				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2020), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập 2*, Nxb. CAND, Hà Nội

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Luật Dân sự năm 2015;
2. Luật Thương mại năm 2005;

6.40.c. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG VÀ ĐÌNH CÔNG/ SKILLS TO SOLVE LABOR DISPUTES AND STRIKES

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 12TL, 12TH)
- Mã học phần: 197071
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Lao động

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kỹ năng trong lĩnh vực lao động: Kỹ năng thương lượng giải quyết tranh chấp lao động; kỹ năng hòa giải giải quyết tranh chấp lao động tại hòa giải viên lao động; Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại Hội đồng trọng tài lao động; Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án; Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và giải quyết đình công.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về giải quyết tranh chấp lao động tại Hội đồng trọng tài lao động, Tòa án và tổ chức, lãnh đạo, giải quyết đình công;
- CO2: Hình thành kỹ năng thương lượng, hòa giải, giải quyết tranh chấp tại Hội đồng trọng tài lao động, Tòa án và kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, giải quyết đình công;
- CO3: Hình thành nhận thức đúng đắn về hoạt động giải quyết tranh chấp lao động, đình công.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các khái niệm, phân tích được đặc điểm, chủ thể và lợi ích của các phương thức giải quyết tranh chấp lao động; Các bước trong quy trình giải quyết tranh chấp lao động;
- CLO2: Vận dụng, liên hệ được những kỹ năng đã học để lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp và xác định được các kỹ năng cần thiết để giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng trao đổi, tư vấn với khách hàng; chuẩn bị hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ, xác định vấn đề khi có tranh chấp lao động và đình công;
- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khách quan, phát triển năng lực tự đánh giá và

đánh giá khi nghiên cứu các kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Kỹ năng thương lượng giải quyết tranh chấp lao động. 1.1. Những vấn đề chung về thương lượng giải quyết tranh chấp lao động. 1.2. Kỹ năng của các bên trong quá trình thương lượng giải quyết tranh chấp lao động	4	3		3		20
Chương 2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại hòa giải viên lao động và hội đồng trọng tài lao động 2.1. Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại hòa giải viên lao động 2.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại Hội đồng trọng tài lao động	6	3		3		30
Chương 3: Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án. 3.1. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án 3.2. Kỹ năng của các chủ thể trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án cấp sơ thẩm	4	3		5		20
Chương 4. Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và giải quyết đình công 4.1. Những vấn đề chung về tổ chức, lãnh đạo và giải quyết đình công 4.2. Các kĩ năng cơ bản trong tổ chức, lãnh đạo và giải quyết đình công	4	3		1		20
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Kiểm tra đánh giá sau học tập:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS, TS. Nguyễn Hữu Chí, (2019), *Giáo trình kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công*, Nxb. Đại học Mở Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Luật sư, Ths. Nguyễn Thị Thu Hoài, (2022), *500 Câu hỏi và tình huống giải*

quyết các vương mắc tranh chấp lao động, Nxb. Lao động.

6.41.a. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG/ LEGAL CONSULTING SKILLS IN COMMERCE AND LABOR

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 12 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197073
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2, Luật lao động

1. Mô tả học phần

- Học phần cung cấp kiến thức về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, về kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...; kỹ năng tư vấn về hợp đồng trong lĩnh vực lao động như: các kỹ năng để thực hiện việc nhận kháng cáo kháng nghị, kỹ năng thực hành phiên tòa phúc thẩm vụ án lao động.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị kiến thức về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động;
- CO2: Hình thành kỹ năng tư vấn cho doanh nghiệp, người góp vốn vào doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động thương mại; kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động ở các giai đoạn thụ lý, nghiên cứu hồ sơ, hòa giải, tham dự phiên tòa;
- CO3: Phát triển kỹ năng soạn thảo các văn bản thông dụng trong hoạt động tư vấn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại và trong hoạt động giải quyết tranh chấp lao động;
- CO4: Có khả năng tham gia giải quyết các vụ việc về tranh chấp, bất đồng trong lĩnh vực thương mại, lao động;
- CO5: Hình thành nhận thức đúng đắn về hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại, lao động; thái độ khách quan đối với các chủ thể có tranh chấp, nhà nước và cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được kiến thức về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức về những kỹ năng tư vấn pháp luật đặc thù trong lĩnh vực thương mại để tư vấn cho các đối tượng là doanh nghiệp, người góp vốn vào doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động thương mại;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tiến hành phiên hòa giải vụ án lao động; kỹ năng ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong vụ án lao động; kỹ

năng giải quyết tranh chấp lao động ở các giai đoạn thụ lý, nghiên cứu hồ sơ, hòa giải, tham dự phiên tòa;

- CLO4: Soạn thảo thành thạo các văn bản thông dụng trong hoạt động tư vấn pháp luật lĩnh vực thương mại, lao động;

- CLO5: Giải quyết được các vụ việc, tình huống phát sinh trong lĩnh vực thương mại, lao động;

- CLO6: Hình thành được ý thức tôn trọng pháp luật cũng như tự tin trước những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động 1.1. Khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động 1.2. Các yêu cầu cơ bản của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động 1.3. Các hình thức tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động 1.4. Các bước cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động	2	0		0		10
Chương 2: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp 2.1. Tư vấn thành lập doanh nghiệp 2.2. Tư vấn góp vốn và chuyển nhượng vốn góp trong doanh nghiệp 2.3. Tư vấn tổ chức lại doanh nghiệp	2	1		1		10
Chương 3: Tư vấn đàm phán soạn thảo hợp đồng thương mại, thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng 3.1. Nhận diện các loại hợp đồng thương	2	1		1		10

mại và xác định nguồn luật áp dụng 3.2. Tư vấn đàm phán hợp đồng thương mại 3.3. Tư vấn soạn thảo hợp đồng thương mại 3.4. Tư vấn thực hiện hợp đồng thương mại 3.5. Tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng						
Chương 4: Tư vấn pháp luật về đầu tư, giải thể, phá sản 4.1. Tư vấn pháp luật về đầu tư 4.2. Tư vấn pháp luật về giải thể 4.3. Tư vấn pháp luật về phá sản	3	2		2		15
Chương 5: Khởi kiện thụ lý vụ án lao động 5.1. Những vấn đề chung về khởi kiện, thụ lý vụ án lao động 5.2. Kỹ năng kiểm tra sơ bộ hồ sơ khởi kiện 5.3. Điều kiện thụ lý vụ án lao động 5.4. Một số tình huống tố tụng và kỹ năng soạn thảo văn bản trong quá trình thụ lý	2	2		2		10
Chương 6: Chuẩn bị xét xử vụ án lao động 6.1. Những vấn đề chung về chuẩn bị xét xử vụ án lao động 6.2. Kỹ năng thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ vụ án lao động 6.3. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án lao động	2	2		2		10
Chương 7: Kỹ năng hòa giải vụ án lao động 7.1. Khái niệm và vai trò của hòa giải vụ án lao động 7.2. Nguyên tắc, phạm vi của hòa giải vụ án lao động 7.3. Kỹ năng hòa giải vụ án lao động	2	2		2		10

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ, (2018), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của luật sư*, Nxb. Tư pháp.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Phan Chí Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga, (2012), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật*, Nxb. CAND;

2. Bộ luật Lao động năm 2019

6.41.b. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI/ LEGAL CONSULTING SKILLS IN THE FIELD OF LAND

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 12 TL, 12 TH)

- Mã học phần: 197074

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,

- Điều kiện tiên quyết: Luật đất đai

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế từ đơn giản đến phức tạp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về các kỹ năng tư vấn pháp luật đặc thù trong lĩnh vực đất đai;
- CO2: Biết vận dụng các kỹ năng, kinh nghiệm thực tế và kiến thức pháp lý để tư vấn pháp lý trong lĩnh vực đất đai;
- CO3: Trang bị kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực đất đai, soạn thảo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong lĩnh vực đất đai;
- CO4: Hình thành sự tự tin trước những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực đất đai.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các hình thức, yêu cầu, các bước cơ bản trong hoạt động tư

vấn pháp luật đất đai;

- CLO2: Hình thành được kỹ năng tư vấn cho các chủ thể sử dụng đất trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản, trong việc thương lượng, đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực đất đai;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng đại diện cho các đương sự khi tham gia tranh tụng tại tòa hoặc làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người sử dụng đất;

- CLO4: Hình thành được kỹ năng thụ lý vụ án, nghiên cứu hồ sơ, xử lý được các tình huống tố tụng cơ bản trong quá trình giải quyết vụ án;

- CLO5: Hình thành được kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực đất đai, soạn thảo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong lĩnh vực đất đai;

- CLO6: Hình thành bản lĩnh và phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; sự tự tin trước những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực đất đai.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai 1.1. Khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai 1.2. Các hình thức tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai 1.3. Các yêu cầu cơ bản của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai 1.4. Các bước cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật đất đai	2	0		0		10
Chương 2: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai 2.1. Mục đích của việc nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai 2.1. Các kỹ năng cơ bản của việc nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai 2.3. Các bước tiến hành nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai	2	2		2		10

Chương 3: Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư 3.1. Tiếp nhận thông tin và phân tích yêu cầu, nguyện vọng của khách hàng 3.2. Nhận diện các cơ sở pháp lý 3.3. Tư vấn lựa chọn các phương thức tiếp cận đất đai để đầu tư 3.4. Tư vấn về quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư sử dụng đất, nhận chuyển nhượng đất để thực hiện các dự án đầu tư	2	2		2		10
Chương 4: Tư vấn về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất 4.1. Tư vấn về quyền của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất 4.2. Tư vấn về thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất	3	2		2		15
Chương 5: Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực đất đai 5.1. Nhận diện các loại hợp đồng trong lĩnh vực đất đai và tính đặc thù của mỗi loại hợp đồng để xác định nguồn luật áp dụng 5.2. Tư vấn đàm phán hợp đồng 5.3. Tư vấn soạn thảo hợp đồng 5.4. Tư vấn thực hiện hợp đồng	3	2		2		15
Chương 6: Tư vấn pháp luật trong lĩnh vực tranh chấp đất đai 6.1. Nhận diện các dạng tranh chấp đất đai điển hình và tính đặc thù của mỗi loại tranh chấp để xác định nguồn luật áp dụng 6.2. Tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai	3	2		2		15
Chương 7: Tư vấn pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai 7.1. Nhận diện các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai và xác định nguồn luật áp dụng 7.2. Tư vấn về khiếu nại trong lĩnh vực đất đai 7.3. Tư vấn về tố cáo trong lĩnh vực đất đai	3	2		2		15
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ, (2018), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của luật sư*, Nxb. Tư pháp.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Phan Chí Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga, (2012), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật*, Nxb. CAND.

2. Luật Đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018.

6.41.c. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUẾ/ TAX LAW CONSULTING SKILLS

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 12TL, 12TH)
- Mã học phần: 197072
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật về thuế

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế; hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp, cá nhân; thủ tục hành chính và thủ tục tố tụng trong lĩnh vực thuế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Xây dựng hệ thống kiến thức pháp luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuế;
- CO2: Phát triển kỹ năng tìm kiếm và sử dụng quy định của pháp luật thuế để giải quyết những tình huống phát sinh trong lĩnh vực thuế; khả năng tư vấn pháp luật thuế cho các chủ thể trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật;
- CO3: Có ý thức đúng đắn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật thuế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức về các loại thuế áp dụng cho từng chủ thể và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuế;
- CLO2: Phân tích được các nội dung và kỹ năng tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích các tình huống thực tế phát sinh;
- CLO4: Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuế, ngăn chặn các hành vi gian lận, trốn,...thuế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận về tư vấn pháp luật thuế 1.1. Khái niệm, đặc điểm tư vấn pháp luật thuế 1.2.Chủ thể thực hiện tư vấn pháp luật thuế 1.3. Quy trình tư vấn pháp luật thuế 1.4. Các công cụ sử dụng trong Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	3	5				15
Chương 2. Tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp 2.1. Các loại thuế liên quan đến doanh nghiệp 2.2. Những vướng mắc doanh nghiệp thường gặp phải trong quá trình thực hiện nghĩa vụ người nộp thuế 2.3. Xây dựng kế hoạch thuế của doanh nghiệp	3	2		3		15
Chương 3: Tư vấn pháp luật thuế cho cá nhân 3.1. Các loại thuế liên quan đến cá nhân 3.2. Những vướng mắc cá nhân thường gặp phải trong quá trình thực hiện nghĩa vụ người nộp thuế 3.3. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế cho cá nhân	6	2		3		30
Chương 4. Tư vấn pháp luật về thủ tục hành chính và tổ tụng trong lĩnh vực thuế 4.1. Hướng dẫn các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế 4.2. Tư vấn pháp luật thuế trong kiểm tra, thanh tra thuế và các tranh chấp về thuế	6	3		6		30
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3,4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Phạm Thị Giang Thu (Chủ biên), (2020), *Giáo trình luật thuế*, Nxb. Tư Pháp.

* Tài liệu tham khảo:

1. Tăng Bình - Ái Phương, (2022), *Chính sách thuế, chính sách hỗ trợ người nộp thuế*

áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp, Nxb. Tài chính.

6.42. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/GRADUATION INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 05

- Mã học phần: 174145

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật

- Điều kiện được thực tập tốt nghiệp: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu đạt 100 tín chỉ trở lên.

1. Mô tả học phần

Học phần gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1 là thực tập tổng hợp: trong giai đoạn này sinh viên phải tìm hiểu các nội dung chủ yếu sau: đặc điểm chung của đơn vị thực tập, tổ chức bộ máy của đơn vị thực tập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thực tập, tiếp cận các vụ việc mà đơn vị thực tập trực tiếp thụ lý giải quyết.

- Giai đoạn 2: Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp

Kết thúc đợt thực tập mỗi sinh viên phải viết một báo cáo thực tập tốt nghiệp (tên báo cáo thực tập tốt nghiệp do giảng viên hướng dẫn sinh viên lựa chọn).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức chung, kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập;

- CO2: Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh tại đơn vị thực tập;

- CO3: Hình thành kỹ năng tiếp cận, làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp; kỹ năng tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến pháp luật; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian;

- CO4: Giáo dục, rèn luyện tác phong, đạo đức nghề luật; có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề; tuân thủ và thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được kiến thức chung, kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập;

- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh tại đơn vị thực tập;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng tiếp cận, làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp; kỹ năng tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến pháp luật;

- CLO4: Thành thạo kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian;

- CLO5: Có tác phong, đạo đức nghề luật; có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề; tuân thủ và thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp (Thời gian: 4 tuần) Trong giai đoạn này, sinh viên phải thực tập các nội dung chủ yếu sau: - Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập. - Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập. - Tìm hiểu và tiếp cận các vụ việc pháp lý tại đơn vị. - Hiểu biết quy trình giải quyết công việc trong lĩnh vực pháp lý. - Tham gia sử dụng pháp luật để giải quyết một hoặc một số vụ việc pháp lý. Kết thúc giai đoạn 1 mỗi sinh viên phải viết 01 báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập nộp cho giáo viên hướng dẫn.						90
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tuần) Trong giai đoạn này SV phải nghiên cứu chi tiết các hoạt động tại đơn vị thực tập, trên cơ sở lý luận đã học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Sau đó viết 1 báo cáo TTTN (tên báo cáo TTTN do giáo viên hướng dẫn trực tiếp phân công).						135
Tổng						225

5. Phương pháp dạy - học

Tăng cường vận dụng phương pháp tự học đối với sinh viên, kết quả học tập thể

hiện sự chủ động học hỏi của sinh viên với sự hướng dẫn trực tiếp từ giảng viên và cơ sở thực tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (0)				
Kiểm tra giữa kỳ (0)				
Viết báo cáo thực tập (01)				
1	Kết quả đánh giá của cơ sở thực tập			20%
2	Báo cáo thực tập	Rubric chấm báo cáo thực tập	CLO1,2,3,4,5	80%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực tập tại đơn vị thực tập theo đúng kế hoạch thực tập, chủ động trao đổi với giảng viên và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch thực tập. Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Giáo trình liên quan đến chuyên đề thực tập.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu;
2. Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành luật trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>.

6.43. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/GRADUATION THESIS

- Số tín chỉ: 06

- Mã học phần: 111082

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy học tập đạt 2.5 điểm trở lên (3 năm đầu), số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã tích lũy đến thời điểm xét và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận

dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khoá luận;
- CO2: Vận dụng kiến thức vào giải thích, phân tích, đánh giá tình huống thực tế tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoặc vấn đề thực tế;
- CO3: Hình thành ý tưởng nghiên cứu, khả năng tư duy, đánh giá các vấn đề chuyên ngành, vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra thuộc chuyên ngành của mình;
- CO4: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học; bồi dưỡng lòng say mê NCKH nói chung và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật học nói riêng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khoá luận;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải thích, phân tích, đánh giá tình huống thực tế tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoặc vấn đề thực tế;
- CLO3: Hình thành được ý tưởng nghiên cứu, khả năng tư duy, đánh giá các vấn đề chuyên ngành;
- CLO4: Giải quyết được những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra thuộc chuyên ngành Luật học;
- CLO5: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học; bồi dưỡng lòng say mê NCKH nói chung và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật học nói riêng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tìm hiểu thực tế đơn vị nghiên cứu hình thành hướng nghiên cứu 1.1. Tìm hiểu tổng thể về đơn vị nghiên cứu 1.2. Xác định tính cấp thiết vấn đề cần nghiên cứu 1.3. Xây dựng đề cương nghiên cứu						60

Chương 2. Tìm hiểu cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu 2.1. Tìm hiểu tổng quan các nghiên cứu liên quan 2.2. Tìm hiểu cơ sở lý luận liên quan 2.3. Viết cơ sở lý luận đề tài nghiên cứu						60
Chương 3. Nghiên cứu thực trạng 3.1. Thực trạng vấn đề nghiên cứu 3.2. Những kết quả đạt được, hạn chế 3.3. Nguyên nhân của những hạn chế						60
Chương 4. Kiến nghị/đề xuất giải pháp 4.1. Định hướng phát triển 4.2. Các nhân tố ảnh hưởng 4.3. Kiến nghị giải pháp						60
Chương 5. Hoàn thiện báo cáo						30
Tổng						270

5. Phương pháp dạy học

Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
II	Kiểm tra giữa kỳ			
III	Thi cuối kì			
1	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	- Rubric đánh giá khóa luận	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Phạm Duy Nghĩa, (2014), *Phương pháp nghiên cứu Luật học*, Nxb. Công an nhân dân;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành luật trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>.

6.44. PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ/ LAW ON E-COMMERCE

- Số tín chỉ: 02(18LT, 24TL)

- Mã học phần: 197075

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: luật thương mại điện tử, giao kết hợp đồng thương mại điện tử, quản lý hoạt động thương mại điện tử, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp luật về thương mại điện tử, website, đảm bảo an toàn, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử;

- CO2: Thực hiện và xác lập các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử;

- CO3: Có được khả năng phản biện, tranh luận, tư duy ứng xử, làm việc nhóm, để thực hiện công việc liên quan đến lĩnh vực pháp luật về bảo vệ quyền lợi các bên trong quan hệ hợp đồng thương mại điện tử;

- CO4: Có thái độ tự tin, có chính kiến, biết bảo vệ quyền và lợi ích bản thân khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng, quản lý và bảo vệ thông tin và thanh toán trong hoạt động thương mại điện tử;

- CLO2: Áp dụng và xác lập được quyền và nghĩa vụ các bên trong hợp đồng thương mại điện tử khi tham gia hoặc tư vấn tham gia vào những tình huống thực tiễn;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tư duy phản biện, làm việc nhóm để tự bảo vệ quyền lợi bản thân khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử;

- CLO4: Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật, đạo đức kinh doanh khi tham gia vào các công việc liên quan đến lĩnh vực pháp luật hoạt động thương mại điện tử.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về pháp luật thương mại điện tử 1.1. Khái niệm thương mại điện tử 1.2. Những vấn đề lý luận về hoạt động hoạt động thương mại quốc tế	2	2				10
Chương 2. Giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử 2.1. Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại 2.2. Giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử	2	4				10
Chương 3: Hoạt động thương mại điện tử 3.1. Hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng. 3.2. Hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử. 3.3. Hoạt động của website khuyến mại trực tuyến. 3.4. Hoạt động của website đấu giá trực tuyến	4	4				20
Chương 4. Quản lý hoạt động thương mại điện tử 4.1. Quản lý website thương mại điện tử bán hàng 4.2. Quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử 4.3. Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử 4.4. Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử.	4	4				20
Chương 5. An toàn, an ninh trong giao	2	4				10

dịch thương mại điện tử 5.1. Bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử. 5.2. An toàn thanh toán trong thương mại điện tử.						
Chương 6. Giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử 6.1. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử 6.2. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử 6.3. Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử	4	6				20
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric Viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), (2019), *Giáo trình Thương mại điện tử*, Nxb. Tài chính.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. TS. Trần Thị Thập, TS. Nguyễn Trần Hưng, (2020), *Thương mại điện tử căn bản*, Nxb. Thông tin và Truyền thông.

6.45. LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG/LAW ON PROTECTION OF CONSUMER RIGHTS

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197076
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những vấn đề lý luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng; chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng và phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân;
- CO2: Xây dựng và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề

của pháp luật cạnh về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- CO3: Có ý thức tích cực nâng cao trình độ nhận thức về đảm bảo quyền và lợi ích cho người tiêu dùng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; bình luận được các thiết chế thực thi pháp luật, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng;

- CLO2: Đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng để từ đó áp dụng được phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân trong thực tiễn;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng so sánh, bình luận các vấn đề của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- CLO4: Nhận thức được trách nhiệm về đảm bảo quyền và lợi ích cho người tiêu dùng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng 1.1. Tổng quan về bảo vệ người tiêu dùng và chính sách của Nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng 1.2. Lí luận về pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	3	4				15
Chương 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng ở Việt Nam 2.1. Khái niệm thiết chế bảo vệ người tiêu dùng 2.2. Cơ quan quản lí nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2.3. Hệ thống cơ quan tài phán về bảo vệ người tiêu dùng 2.4. Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng	4	5				20
Chương 3: Trách nhiệm của các tổ chức,	4	5				20

cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với người tiêu dùng 3.1. Khái quát về trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với người tiêu dùng 3.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với người tiêu dùng						
Chương 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng 4.1. Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng 4.2. Các loại chế tài	3	5				15
Chương 5: Phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.2. Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng thương lượng 5.3. Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng hoà giải 5.4. Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng toà án 5.5. Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng trọng tài 5.6. Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng biện pháp hành chính	4	5				20
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Thị Vân Anh, (2018), *Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu*

dùng, Nxb. Công an nhân dân.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ luật dân sự năm 2015

2. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010

6.46. PHÁP LUẬT HẢI QUAN TRONG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU/ CUSTOMS LAW IN IMPORT AND EXPORT BUSINESS

- Số tín chỉ: 02 TC (18LT, 18TL, 6TH)

- Mã học phần: 197077

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại quốc tế.

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những quy định pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế về lĩnh vực hải quan: Thủ tục hải quan; Pháp luật về kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan; Thuế quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; Xử lý vi phạm trong lĩnh vực hải quan.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức chung về pháp luật hải quan, các nghiệp vụ hải quan, quy trình thủ tục hải quan, xử lý vi phạm trong lĩnh vực hải quan;

- CO2: Có kỹ năng, nghiệp vụ hải quan thông qua việc nghiên cứu quy trình thủ tục hải quan cụ thể đối với một số loại hình hàng hoá xuất nhập khẩu thường gặp trên thực tế;

- CO3: Có khả năng phản biện, tranh luận, tư duy pháp lý, làm việc nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, internet, phối hợp để thực hiện công việc liên quan đến lĩnh vực pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất, nhập khẩu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ và vận dụng được quy định của pháp luật hải quan vào các nghiệp vụ hải quan;

- CLO2: Hình thành được kỹ năng, nghiệp vụ hải quan thông qua việc nghiên cứu quy trình thủ tục hải quan cụ thể đối với một số loại hình hàng hoá xuất nhập khẩu thường gặp trên thực tế;

- CLO3: Hình thành được tư duy phản biện, làm việc nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, internet, phối hợp để thực hiện công việc liên quan đến lĩnh vực pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất, nhập khẩu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về pháp luật hải quan 1.1. Khái niệm hải quan 1.2. Khái niệm về pháp luật hải quan 1.3. Nguồn của pháp luật hải quan	2	2				10
Chương 2. Pháp luật về thủ tục hải quan 2.1. Pháp luật về thủ tục hải quan 2.2. Pháp luật về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh 2.3. Pháp luật về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 2.4. Quy tắc xuất xứ hàng hóa	4	4		2		20
Chương 3. Pháp luật về kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan 3.1. Kiểm tra hải quan 3.2. Giám sát hải quan 3.3. Kiểm tra sau thông quan	4	4		2		20
Chương 4. Pháp luật về thuế quan trong hoạt động xuất nhập khẩu 4.1. Thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu 4.2. Thu thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu	4	4		2		20
Chương 5. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan 5.1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan 5.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan 5.3. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan	4	4				20
Tổng	18	18		6		90

Nxb. ĐHKQTĐ.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hữu Đại (Hệ thống), (2018), *Cẩm nang nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu, Luật quản lý ngoại thương và các quy định về thuế xuất khẩu nhập khẩu và khai báo hải quan*, Nxb. Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

[1]. Trường đại học Luật Hà Nội, *Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế*. (xem tại <https://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/22321>)

[2]. Khoa Luật Đại học Quốc gia, *Chương trình đào tạo ngành Luật kinh doanh*. (xem tại <https://law.vnu.edu.vn/Fuploads/20230104112409252.pdf>)

[3]. Đại học kinh tế - Luật ĐHQG TP Hồ Chí Minh, *Chương trình đào tạo ngành Luật kinh doanh*. (xem tại <https://lkt.uel.edu.vn/chinh-quy2-2391/luat-kinh-doanh-501>)

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

PHẦN 4

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo;
- Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 28/6/2022 của Hội đồng Trường Đại học Hồng Đức ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 31/11/2022 của Hội đồng Trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020;
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022 của TTKĐCLGD ĐHQG Hà Nội về việc chứng nhận kiểm định đánh giá ngoài chương trình đào tạo chính quy trình độ Đại học ngành Luật của Trường Đại học Hồng Đức;
- Quyết định số 1129/ QĐ-ĐHHD ngày 27/5/2022 Về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

- Nhu cầu học tập; nhu cầu nhân lực ngành Luật kinh tế trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận;

- Thực tế về năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất của Nhà trường.

4.2. Đội ngũ giảng viên để tổ chức đào tạo ngành Luật kinh tế

Khoa Lý luận chính trị - Luật tiền thân là Khoa Lý luận chính trị, được thành lập vào năm 2015. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Lý luận chính trị - Luật đang không ngừng trưởng thành và lớn mạnh. Về bộ máy tổ chức, Khoa hiện có 3 bộ môn (Bộ môn Luật, Bộ môn Lý luận Mác - Lênin, Bộ môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam & Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Về đội ngũ, tính đến ngày 30/3/2023, Khoa có tổng số 34 cán bộ, giảng viên, phần lớn là cán bộ, giảng viên trẻ giàu năng lực và nhiệt huyết công tác. Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của đội ngũ giảng viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học nên trong những năm qua, lãnh đạo khoa và nhà trường đã tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ. Hàng năm, Khoa đều tiến hành rà soát đội ngũ, quy hoạch đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhờ vậy 100% giảng viên của Khoa có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 01 Phó giáo sư (tỷ lệ 2.9%), 08 Tiến sĩ (tỷ lệ 23.5%) và 24 Thạc sỹ (tỷ lệ 70.5%), giảng viên đang đi học nghiên cứu sinh là 04 người (tỷ lệ 12.1%). 100% giảng viên đã được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học, 100% giảng viên có chứng chỉ giảng viên hạng 3, giảng viên có chứng chỉ giảng viên hạng 2 chiếm 15,6%. Ngoài chú trọng công tác đào tạo trình độ chuyên môn, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa còn tích cực tham gia học tập ngoại ngữ, tin học và luôn sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế gồm 05 Tiến sỹ là giảng viên cơ hữu: TS. Lê Văn Minh, TS. Nguyễn Thị Huyền và TS. Trần Thị Thanh Huyền, TS. Nguyễn Văn Thụ, TS. Đới Thị Thêu. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa Lý luận chính trị - Luật và các đơn vị giảng dạy trong Trường tham gia giảng dạy 100% khối lượng chương trình đào tạo.

Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì ngành và tham gia giảng dạy Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được mô tả cụ thể tại bảng 4.1 và bảng 4.2.

(Cụ thể xem tại Mẫu 1 và Mẫu 2, Phụ lục 3 đính kèm đề án)

Bảng 4.2a. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành Luật kinh tế

STT	Họ tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Năm tham gia giảng dạy	Thành tích nghiên cứu khoa học (số lượng đề tài, bài báo)
1	TS. Lê Văn Minh 31/11/1977, Trưởng khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Luật hiến pháp, Luật hành chính	2005	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ (đang thực hiện), 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia 07 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.
2	TS. Nguyễn Văn Thụ, 6/6/1974, Phó Trưởng khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2015, Trung Quốc	Mậu dịch (Thương mại Quốc tế)	1997	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp cơ sở, thành viên của 01 đề tài khoa học cấp tỉnh, tham gia 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 03 bài báo đăng trên tạp chí trong nước.
3	TS. Nguyễn Thị Huyền, 26/11/1986, Phó trưởng BM Luật	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Luật hiến pháp, Luật hành chính	2009	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp cơ sở (đang thực hiện), tham gia 07 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.
4	TS. Đới Thị Thêu, 30/3/1982, Giảng viên, Khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Triết học	2011	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp cơ sở, thành viên của 01 đề tài khoa học cấp Bộ, tham gia 08 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.
5	TS. Trần Thị Thanh Huyền, 14/9/1986, Giảng viên, Khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2022, Việt Nam	Luật kinh tế	2022	Thành viên của 03 đề tài khoa học cấp cơ sở, tham gia 11 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.

Bảng 4.2b. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Tên học phần dự kiến giảng dạy	Số TC
1	Mai Thị Quý 27/12/1969	Tiến sỹ, Việt nam, 2007	Triết học	Triết học Mác- Lênin	3
2	Đoài Thị Thêu 30/3/1982	Tiến sỹ, Việt nam, 2019	Triết học	Triết học Mác- Lênin	3
3	Nguyễn Thị Hải Lý 29/05/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2
4	Nguyễn Phan Vũ 29/2/1984	Thạc sỹ, Việt Nam, 2014	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
5	Đặng Thùy Vân 7/11/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2014	Chính trị học	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2
6	Nguyễn Thị Tâm 20/12/1983	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	TTHCM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
7	Lê Thị Lan 20/9/1982	Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Kế toán	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3
8	Lê Thị Thắm 4/7/1975	Tiến sỹ, Việt nam, 2013	Triết học	Phương pháp nghiên cứu luật học	2
9	Lê Thị Bình 21/6/1987	Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Kế toán	Kinh tế vi mô	3
10	La Thị Quế 24/2/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Pháp luật phòng chống tham nhũng	2
11	Đào Thanh Thủy 15/7/1982	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Lịch sử	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
12	Lê Đình Chắc 12/5/1973	Tiến sỹ, Việt Nam, 2013	Sinh học	Môi trường và con người	2
13	Cao Xuân Hải 10/2/1977	Tiến sỹ, Việt Nam, 2017	Tâm lý học	Tâm lý học trong quản lý kinh doanh	2
14	Nguyễn Đình Công 7/1/1988	Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Công nghệ số	Công nghệ số	3
15	Lục Thị Mỹ Bình 1/8/1983	Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	4
16	Hoàng Kim Thủy 2/10/1987	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	PPGD TA	Tiếng Anh 2	3

17	Lưu Văn Hậu 21/1/1981	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	PPGD TA	Tiếng Anh 3	3
18	La Thị Quế 14/2/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Lý luận nhà nước và pháp luật	3
19	Nguyễn Thị Huyền 26/11/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Luật Hiến pháp	3
20	Nguyễn Thị Huyền 26/11/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Luật hành chính	3
21	Lê Văn Minh 13/11/1977	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Luật học	Luật hình sự 1	3
22	Lê Văn Minh 13/11/1977	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Luật học	Luật hình sự 2	3
23	Trần Minh Trang 10/12/1990	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Luật kinh tế	Luật dân sự 1	3
24	Trần Minh Trang 10/12/1990	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Luật kinh tế	Luật dân sự 2	3
25	Phan Thị Thanh Huyền - 2/2/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật thương mại 1	3
26	Phan Thị Thanh Huyền - 2/2/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật thương mại 2	3
27	Đặng Thanh Mai 3/11/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Luật kinh tế	Luật môi trường	2
28	Nguyễn Thị Huyền 26/11/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Công pháp quốc tế	3
29	Trịnh Diệp Ly 22/3/1993	Thạc sỹ, Việt Nam, 2017	Luật kinh tế	Tư pháp quốc tế	3
30	Nguyễn Duy Nam 2/9/1988	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	Luật hôn nhân và gia đình	2
31	Nguyễn Thị Nguyệt 27/8/1996	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật tố tụng dân sự	3
32	Nguyễn Thị Nguyệt 27/8/1996	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật thi hành án dân sự	2
33	Trịnh Diệp Ly 22/3/1993	Thạc sỹ, Việt Nam, 2017	Luật kinh tế	Luật lao động	3

34	Tăng Nữ Tiểu Trang 15/8/1994	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật Dân sự	Pháp luật về thuế	2
35	Đặng Thanh Mai 3/11/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Luật kinh tế	Luật đất đai	3
36	Nguyễn Thùy Dung 12/4/1995	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật kinh tế	Luật thương mại quốc tế	2
37	Lê Minh Thúy 16/9/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật sư, công chứng	3
38	Lê Minh Thúy 16/9/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật cạnh tranh	2
39	Trịnh Diệp Ly 22/3/1993	Thạc sỹ, Việt Nam, 2017	Luật kinh tế	Luật kinh doanh bảo hiểm	2
40	Trần Minh Trang 10/12/1990	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Luật kinh tế	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2
41	Nguyễn Thùy Dung 12/4/1995	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật kinh tế	Luật chứng khoán	2
42	Tăng Nữ Tiểu Trang 15/8/1994	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật Dân sự	Luật ngân hàng	2
43	Nguyễn Thị Ánh Vân - 1/1/1965	PGS. Tiến sỹ, Nhật Bản, 2003	Luật kinh tế	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2
44	Trịnh Diệp Ly 22/3/1993	Thạc sỹ, Việt Nam, 2017	Luật kinh tế	Luật an sinh xã hội	2
45	Lê Minh Thúy 16/9/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Luật sở hữu trí tuệ	2
46	Phan Thị Thanh Huyền - 2/2/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử NN và PL	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	2
47	Nguyễn Thùy Dung 12/4/1985	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật kinh tế	Luật đầu tư	2
48	Đặng Thanh Mai 3/11/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Luật kinh tế	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2
49	Lê Văn Minh 13/11/1977	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Luật học	Pháp luật về thu hồi đất	2
50	Nguyễn Văn Thụ	Tiến sỹ, Trung	Kinh tế học	Kỹ năng soạn thảo	2

	6/6/1974	Quốc, 2015		văn bản hành chính thông dụng	
51	Nguyễn Duy Nam 2/9/1988	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	2
52	Nguyễn Thị Nguyệt 27/8/1996	Thạc sỹ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử NN và PL	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2
53	Tăng Nữ Tiểu Trang 15/8/1994	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật Dân sự	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2
54	La Thị Quế 24/2/1986	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử NN và PL	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại, lao động	2
55	Đặng Thanh Mai 3/11/1992	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Luật kinh tế	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2
56	<i>Các GV được phân công theo QĐ của Nhà trường</i>			Thực tập tốt nghiệp	5
57	<i>Các GV được phân công theo QĐ của Nhà trường</i>			Khóa luận tốt nghiệp	6
58	La Thị Quế 14/2/1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	Pháp luật về thương mại điện tử	2
59	Trần Thị Thanh Huyền - 1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2
60	Trần Thị Thanh Huyền - 1986	Tiến sỹ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2

Hiện tại, đội ngũ giảng viên của trường rất vững vàng về chuyên môn, có tâm huyết, yêu nghề và giàu kinh nghiệm, với cơ cấu độ tuổi tạo được sự kế thừa giữa lực lượng có kinh nghiệm, chuyên môn cao và lực lượng trẻ, năng động. Đa số các giảng viên đều được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo. Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường còn cộng tác với các nhà giáo, nhà khoa học có uy tín, có nhiều kinh nghiệm đang công tác tại các trường đại học trong và ngoài nước.

Tính đến ngày 30/3/2023, theo lộ trình sau 5 năm giai đoạn từ năm 2023 đến 2027 quy hoạch bổ sung đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành Luật kinh tế cụ thể được mô tả tại bảng 4.3 sau:

Bảng 4.2c. Quy hoạch đội ngũ giảng viên Khoa Lý luận chính trị - Luật đáp ứng nhu cầu đào tạo trình độ cử nhân ngành Luật kinh tế 2023 – 2028

TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo
1	Trần Minh Trang	Tiến sĩ	Luật Hiến pháp - Luật hành chính	2025
2	Phan Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2025
3	Nguyễn Duy Nam	Tiến sĩ	Luật hiến pháp - Luật hành chính	2025
4	Nguyễn Thuỳ Dung	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2026
5	Nguyễn Thị Nguyệt	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2026
6	Lê Minh Thuý	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2026
7	Đặng Thanh Mai	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2026
8	Trịnh Diệp Lý	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2026
9	Tăng Nữ Tiểu Trang	Tiến sĩ	Luật kinh tế	2027

4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

4.3.1. Năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên tham gia đề án mở ngành Luật kinh tế

Với sứ mệnh nhằm xây dựng một trường Đại học trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Hồng Đức tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý, đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học, nuôi dưỡng và phát triển tài năng, giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

Trong 10 năm trở lại đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường có bước phát triển vượt bậc. Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án; kết quả ứng dụng, chuyển giao công nghệ đã đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Trường và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ do Trường chủ trì là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế các địa phương,

ngành, lĩnh vực của Tỉnh; uy tín, vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Hồng Đức ngày càng được nâng cao.

Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hồng Đức, có chỉ số ISSN 1859 - 2759 (xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt) và ISSN 2588 - 1523 (xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh). Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã xuất bản được 11 số chuyên về khối ngành Kinh tế Quản trị kinh doanh - Chính trị và Pháp luật với hơn 200 bài báo. Chất lượng bài báo có hàm lượng khoa học ngày càng cao, quy trình xuất bản chặt chẽ, phản biện độc lập, uy tín. Từ tháng 12/2017, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã tham gia cơ sở dữ liệu “Tạp chí Khoa học Việt Nam trực tuyến” (Vietnam Journals Online, VJOL) do Cục Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) quản lý.

Trong 5 năm gần đây, Khoa Lý luận chính trị – Luật có 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu, 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện; 09 đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện; có 139 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 06 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt các giải cao ở cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 10 hội thảo cấp Khoa, cấp Trường và Liên trường với số lượng 153 bài tham luận đạt kết quả tốt; xuất bản 01 giáo trình Pháp luật đại cương năm 2016, 01 sách chuyên khảo năm 2019.

(Cụ thể xem tại Mẫu 4, Mẫu 5 - Phụ lục 3 đính kèm theo đề án này)

4.3.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc nâng cao uy tín, tầm vóc, vị thế của nhà trường thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đã trở thành một trong những chiến lược quan trọng của trường Đại học Hồng Đức. Để hiện thực hóa mục tiêu này, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, trong nghiên cứu khoa học để cập nhật tinh hoa trong giáo dục hiện đại, tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ được nhà trường đặc biệt quan tâm và là xem là một trong những hướng đi cụ thể, hiệu quả nhờ vậy, trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác quốc tế của trường đã có những bước phát triển đột phá, toàn diện cả về quy mô, hình thức, nội dung và tính hiệu quả.

Về quy mô và đối tác hợp tác: Nhà trường hiện đã và đang xây dựng mạng lưới đối tác, hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học rộng lớn với hơn 50 trường đại học (đại học) và các tổ chức quốc tế trên thế giới như: ĐH Columbia, Lansing, Tidewater, Old Dominion (Hoa Kỳ); ĐH Olds, Selkirk, Fraser Valley (Canada); ĐH Địa Trung Hải (Marseille- Pháp), ĐH Công nghệ Hoàng gia Rajamangala Suvarnabhumi, Thanyaburi, Krungthep (Thái Lan); ĐH Chuxiong, Hải Dương (Trung Quốc); ĐH tự do VUB (Bỉ); ĐH Greiwarld (Đức); ĐH Maladenla (Thụy Điển); Các tổ

chức WUSC (Canada), Project Trust (Anh), SCJ (Nhật Bản), AEI, ANESVAD (Tây Ban Nha), tỉnh Hủa Phăn (Lào),... Trong đó Nhà trường đã triển khai có hiệu quả một số dự án quốc tế như: Dự án Trung tâm Giáo dục Nông nghiệp (AEC- Canada), Dự án Phòng chống Ma túy trong trường sư phạm (UNDP tài trợ), Dự án Dân số - Sức khỏe sinh sản (ADB tài trợ), Dự án hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học giữa trường ĐH cộng đồng Tidewater (Hoa Kỳ) và trường ĐH Hồng Đức... Điều này mang đến nhiều cơ hội học tập, nghiên cứu, giao lưu văn hóa cho sinh viên; góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

Về hình thức và nội dung hợp tác quốc tế, trong những năm qua, hình thức và nội dung hợp tác trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường ngày càng đa dạng, phong phú và đem lại hiệu quả thiết thực. Việc ký kết, cam kết, thỏa thuận hợp tác với các đối tác được tiến hành cả theo “chiều rộng” và “chiều sâu”. Về chiều rộng, nhà trường đa dạng hóa đối tác và hợp tác chặt chẽ với nhiều trường Đại học, viện nghiên cứu, chương trình nghiên cứu,... của Việt Nam và thế giới. Về chiều sâu, nhà trường chú trọng không chỉ nội dung ký kết, cam kết hợp tác mà còn tập trung khai triển, tổ chức, hiện thực hóa các nội dung đã ký kết, cam kết, thỏa thuận với đối tác. Hàng loạt các hội thảo khoa học, triển lãm công nghệ, trao đổi chuyên gia, sinh viên, tài liệu, thông tin khoa học đã được tổ chức thành công. Hàng loạt các dự án nghiên cứu chung, chuyển giao kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu dưới sự hỗ trợ của chuyên gia nước đối tác cũng đã và đang triển khai đúng kế hoạch, đúng tiến độ.

Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo quốc tế gây được tiếng vang lớn trong giới nghiên cứu và phát triển khoa học như phối hợp với chương trình Fulbright tổ chức các hội thảo: *Phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và bền vững; Mô hình các trường ĐH địa phương ở Việt Nam, Quản trị trong các trường ĐH địa phương ở Việt Nam...* Trường đại học Hồng Đức đã thực hiện thành công 2 đề tài khoa học *Nghiên cứu ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất hoa phong lan tại Thanh Hóa* (phối hợp với ĐH Rajamangala Suvarnabhumi - Thái Lan) và *Nghiên cứu sản xuất một số giống lúa thuần năng suất cao phù hợp với điều kiện khí hậu tại Thanh Hoá* (phối hợp với ĐH Hải Dương - Trung Quốc).... Triển khai đề án “Liên kết đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài” trong 5 năm trở lại đây, Nhà trường đã tổ chức đào tạo tiếng Anh cho 98 cán bộ quản lý lãnh đạo tiềm năng của Tỉnh. Kết thúc giai đoạn đào tạo tiếng Anh, 27 học viên thuộc đề án đào tạo bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý tiềm năng của tỉnh đã được Tỉnh ủy cử đi học thạc sỹ chủ yếu ngành Quản lý công, chính sách công và hành chính công tại hai nước là Anh và Úc.

Triển khai chương trình phối hợp đào tạo và nghiên cứu khoa học với trường ĐH

Zielona Gora, Ba Lan, thực hiện chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên chuyên ngành vật lý bởi học bổng Erasmus Plus; thực hiện liên kết đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh theo mô hình 1+3 với trường Đại học công nghệ Hoàng gia Rajamangala, Thái Lan; liên kết đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với trường ĐH Soongsil, Hàn Quốc; tổ chức giảng dạy cho 294 LHS Lào hiện đang học tập ở cả hai bậc đại học và thạc sĩ tại trường.

Những hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài tiêu biểu hiện nay là các đề tài dự án: “Hợp tác nghiên cứu các thăng giáng lượng tử của các hệ quang học phi tuyến kiểu Kerr” phối hợp với các nhà khoa học của trường Đại học Zielona Gora. “Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn” phối hợp với trường Đại học Greiswald; đồng chủ trì dự án “Hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo các trường đại học Nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu” do Chính phủ Hà Lan tài trợ.

Nhà trường đã thực hiện thành công các chương trình trao đổi sinh viên: chương trình tìm hiểu văn hóa Châu Á liên kết với trường Đại học Hoàng Gia Thái Lan; tham gia cuộc thi Quiz ASEAN, cuộc thi sinh viên Công nghệ tài năng (ESTA); tham gia tuần lễ thể thao và văn hóa tại Đại học Khoa học và công nghệ Côn Minh, Trung Quốc.

Năm học 2020-2021, Nhà trường đã ký 04 Biên bản thỏa thuận hợp tác với các đối tác mới: ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Hồng Đức với Viện giáo dục SEED, Singapore triển khai chương trình "Chuyên gia thực hành quốc tế chăm sóc và giáo dục mầm non"; ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty TNHH That's IT Global về việc hợp tác trong phát triển và đầu tư các hoạt động công nghệ thông tin; ký kết hợp tác với Công ty TNHH Xprienz Việt Nam trong hợp tác hợp tổ chức các hội thảo, seminar, các khóa đào tạo ngắn hạn cho giảng viên và sinh viên trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn; ký kết hợp tác với Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng Hải Phong trong hợp tác, hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp, định hướng nghề nghiệp, đào tạo Tiếng Nhật cho sinh viên.

Ngoài ra, Nhà trường còn đặc biệt coi trọng và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu hàn lâm, công bố quốc tế các nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong nhà trường. Trong những năm gần đây, nhà có số lượng công bố quốc tế ISI khá cao. Số lượng công bố quốc tế ISI trên cơ sở dữ liệu Web of Science cũng tăng dần qua các năm, vươn lên top các trường Đại học có các bài báo có công bố quốc tế tốt ở Việt Nam. Có thể nói, kết quả hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Có thể nói, kết quả hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

4.4. Cơ sở vật chất trang thiết bị, thư viện phục vụ cho chương trình đào tạo Luật kinh tế

Trường Đại học Hồng Đức là trường trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá được quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng tương đối hiện đại, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng một phần nơi ở của người học.

Trong những năm qua, Nhà trường được đầu tư 650 tỷ đồng để hoàn thành các hạng mục tại cơ sở chính gồm: Nhà Điều hành, 6 nhà giảng đường, nhà Trung tâm Giáo dục quốc tế - Ngoại ngữ, khu liên hợp Thể dục Thể thao, Hội trường 500 chỗ ngồi, 6 nhà ký túc xá sinh viên, giảng viên thỉnh giảng, Nhà ký túc xá Lào (do nước bạn Lào đầu tư bàn giao lại cho Nhà trường), Trung tâm Thông tin - Thư viện và Trường Mầm non thực hành tổng diện tích xây dựng các công trình là 103.630 m² sàn; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh được đầu tư 93,6 tỷ đồng để xây dựng nhà làm việc, nhà học, nhà ký túc xá, sân bãi tập luyện với 9.793 m² sàn.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học nhìn chung cơ bản đáp ứng cho các ngành đào tạo. Trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 250 người học.

Hiện tại, Nhà trường có một số phòng thí nghiệm thực hành hiện đại của khoa Khoa học Tự nhiên, khoa Kỹ thuật- Công nghệ, khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông; phòng thực hành kế toán, hệ thống mô phỏng Ngân hàng khoa Kinh tế-Quản trị kinh doanh; Phòng thực hành pháp luật của khoa Lý luận chính trị - Luật, Trung tâm thực hành nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn khoa Khoa học Xã hội và Dự án đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm quản lý Trường Đại học Hồng Đức.

Ngoài ra, Trường Đại học Hồng Đức và Khoa Lý luận chính trị - Luật đã ký nhiều biên bản hợp tác với các doanh nghiệp như: văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, công ty đấu giá, ngân hàng... để tạo điều kiện cho sinh viên ngành Luật của Trường được tham gia hoạt động thực tế, thực hành, thực tập tại các cơ sở này. Đây chính là các điều kiện cơ sở vật chất ngoài trường hỗ trợ tích cực giúp nâng cao hiệu quả công tác dạy và học ngành cử nhân Luật hiện tại cũng như ngành Luật kinh tế theo hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

*** Thư viện:** Trường Đại học Hồng Đức luôn được chú trọng xây dựng, đầu tư, nâng cấp nhằm cung cấp đủ tài liệu, sách báo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trung tâm thư viện của trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính kết nối internet. Tổng diện tích thư viện là

5166m² với 15 phòng làm việc, có phòng đọc 500 chỗ ngồi, phòng mượn, phòng tra cứu đáp ứng đủ nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên và cán bộ giảng viên trong Nhà trường. Hiện nay, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà thư viện mới hiện đại đạt tiêu chuẩn bậc cao cho phép đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu của giảng viên, học viên và sinh viên.

Thư viện có nội quy phòng mượn tài liệu, nội quy phòng máy và nội quy phòng đọc để bạn đọc thực hiện, mở cửa từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, hai buổi mỗi ngày, phục vụ cán bộ, giảng viên và người học đến thư viện tra cứu, đọc và mượn tài liệu.

Hiện nay, thư viện có 16.021 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo (gồm cả các sách tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga...) với 157.213 bản sách; có 225 đầu báo và tạp chí tiếng Việt và 5 đầu tạp chí nước ngoài; 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án. Với số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo tương đối phong phú, đa dạng. Thư viện đã cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có đầy đủ sách giáo trình chính cũng như tài liệu tham khảo tối thiểu cho mỗi học phần thuộc chương trình đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của cán bộ giảng viên và người học.

Ngoài ra, hàng năm, thư viện Nhà trường còn được bổ sung nguồn tài liệu nội sinh gồm: luận văn, luận án, sách tham khảo, chuyên khảo với hơn 3000 cuốn luận văn, luận án, khóa luận và đồ án tốt nghiệp. Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện có bản quyền sử dụng, được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Libol, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu.

Từ năm 2003, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol), Năm 2016, nhà trường mua nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vina; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hiện nay, với hệ thống 4 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường và 80 máy tính cố định, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng. Năm 2014, Nhà trường mua quyền truy cập khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trên mạng (Cơ sở dữ liệu tài liệu KH&CN Việt Nam; Cơ sở dữ liệu ProQuest Central) do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục Khoa học công nghệ Quốc gia cung cấp. Năm 2016, Nhà trường mua nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vina; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại, Trung tâm thông tin - thư viện có 4 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường.

Từ năm học 2006 - 2007, thư viện Nhà trường đã xây dựng website riêng để giới thiệu thông tin, tài liệu đến bạn đọc, qua đó bạn đọc dễ dàng tra cứu tài liệu, nhất là có thể đọc ở phần mềm Libol, danh mục tài liệu mới. Hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hóa, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của giảng viên, của người học và các bên liên quan; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Các nguồn học liệu (bản cứng/bản mềm) mô tả trên được cập nhật định kỳ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường và Trung tâm thông tin - thư viện đã ban hành các văn bản quy định về quản lý, khai thác sử dụng thông tin, tài liệu và hướng dẫn quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu tại thư viện; toàn bộ nguồn học liệu thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu.

Từ năm 2011, trung tâm tổ chức khảo sát thăm dò chất lượng phục vụ của đơn vị, sự hài lòng của người học nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Kết quả hài lòng của người học hàng năm đạt trên 95%.

Để có cơ sở cảnh báo người học trong việc tìm tòi, khai thác thông tin qua tài liệu tại thư viện, Trung tâm thông tin - thư viện đã theo dõi, cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động của bạn đọc tại thư viện, tổng hợp và gửi thông báo về các khoa đào tạo để kịp thời đôn đốc người học tích cực hơn trong việc tìm kiếm, khai thác thông tin qua hệ thống sách, báo, tạp chí và tài liệu kỹ thuật số hiện có tại thư viện; đồng thời tổ chức lấy ý kiến mức độ của bạn đọc hài lòng về môi trường học tập, làm việc và thái độ phục vụ của thư viện trường; thống kê khả năng phục vụ của thư viện trong việc đáp ứng yêu cầu của bạn đọc.

Kết quả lấy ý kiến hàng năm cho thấy, đa số bạn đọc cho rằng, tuy môi trường học tập, làm việc tại thư viện chưa hoàn hảo; nhưng thái độ phục vụ của nhân viên thư viện đều được đánh giá cao.

Để nâng cao nghiệp vụ thủ thư, quản lý thư viện, hằng năm, Trung tâm thông tin - thư viện đều cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm cập nhật thông tin và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Ở cấp khoa, lãnh đạo Khoa Lý luận chính trị - Luật đã kêu gọi cán bộ giảng viên ủng hộ các loại giáo trình tài liệu, tạp chí chuyên ngành; các công trình nghiên cứu đã xuất bản của cán bộ giảng viên trong Khoa cho phòng tư liệu. Tính đến thời điểm hiện tại, tủ sách lưu tại phòng Tư liệu của Khoa có hàng trăm đầu sách, bao gồm: giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí, luận văn, luận án,... phục vụ yêu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, người học thuộc khối ngành Luật học.

*** Phòng thực hành pháp luật:** Phòng thực hành pháp luật của Khoa Lý luận chính trị - Luật được xây dựng hoàn thiện từ năm 2021. Phòng thực hành pháp luật có diện tích 100 m² được thiết kế giống một phòng xử án thật với đầy đủ tiện nghi, gồm có : Bàn của hội đồng xét xử (01 chiếc); Ghế của thành viên hội đồng xét xử (03 chiếc); Bục khai báo (01 chiếc); Bàn thư ký (01 chiếc); Bàn kiểm sát viên (01 chiếc) ; Bàn luật sư (01 chiếc) ; Ghế của người tham gia tố tụng (02 chiếc) ; Ghế tham dự

phiên tòa (20 chiếc) đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Đến nay, phòng thực hành pháp luật đã đi vào hoạt động được gần 02 năm, thực hành diễn án với 03 phiên tòa hình sự, 01 phiên tòa dân sự, 01 phiên tòa hôn nhân gia đình, 01 phiên tòa lĩnh vực đất đai. Việc đưa vào sử dụng Phòng thực hành pháp luật có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó là bước tiến mới trong mục tiêu phát triển đào tạo, giảng dạy và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật từ lúc đang ngồi trên ghế nhà trường và là hành trang bổ ích phục vụ cho nghề nghiệp sau này. Từ năm 2021, tổ chức phiên tòa là một trong các chương trình thường niên của Khoa, đưa hoạt động tranh tụng trong thực tế đến gần hơn với sinh viên. Hoạt động của phòng thực hành pháp luật đã đóng góp không nhỏ vào hoạt động thực hành, rèn nghề của sinh viên ngành Cử nhân luật, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo của Khoa Lý luận chính trị - Luật.

(Xem Mẫu 6, 7, 8 - Phụ lục 3 đính kèm đề án này)

4.5. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Luật kinh tế

Hàng năm, Khoa đều tiến hành rà soát đội ngũ, quy hoạch đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhờ vậy 100% giảng viên của khoa có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 01 Phó giáo sư (tỷ lệ 3.0%), 08 Tiến sĩ (tỷ lệ 24.2%) và 24 Thạc sỹ (tỷ lệ 72.7%), GV đang đi học nghiên cứu sinh là 04 người (tỷ lệ 12.1%). Ngoài chú trọng công tác đào tạo trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đội ngũ cán bộ, giảng viên của khoa còn tích cực tham gia học tập ngoại ngữ, tin học và luôn sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Nhân sự quản lý chuyên môn đối với ngành Luật kinh tế được mô tả cụ thể tại Bảng 4.5 sau:

Bảng 4.5. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Luật kinh tế trình độ đại học dự kiến mở của Trường Đại học Hồng Đức

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	Lê Văn Minh , Năm sinh: 1978, Trưởng Khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức	TS, 2018, Việt Nam	Luật
2	Mai Thị Quý , Năm sinh: 1969, Phó Trưởng Khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức	TS, 2007, Việt Nam	Triết học
3	Nguyễn Văn Thu , Năm sinh: 1974, Phó Trưởng Khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức	TS, 2015, Trung Quốc	Kinh tế học

4.6. Biện pháp quản lý rủi ro trong mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Luật kinh tế

4.6.1. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội và dự báo những biến động có thể xảy ra

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã, đang và sẽ tiếp tục tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ, tác động đến mọi mặt của đời sống - xã hội. Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, vấn đề đặt ra cho ngành giáo dục và đào tạo nói chung cũng như giáo dục đại học, cao đẳng nói riêng trong bối cảnh mới là phải đổi mới từ một nền giáo dục nặng về trang bị kiến thức cho sinh viên, học viên sang nền giáo dục giúp phát triển kỹ năng, thúc đẩy tư duy đổi mới sáng tạo. Yêu cầu giải quyết vấn đề nguồn nhân lực, đào tạo được đội ngũ nhân lực có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới, trong đó có đào tạo nghề luật đang là vấn đề trung tâm, thách thức to lớn đối với Việt Nam hiện nay. Nhận thức được tầm quan trọng đó, ngày 04/5/2017 Thủ tướng Chính phủ đã khải trương ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0 và tiếp sau đó một ngày, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Công văn số 1891/BGDĐT-GDĐH gửi các trường đại học, cao đẳng về nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong hoàn cảnh mới, xu hướng mới những cơ hội và thách thức, để có thể tồn tại và phát triển trong môi trường mở cửa, cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo, trường Đại học Hồng Đức đã có những bước đi phù hợp, hoạch định được chiến lược, có những chính sách đúng đắn, nắm bắt thời cơ và đổi mới sáng tạo là chìa khóa, động lực to lớn cho sự phát triển hiệu quả, bền vững.

Trường Đại học Hồng Đức đã và đang có những đổi mới nhất định để đáp ứng nhu cầu xã hội trên tất cả các phương diện hoạt động, không ngừng đổi mới và sáng tạo để có thể dần ứng dụng các sản phẩm của nền giáo dục thông minh vào giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục, nhằm phát triển các trường mang những đặc trưng của nền giáo dục trong kỷ nguyên mới, đó là: sáng tạo - liên ngành - kết nối - công nghệ giáo dục.

4.6.2. Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của cơ sở đào tạo và các phương án đối phó rủi ro trước các biến động có thể xảy ra

a. Điểm mạnh và điểm yếu của cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Hồng Đức là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm văn hóa lớn nhất của tỉnh Thanh Hóa, với nhiều lợi thế:

Một là, đội ngũ giảng viên Nhà trường phát triển mạnh với tổng số 642 cán bộ, giảng viên và người lao động. Đội ngũ giảng viên là 407 người (chiếm 63,39%), trong đó 176 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 43,24%, 24 giảng viên có chức danh Phó Giáo sư, đạt 5,9% (có 28 tiến sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài, chiếm 15,9%);

có 139 giảng viên có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, chiếm 34,2% giảng viên. Đây là tỷ lệ khá cao trong hệ thống các trường đại học trực thuộc địa phương. Đội ngũ giảng viên chuyên ngành Luật có trình độ chuyên môn cao, năng động, tích cực, có trách nhiệm, có khả năng làm việc với cường độ cao, có tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường.

Hai là, hoạt động nghiên cứu khoa học có nhiều thành tựu khởi sắc: Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh. Nhiều đề tài nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao. Nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín có chỉ số ISI, SCIE hoặc Scopus. Trong đó Khoa Lý luận chính trị - Luật là một trong những khoa mạnh đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài/dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh và đề tài cấp cơ sở và nhiều bài báo đăng tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín.

Ba là, hoạt động hợp tác quốc tế có hiệu quả, đã hợp tác với các trường đại học nước ngoài để nghiên cứu giải quyết các vấn đề đặt ra trong sự phát triển kinh tế - xã hội; trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài, góp phần nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ giảng viên nhà trường.

Bốn là, hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục được duy trì hàng năm. Văn hóa chất lượng từng bước được hình thành tại các đơn vị trong toàn trường. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và cập nhật dữ liệu 100% chương trình đào tạo cử nhân, trong đó có 10 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm là, cơ sở vật chất ngày càng khang trang, hệ thống máy móc, trang thiết bị, thí nghiệm được đầu tư đầy đủ và hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- **Điểm yếu:** Là cơ sở giáo dục đại học công lập với nhiều ràng buộc về tài chính theo quy định của Nhà nước và pháp luật, chính sách khuyến khích tuyển sinh của Nhà trường có thể chưa đủ tính cạnh tranh bằng các đơn vị khác đặc biệt là các cơ sở giáo dục có yếu tố đầu tư nước ngoài và tư thục.

b) Dự báo về rủi ro khi triển khai tuyển sinh, đào tạo và phương án đối phó

Như đã phân tích nhu cầu về ngành đào tạo Luật kinh tế tại Việt Nam nói chung và tại Thanh Hoá nói riêng là rất lớn. Trên địa bàn Tỉnh và các tỉnh lân cận như Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định... còn ít đơn vị đào tạo cung cấp ngành đào tạo Luật kinh tế. Tuy nhiên, chương trình vẫn có thể gặp phải sự cạnh tranh từ nhiều cơ sở đào tạo lớn như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Quốc gia, Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh; cơ sở đào tạo lân cận như Đại học Vinh,... với khoảng cách địa lý không quá xa để học viên có thể tham gia học tập.

- Mặc dù rủi ro liên quan đến tuyển sinh không đủ chỉ tiêu (gây ra sự gián đoạn

giữa các năm tuyển sinh) là rất thấp, song nếu khả năng này xảy ra, Nhà trường sẽ chuẩn bị các phương án đối phó như sau:

- + Tập trung nguồn lực để phát triển đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp theo hướng ứng dụng, gắn kết với thực tiễn trong đó chất lượng dạy và học được đặt lên hàng đầu; tăng cường liên kết đào tạo, trao đổi chuyên gia, giảng viên, thỉnh giảng với nước ngoài; tổ chức hội thảo quốc tế; tập huấn, bồi dưỡng.... nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng.

- + Xây dựng kế hoạch tuyển truyền tuyển sinh cụ thể như: thường xuyên cập nhật thông tin tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương, gửi tờ rơi tuyển sinh, thông báo đến các đơn vị có nhu cầu học, kết nối cựu sinh viên, đào tạo đặt hàng theo yêu cầu.

- + Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cụ thể hoá thành kế hoạch hàng năm cử cán bộ giảng viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước, bồi dưỡng năm lực chuyên môn, năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu đào tạo của ngành Luật kinh tế, đồng thời có chính sách ưu tiên thu hút, đãi ngộ các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước có chuyên môn ngành Luật kinh tế hợp tác, làm việc với Nhà trường. Tăng cường liên kết đào tạo, trao đổi chuyên gia, giảng viên, thỉnh giảng với nước ngoài; tổ chức hội thảo quốc tế; tập huấn, bồi dưỡng.... nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng.

- + Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao độ hài lòng cho người học.

- + Thường xuyên thực hiện khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, mức độ hài lòng của người học đối với chương trình đào tạo, chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo... để không ngừng phát triển, cập nhật mới chương trình đào tạo, nâng cao mức độ hài lòng của người học, đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và mong đợi của xã hội.

c. Dự báo về rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Với uy tín gần 25 năm tồn tại và phát triển, và sự chuẩn bị chu đáo về các điều kiện mở ngành đào tạo, khả năng Trường Đại học Hồng Đức bị đình chỉ hoạt động của ngành Luật kinh tế là hầu như bằng 0. Tuy nhiên, Nhà trường vẫn chuẩn bị tổ chức các phương án sau đây để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, các bên liên quan trong trường hợp bị đình chỉ đào tạo ngành này:

- Đối với người học:

Đối với các khóa tuyển sinh đã được tuyển trước khi bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo (nếu có), Nhà trường cam kết sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học bằng theo các phương án sau (một hoặc hoặc phối hợp nhiều phương án):

- + Tiếp tục tự tổ chức các học phần trong chương trình đào tạo để người học

hoàn thành chương trình đào tạo Luật kinh tế;

+ Xem xét cho học viên được học một số học phần tương đương và được công nhận cho các học phần còn chưa được tích lũy trong chương trình đào tạo Luật kinh tế;

+ Xem xét và giải quyết cho người học có nhu cầu mong muốn chuyển sang ngành đào tạo khác. Việc xét cho người học được chuyển ngành đào tạo cũng như việc công nhận các tín chỉ đã tích lũy được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đối với giảng viên: Giảng viên đã được phân công chuẩn bị các học phần trong chương trình đào tạo Luật kinh tế nhưng không thể triển khai giảng dạy trong trường hợp bị đình chỉ ngành đào tạo, Nhà trường xem xét ưu tiên bố trí giảng viên giảng dạy các học phần có chuyên môn phù hợp, hướng tới đảm bảo số giờ giảng dạy của giảng viên theo kế hoạch ban đầu.

- Đối với các bên có liên quan: Trong trường hợp bị đình chỉ ngành Luật kinh tế, Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch thông tin cho các bên có liên quan theo hình thức phù hợp (gửi email, thông báo trên trang web v.v), về các biện pháp nhà trường thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên có liên quan./

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

**BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

TS. Lê Văn Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thanh Hóa, ngày ... tháng ... năm 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: **Luật kinh tế**

Mã ngành: 7 38 01 07

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD, hoặc Hộ chiếu, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Lục Thị Mỹ Bình 1/8/1983	038183011483 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2011	Tiếng Anh	01/8/2012		3808011412				
2	Hoàng Kim Thuý 2/10/1987	038187033846 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2013	PPGD TA	05/01/2015		3815004506				
3	Lưu Văn Hậu 21/1/1981	038081037866 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2013	PPGD TA	13/9/2013		382706000419				
4	Lê Trọng Đồng 16/5/1979	38079003263 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2013	Thẻ dực	2005		2706004825				

5	Nguyễn Thị Quyên 5/11/1979	38179011929 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2017	Thẻ dực	2005						
6	Lê Đình Chắt 12/5/1973	038073007839 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2013	Sinh học	16/9/2004						
7	Lê Thị Lan 20/9/1982	038182015263 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ Năm TN: 2018	Kế toán	2005		387206004813				
8	Cao Xuân Hải 10/2/1977	038077012892 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ Năm TN: 2017	Tâm lý học	4/3/2004		2706006175				
9	Lê Thị Bình 21/6/1987	038187010204 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN:	Kế toán	28/2/2013		3812017565				
10	Nguyễn Đình Công 7/1/1988	038088031576 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ Năm TN: 2020	Công nghệ số	19/4/2012		3812002279				
11	Ngô Văn Tuấn 14/7/1985	172283311 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ Năm TN: 2017								
12	Đào Thanh Thuý 15/7/1982	022182001637 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2018	Lịch sử	29/11/2009		2707016071				
13	Lê Văn Minh 13/11/1977	038077012890 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2018	Tiến sỹ Luật học	2005		2706004830	18	1	1	
14	Mai Thị Quý 27/12/1969	Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2007	Triết học	1995			28	1	1	
15	Nguyễn Văn Thu 6/6/1974	038074005834 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ Trung Quốc, Năm TN: 2015	Tiến sỹ Kinh tế học	1/1/1997		2700003362	26	0	1	
16	Nguyễn Thị Ánh Vân – 1/1/1965	Việt Nam 001165014619	Giảng viên	PGS, VN, 2019 Tiến sỹ, Nhật Bản, 2011	Tiến sỹ Luật kinh tế		8/2022		29	4	3	
17	Lê Thị Thắm 4/7/1975	038175038633 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sỹ VN Năm TN: 2013	Tiến sỹ Triết học	1/1/1997		3898876099	26	1	2	
18	Nguyễn Thị Tâm 20/12/1983	038183049886 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2013	Thạc sỹ TTHCM	2004		381006673		0	1	
19	Nguyễn Thị Hải Lý 29/05/1986	1745110905 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2011	Thạc sỹ Kinh tế	2/2/2009		3810006568	14	0	1	

					chính trị							
20	Nguyễn Phan Vũ 29/2/1984	038084025002 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN: 2014	Thạc sỹ Triết học	2010		3811000858	14		1	
21	Đặng Thủy Vân 7/11/1986	038186046149 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ VN Năm TN	Thạc sỹ Chính trị học	2009		3810006573	14	0	1	
22	Đoài Thị Thêu 30/3/1982	036182013372 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tiến sỹ Triết học	2013		8907007608	10		1	
23	La Thị Quế 24/2/1986	038186004403 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Tiến sỹ Luật học	10/2008		3810006378	15	0	0	
24	Lê Thị Anh 2/9/1969	038169017495 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam 2008	Thạc sỹ Chính trị học	1995		2700003350	28	0	0	
25	Nguyễn Thị Huyền 26/11/1986	038186007229 Việt Nam	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Tiến sỹ Luật học	11/2009		4383810006575	14	0	0	
26	Phan Thị Thanh Huyền - 2/2/1986	038186038284 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Lý luận về lịch sử NN và pháp luật		11/2009	8123064689	14	0	0	
27	Nguyễn Duy Nam 2/9/1988	038088048919 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam 2013	Thạc sỹ Luật kinh tế		HĐLD	3814026654	9	0	01	
28	Trần Minh Trang 10/12/1990	038190000218 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Thạc sỹ Luật Kinh tế		8/2015	4383815023831	09	0		
29	Trịnh Diệp Ly 22/3/1993	038193005434 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Luật kinh tế		3/2017	4383816042698	6	0	0	
30	Đặng Thanh Mai 3/11/1992	038192003080 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Thạc sỹ Luật Kinh tế		3/2017	3816042696	6	0	0	
31	Lê Minh Thúy 16/9/1992	038192015018 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận về lịch sử NN và pháp luật		4/2018	4383820150947	5	0	0	
32	Nguyễn Thị Nguyệt 27/8/1996	038196006377 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận về lịch sử NN và pháp luật		7/2019	4383824896701	3	0	0	
33	Nguyễn Thùy Dung 12/4/1985	38195011537 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế		7/2019	4383820275214	3	0	0	

34	Tăng Nữ Tiểu Trang - 15/8/1994	025194008446 Việt Nam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Luật Dân sự		01/2022	2521744054	1	0	0	
35	Trần Thị Thanh Huyền – 14/9/1986	Việt Nam 036186011484	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế		7/2022		11	0	6	
36	Nguyễn Thị Ánh Vân – 1/1/1965	Việt Nam 001165014619	Giảng viên	PGS, Nhật Bản. 2011	Luật Kinh tế		8/2022		18	1	2	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Dung



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế

STT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên có hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Lục Thị Mỹ Bình	Tiếng Anh 1	HK 1	4				Giảng viên có hữu chuyên môn phù hợp giảng dạyCTĐT
2.	Hoàng Kim Thuý	Tiếng anh 2	HK 2	3				
3.	Lưu Văn Hậu	Tiếng anh 3	3	3				
4.	Lê Trọng Đồng	Giáo dục thể chất 1	1	2				
5.	Nguyễn Thị Quyên	Giáo dục thể chất 2	2			2		
6.	Lê Đình Chắc	Môi trường và con người	3			2		
7.	Lê Thị Lan	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	6	3				
8.	Lê Thị Bình	Kinh tế vi mô	2	3				
9.	Đào Thanh Thuý	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1			2		
10.	Cao Xuân Hải	Tâm lý học quản lý kinh doanh	3	2				
11.	Lê Thị Bình	Kinh tế vi mô	2	3				
12.	Nguyễn Đình Công	Công nghệ số	1	3				
13.	Ngô Văn Tuấn	Giáo dục quốc phòng						
14.	Mai Thị Quý	Triết họcMác-Lênin	1	3				

15.	Đới Thị Thêu	Triết họcMác-Lênin	1	3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chủ trì giảng dạy
16.	Nguyễn Văn Thụ	Kỹ năng soạn thảo văn bản		2				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp giảng dạyCTĐT
17.	Lê Thị Thắm	PP nghiên cứu luật học	5	2				
18.	Nguyễn Thị Tâm	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				
19.	Nguyễn Thị Hải Lý	Kinh tế chính trị	2	2				
20.	Nguyễn Phan Vũ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2				
21.	Đặng Thùy Vân	Lịch sử ĐCSVN	4	2				
22.	Lê Văn Minh	Luật hình sự 1	2	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Luật hình sự 2	3	3				
		Pháp luật về thu hồi đất	7			2		
23.	La Thị Quế	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Pháp luật về phòng chống tham nhũng	7			2		
		Pháp luật về thương mại điện tử	8	2				
25.	Nguyễn Thị Huyền	Luật hiến pháp	1	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Luật hành chính	2	3				
		Công pháp quốc tế	4	3				
26.	Phan Thị Thanh Huyền	Luật thương mại 1	3	3				Giảng viên

		Luật thương mại 2	4	3				cơ hữu ngành phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	6			2		
27.	Nguyễn Duy Nam	Luật hôn nhân và gia đình	4	2				
		Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	6			2		
28.	Trần Minh Trang	Luật dân sự 1	2	3				
		Luật dân sự 2	3	3				
		Pháp luật về giao dịch đảm bảo	5			2		
29.	Trịnh Diệp Ly	Luật lao động	4	3				
		Tư pháp quốc tế	7	3				
		Luật kinh doanh bảo hiểm	5			2		
30.	Đặng Thanh Mai	Luật đất đai	5	3				
		Luật môi trường	4	2				
		Luật an sinh xã hội	6			2		
31.	Lê Minh Thúy	Luật sở hữu trí tuệ	6	2				
		Luật sư, công chứng	7	3				
		Luật cạnh tranh	5			2		
32.	Nguyễn Thị Nguyệt	Luật tổ tụng dân sự	5	3				
		Luật thi hành án dân sự	6	2				
		Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	6			2		
33.	Nguyễn Thùy Dung	Luật đầu tư	7			2		

		Luật chứng khoán	6			2		
		Luật thương mại quốc tế	5	2				
34.	Tăng Nữ Tiêu Trang	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	7			2		
		Luật ngân hàng	6			2		
35.	Nguyễn Thị Anh Vân	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	6			2		
36.	Trần Thị Thanh Huyền	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	8	2				
		Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	8	2				
Giảng viên có hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án								

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Dung



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Luật kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	Lê Văn Minh , Năm sinh: 1977 Trưởng khoa Lý luận chính trị - Luật Trường ĐH Hồng Đức	TS, Việt Nam, 2018	Luật học
2	Mai Thị Quý , Năm sinh: 1969 Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường ĐH Hồng Đức	TS, Việt Nam, 2007	Triết học
3	Nguyễn Văn Thu , Năm sinh: 1974 Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường ĐH Hồng Đức	TS, Trung Quốc, 2015	Kinh tế học

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Dung

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Văn Dũng

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Luật kinh tế do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

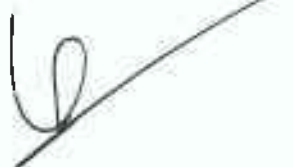
STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
1.	Số 3539/QĐ – BGDDT ngày 17/9/2018	Cấp Bộ	Đánh giá tác động của dịch vụ tài chính vi mô tới thu nhập và tiêu dùng của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	TS Lê Thị Bình (Thành viên)	Số 4767/QĐ-BGDDT ngày 29/12/2020	13/01/2021	Xuất sắc	
2.	Số 49/2019/HĐ KHCN – ĐTKHCN ngày 21/5/2019	Cấp Tỉnh	Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa	TS Lê Thị Bình (Thành viên)		2021		
3.	Số 1063/2017/HĐ KHCN- ĐTKHCN ngày 16/10/2017	Cấp Tỉnh	Nâng cao năng lực Tiếng Anh cho cán bộ công chức đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế	Ths Lục Thị Mỹ Bình (Thành viên)		07/9/2020	Đạt	
4.	Số 2390 /QĐ- ĐHHĐ ngày 10/12/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng phần mềm sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm phát hiện một số loại sâu hại lúa từ ảnh	TS Nguyễn Đình Công (Chủ nhiệm)	Số 3209/QĐ- ĐHHĐ ngày 27/12/2022	10/01/2023	Xuất sắc	
5.	Số 3061/QĐ- ĐHHĐ ngày 15/12/2016	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phân lập và giải trình tự gen ITS1 và ITS2 loài Lan kim tuyến (<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume) tại Thanh Hóa	TS Lê Đình Chấn (Chủ nhiệm)	Số 815 – QĐ- ĐHHĐ ngày 23/5/2018	21/6/2018	Khá	
6.	Số 2063/QĐ- ĐHHĐ ngày 10/11/2017	Cấp cơ sở	Nghiên cứu nội dung và tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường Đại học Hồng Đức	TS Lê Trọng Đồng (Thành viên)	Số 386/QĐ- ĐHHĐ ngày 21/3/2018	4/5/2018	Khá	

7.	Số 1975/QĐ – ĐHHĐ ngày 25/11/2015	Cấp cơ sở	Nghiên cứu giải pháp phát triển Câu lạc bộ võ Vovinam cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức	TS Lê Trọng Đồng (Chủ nhiệm)	Số 173/QĐ – ĐHHĐ ngày 15/2/2017	28/3/2017	Khá	
8.	Số 580/2019/HĐ- ĐHHĐ ngày 29/11/2019	Cấp cơ sở	Kĩ năng TVHN cho HS của GVCN trường THPT trên địa bàn TP Thanh Hóa hiện nay	TS. Cao Xuân Hải	Số 322/QĐ-ĐHHĐ ngày 23/2/2021	17/3/2021	Xuất sắc	
9.	Số 749/2018/ HĐ KHCN – ĐTKHCN ngày 03/8/2018	Cấp Tỉnh	Xây dựng mô hình ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	TS. Cao Xuân Hải (thành viên)		2021	Xuất sắc	
10.	Số 1795/QĐ – ĐHHĐ ngày 28/5/2015	Cấp Bộ	Định hướng giá trị cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa	TS Mai Thị Quý (Thành viên)	Số 20151/QĐ- ĐHHĐ ngày 30/11/2018	26/4/1019	Đạt	
11.	Số 3539/ QĐ- BGDĐT ngày 17/9/2018	Cấp bộ	Biện pháp giáo dục giá trị cho nữ sinh viên các trường ĐH, CĐ ở Thanh Hóa.	TS Mai Thị Quý (Chủ nhiệm)		20/01/2021	Xuất sắc	
12.	Số 568/HĐ- ĐHHĐ ngày 30/11/2018	Cấp cơ sở	Giáo dục tư tưởng nhân văn cho sinh viên trường đại học Hồng Đức hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Ths. Nguyễn Thị Tâm	Số 240/QĐ-ĐHHĐ Ngày 19/3/2020	29/4/2020	Khá	
13.	Số: 438/HĐ- ĐHHĐ ngày 29/11/2017	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lối sống cho sinh viên trường đại học Hồng Đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Ths Nguyễn Thị Tâm (Thành viên)	Số 2231/QĐ- ĐHHĐ ngày 20/12/2018	03/01/2019	Khá	
14.	Số: 683/HĐ- ĐHHĐ ngày 30/11/2020	Cấp cơ sở	Biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cho sinh viên trường đại học Hồng Đức hiện nay	Ths Nguyễn Thị Tâm (Thành viên)	Số 2651/QĐ- ĐHHĐ ngày 31/12/2021	08/4/2022	Khá	
15.	Số 1795/QĐ – ĐHHĐ ngày 28/5/2015	Cấp bộ	Định hướng giá trị của sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay	TS Lê Thị Thắm (Thành viên)	Số 20151/QĐ- ĐHHĐ ngày 30/11/2018	26/4/2019	Đạt	
16.	852/QĐ – ĐHHĐ ngày 29/11/2020	Cấp cơ sở	Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên Đại học Hồng Đức	TS Lê Thị Thắm (Chủ	Số 2652/QĐ- ĐHHĐ ngày	2021	Khá	

			Thanh Hóa	nhiệm)	31/12/2021			
17.	Số: 568 /HĐ-ĐHHĐ ngày 30/11/2018	Cấp cơ sở	Giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở huyện Ngọc Lặc	TS. Đới Thị Thêu (Chủ nhiệm)	Số 243/QĐ-ĐHHĐ Ngày 19/03/2020	28/3/2020	Khá	
18.	Số 1967/ QĐ – ĐHHĐ ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Biến đổi mối quan hệ dòng họ làng xã vùng Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1986 đến năm 2016	TS. Đào Thanh Thủy (Chủ nhiệm)	Số 661/ QĐ-ĐHHĐ 05/6/2020	9/7/2020	Xuất sắc	
19.	Số 540/HĐ – ĐHHĐ ngày 30/11/2017	Cấp cơ sở	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa	TS Nguyễn Văn Thụ (Chủ nhiệm)	Số 346/QĐ-ĐHHĐ Ngày 20/4/20220	11/6/2020	Khá	
20.	Số 498/2019/ HĐKHCN-ĐTKHCN ngày 21/5/2019	Cấp Tỉnh	Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch cộng đồng ở vùng ven biển tỉnh Thanh Hoá phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội	TS. Đào Thanh Thủy (Thành viên)		2022	Xuất sắc	
21.	Số 616 /HĐ-ĐHHĐ ngày 25/12/2019	Cấp cơ sở	Biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên Đại học Hồng Đức hiện nay	Ths Đặng Thùy Vân (Chủ nhiệm)	Số 1236/QĐ-ĐHHĐ Ngày 18/6/2021	25/6/2021	Khá	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TP.QUẢN LÝ KHCN & HTQT


Trại Thị Thuận



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Luật kinh tế của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Lê Thị Anh (2017), <i>Căn bệnh vô cảm-Tác hại, nguyên nhân và một số giải pháp khắc phục</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức số đặc biệt tháng 6 /2017	Tạp chí
2.	Lê Thị Anh (2018), <i>Quán triệt nghị quyết đại hội XII về xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước vào giảng dạy trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản VN</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức, số 38, tháng 4	Tạp chí
3.	Lê Thị Anh (2019), <i>Quán triệt quan điểm của Đại hội XII về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường cho sinh viên thông qua giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức số 47 tháng 12	Tạp chí
4.	Lê Thị Anh (2019), <i>Học tập và làm theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh- nhìn từ góc độ người giảng viên đại học</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức số 53 tháng 2	Tạp chí
5.	Lê Thị Bình (2018), <i>Sự chuyển dịch của tỷ giá vào lạm phát - xây dựng mô hình SVAR cho bối cảnh kinh tế Việt Nam</i> , Tạp chí trường Đại Học Hồng Đức	Tạp chí
6.	Lê Thị Bình (2018) (viết chung), <i>Các nhân tố ảnh hưởng tới động lực học tập của sinh viên Khoa kinh tế - Quản trị kinh doanh</i> , Trường Đại Học Hồng Đức, Tạp chí kinh tế dự báo	Tạp chí
7.	Lê Thị Bình (2018) (viết chung), <i>Ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến tới sự hài lòng của du khách tại Sầm Sơn, Thanh Hóa</i> , Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương	Tạp chí
8.	Lê Thị Bình (2018) (viết chung), <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái bình dương	Tạp chí
9.	Lê Thị Bình (2018) (viết chung), <i>Hoàn thiện QLNN đối với thị trường du lịch tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Kinh tế dự báo	Tạp chí
10.	Lê Thị Bình (2019) (viết chung), <i>Nâng Cao chất lượng dịch vụ tại khu du lịch Hải Tiến, Tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái bình dương	Tạp chí
11.	Lê Thị Bình (2019) <i>Phát triển du lịch Tỉnh Thanh Hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030</i> , Tạp Chí Tài chính	Tạp chí
12.	Lê Thị Bình (2020) (viết chung), <i>Impact of Destination Image and Satisfaction on Tourist Loyalty: Mountain Destinations in Thanh Hoa Province, Vietnam</i> , Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB), Volume 7	Tạp chí

	Issue 4	
13.	Lê Thị Bình (2020), <i>Thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái bình dương, Số 573– tháng 09 năm 2020.	Tạp chí
14.	Lê Thị Bình (2020) (viết chung), Tăng cường OLNN đối với phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa , Hội thảo khoa học quốc gia: QTKD và Marketing định hướng phát triển bền vững, Tháng 12 năm 2020, ISBN: 978-604-946-926-8.	Hội thảo khoa học quốc gia
15.	Lê Thị Bình (2020) (viết chung), <i>Policy –related factors affecting the survival and development of SMEs in the context of Covid 19 pandemic</i> , Management Science Letters (MSL), Pages: 2769-2780	Tạp chí
16.	Lê Thị Bình (2020) (viết chung), <i>Impact of Destination Image and Satisfaction on Tourist Loyalty: Mountain Destinations in Thanh Hoa Province, Vietnam</i> , The Journal of Asian Finance, Economics and Business, Vol.7 No.4 pp.205-212	Tạp chí
17.	Lê Thị Bình (2020) (viết chung), <i>Examining the structural relationships of destination image and tourist satisfaction</i> , Management Science Letters	Tạp chí
18.	Lê Thị Bình (2021) (viết chung), <i>Influence of brand image, value, and perception on tourist satisfaction with PuLuong tourist destination, Thanh Hoa province, Vietnam</i> , 13 th NEU- KKU international Conference Socio-Economic and Enviromental issues in Development, 2021 Proceedings, Finance Publishing House	Hội thảo quốc tế
19.	Lê Thị Bình (2021) (viết chung), <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Thanh Hóa</i> , Hội thảo khoa học quốc tế TED: International conference papers wererevised by the review committee; ISBN: 978-604-80-5756-5.	Hội thảo quốc tế
20.	Lục Thị Mỹ Bình (2018), <i>Nâng cao năng lực tự học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội	Tạp chí
21.	Lục Thị Mỹ Bình (2019), <i>Hướng dẫn sinh viên khối không chuyên ngữ sử dụng phần mềm ELSA SPEAK để luyện tập phát âm tiếng Anh</i> , Tạp chí Dạy & Học ngày nay	Tạp chí
22.	Lục Thị Mỹ Bình (2020), <i>Một số khó khăn trong luyện kỹ năng nghe hiểu theo chuẩn bậc 3-Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của sinh viên trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Dạy & Học ngày nay	Tạp chí
23.	Lục Thị Mỹ Bình (2021), <i>Phát triển động lực học kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên không chuyên ngữ trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Dạy & Học ngày nay	Tạp chí
24.	Lục Thị Mỹ Bình (2022), <i>Factors affecting students' motivation and solutions to enhance motivation in learning English reading skill for non-major English language students at Hong Duc university</i> , Tạp chí Khoa học trường đại học Hồng	Tạp chí

	Đức	
25.	Lê Đình Chắt (2018) (viết chung), <i>Essential Oils from Syzygium grande (Wight) Walp. and Syzygium sterrophyllum Merr. et Perry</i> , Journal of Essential Oil Bearing Plants	Tạp chí
26.	Lê Đình Chắt (2019) (viết chung), <i>Quantification of quercetin, isorhamnetin and ferulic acid in dry extract of Anoectochilus setaceus Blume from Vietnam</i> , International Journal of Botany Studies	Tạp chí
27.	Lê Đình Chắt (2019) (viết chung), <i>Quantification of CYFRA21-1 antigen in non-small cell lung cancer by Phage Display Real-time Immuno-PCR Method</i> , Research J. Pharm. and Tech	Tạp chí
28.	Lê Đình Chắt (2020) (viết chung), <i>Effect of auxins (iaa, iba and naa) on clonal propagation of Solanum rocumbens stem cuttings</i> , Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology	Tạp chí
29.	Lê Đình Chắt (2020) (viết chung), <i>Application of internal transcribed spacer (ITS) sequences for identifying anoectochilus setaceus Blume in Thanh Hoa, Vietnam</i> , ОРИГИНАЛЬНАЯ СТАТЬЯ • ORIGINAL ARTICLE	Tạp chí
30.	Lê Đình Chắt (2020), <i>The stem essential oil of Taxus chinensis (Rehder & E.H. Wilson) Rehder (Taxaceae) from Vietnam</i> , American Journal of Essential Oils and Natural Products	Tạp chí
31.	Lê Đình Chắt (2021), <i>Anti-cancer activity of dry extract of Anoectochilus setaceus Blume against BT474 breast cancer cell line and A549 lung cancer cell line</i> , Research J. Pharm. and Tech.	Tạp chí
32.	Lê Đình Chắt (2020) (viết chung), <i>Antimicrobial Activity and Chemical Constituents of Essential Oils from the Leaf and Wood of Taxus chinensis (Rehder & E.H. Wilson) Rehder Taxaceae) from Vietnam</i> , Journal of Biologically Active Products from Nature	Tạp chí
33.	Lê Đình Chắt (2021) (viết chung), <i>Use of inter simple sequence repeat (ISSR) markers to assess the genetic diversity of Panax bipinnatifidus Seem. collected from Northern Vietnam</i> , Russian Journal of genetics	Tạp chí
34.	Lê Đình Chắt (2021) (viết chung), <i>Identification of Tinomiscium petiolare from Vietnam using the DNA barcode</i> , Proceedings on Applied Botany, Genetics and Breeding	Tạp chí
35.	Lê Đình Chắt (2021) (viết chung), <i>Chemical Composition and Antimicrobial Activity of Essential Oils from the Leaves and Stems of Tinomiscium petiolare Hook.f. & Thomson from Vietnam</i> , Journal of Essential Oil Bearing Plants	Tạp chí
36.	Lê Đình Chắt (2022) (viết chung), <i>Effect of Extraction Method on Yield, Chemical Composition and Antimicrobial Activity of Essential Oil from the Fruits of Amomum villosum var. xanthioides</i> , Journal of Essential Oil Bearing Plants	Tạp chí
37.	Lê Đình Chắt (2022), <i>Chemical composition and antifungal activity of essential oil from roots of Tinomiscium petiolare</i> , Chemistry of Natural Compounds	Tạp chí
38.	Nguyễn Đình Công (2019) (viết chung), <i>A Review of Fast Edge Detectors for Real-Time Document Capture</i> , SIFED,	HT khoa học quốc

		tế
39.	Nguyễn Đình Công (2019) (viết chung), <i>Performance Evaluation of Real-time and Scale-invariant LoG Operators for Text Detection</i> , SciTePress, Scopus	Sách
40.	Nguyễn Đình Công (2020) (viết chung), <i>Fast Scene Text Detection with RT-LoG Operator and CNN</i> , SciTePress, Scopus	Sách
41.	Nguyễn Đình Công (2021) (viết chung), <i>Phát triển các thuật toán sử dụng hàm log cho ứng dụng nhận dạng chữ trong ảnh thời gian thực</i> , Fair	HT khoa học quốc gia
42.	Nguyễn Đình Công (2021) (viết chung), <i>Detecting Leftover Food and the Shrimp for Estimating of the Shrimp Body Length Based on CNN</i> , Springer, Scopus	Sách
43.	Nguyễn Đình Công (2021) (viết chung), <i>Multi-object Detection by Using CNN for PowerTransmission Line Inspection</i> , Springer, Scopus	Sách
44.	Nguyễn Đình Công (2022) (viết chung), <i>Vacant Parking Car Detectionand Notification by Using Multi-camera System and Deep Learning</i> , Springer, Scopus	Sách
45.	Nguyễn Đình Công (2022) (viết chung), <i>From A Proposed CNN Model to A Real-World Application in Rice Disease Classification</i> , Annals of Computer Science and Information Systems, Volume 27	HTkhoa học quốc tế
46.	Nguyễn Đình Công (2022) (viết chung), <i>An Approach to Evaluate the Reliability of the Face Recognition Process Using Adversarial Samples Generated by Deep Neural Networks</i> , Springer, Scopus	Sách
47.	Nguyễn Đình Công (2023), <i>Using Drone and AI Application for Power Transmission Line Inspection and Maintenance: A Case Study in Vietnam</i> , Springer, Scopus	Sách
48.	Nguyễn Đình Công (2021), <i>Fast RT-LoG operator for scene text detection</i> , Springer, ISI	Tạp chí
49.	Nguyễn Đình Công (2021), <i>Discussion on LoG-based operator for real-time text detection</i> , Scientific journal of tan trao university	Tạp chí
50.	Nguyễn Đình Công (2023), <i>Nghiên cứu xây dựng mô hình nhận dạng bệnh Covid-19 thông qua ảnh chụp X-Quang sử dụng mạng nơ ron tích chập</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
51.	Nguyễn Đình Công (2023), <i>Mô hình CNN đơn giản, chính xác cho ứng dụng di động trong phân loại một số loại bệnh trên cây lúa</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
52.	Nguyễn Đình Công (2023), <i>Nghiên cứu phát hiện dòng chảy xa bờ dựa trên mạng nơ ron tích chập</i> , Tạp chí Khoa học ĐH Hạ Long	Tạp chí
53.	Nguyễn Thùy Dung (2020), <i>Bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19</i> , Tạp chí Quản lý Nhà	Tạp chí

	nước.	
54.	Nguyễn Thùy Dung (2022), <i>Rủi ro trong thanh toán quốc tế bằng phương thức nhờ thu kèm chứng từ</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục	Tạp chí
55.	Lê Trọng Đông (2018) <i>Lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển sức bền tốc độ môn bóng rổ cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội, Kỳ 1- Tháng 6	Tạp chí
56.	Lê Trọng Đông (2018), <i>Biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao thể lực cho sinh viên khoa Mầm non trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội, Kỳ 1- Tháng 6	Tạp chí
57.	Lê Trọng Đông (2018), <i>Năng lực sức nhanh của sinh viên K20 khoa Giáo dục thể chất trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội Kỳ 2- Tháng 6	Tạp chí
58.	Lê Trọng Đông (2018), <i>Đánh giá hiệu quả xây dựng chương trình giảng dạy môn Vovinam cho sinh viên hệ không chuyên ngành Giáo dục thể chất K19 Trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội Kỳ 2- Tháng 6	Tạp chí
59.	Lê Trọng Đông (2018), <i>Lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển thể lực chung môn Bóng chuyền cho nữ sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội (Số đặc biệt)	Tạp chí
60.	Lê Trọng Đông (2019), <i>Dạy và học môn bóng rổ của sinh viên hệ không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục&Xã hội Kỳ 2- Tháng 4	Tạp chí
61.	Nguyễn Thị Huyền (2017), <i>Kiểm soát quyền hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức, số tháng 4, tr.84 - 92.	Tạp chí
62.	Nguyễn Thị Huyền (2020), <i>Bảo đảm mối quan hệ giữa quyền hành pháp và quyền tư pháp trong thực hiện quyền lực nhà nước</i> , Tạp chí Quản lý nhà nước, số 288, tháng 1, tr.77 - 81.	Tạp chí
63.	Nguyễn Thị Huyền (2020), <i>Hoạt động kiểm soát giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong thực hiện quyền lực nhà nước</i> , Tạp chí Quản lý nhà nước, số 289, tháng 2, tr.39 - 43.	Tạp chí
64.	Nguyễn Thị Huyền (2021), <i>Các yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong thực hiện QLNN ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân số 9, tr.17 - 20.	Tạp chí
65.	Phan Thị Thanh Huyền (2017), <i>Tình hình thực thi pháp luật về tập trung kinh tế ở Việt Nam hiện nay và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi</i> , Tạp chí khoa học Trường ĐH Hồng Đức, Số Đặc biệt tháng 6	Tạp chí
66.	Phan Thị Thanh Huyền (2019), <i>Một số giải pháp nâng cao chất lượng kỳ họp của Hội đồng cấp tỉnh hiện nay</i> , Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 281 tháng 6, trang 45 -49	Tạp chí
67.	Phan Thị Thanh Huyền (2021), <i>Một số khía cạnh pháp lý về miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm hợp đồng thương mại</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội, Số Đặc biệt tháng 4, trang 249 - 253	Tạp chí

68.	Trịnh Diệp Ly (2018), <i>Một số vấn đề pháp lý về chuyển nhượng dự án nhà ở thương mại</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 37 tháng 2, tr.108-118.	Tạp chí
69.	Trịnh Diệp Ly (2019), <i>Nâng cao nhận thức pháp luật của sinh viên trường Đại học Hồng Đức về hoạt động khuyến mại theo pháp luật Việt Nam</i> , Tạp chí giáo dục, số đặc biệt, tháng 7, tr.298-302.	Tạp chí
70.	Trịnh Diệp Ly , (2020), <i>Một số vướng mắc trong quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức, số 48, tháng 2, tr.106-113.	Tạp chí
71.	Trịnh Diệp Ly (2021), <i>Những điểm mới về hợp đồng lao động trong bộ luật lao động năm 2019</i> , Tạp chí quản lý nhà nước, số 303, tháng 4, tr.115-119.	Tạp chí
72.	Trịnh Diệp Ly (2022), <i>Thực hiện chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật Việt Nam</i> , Tạp chí thiết bị giáo dục, số đặc biệt, tháng 5, tr.85-87.	Tạp chí
73.	Nguyễn Thị Hải Lý (2018), <i>Vai trò của lao động kỹ thuật trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH ở nước ta hiện nay</i> , Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức	Tạp chí
74.	Nguyễn Thị Hải Lý (2018), <i>Giá trị nhân văn ở Việt Nam trong giai đoạn toàn hoá hiện nay</i> , Tạp chí Giáo dục	Tạp chí
75.	Đặng Thanh Mai (2018), <i>Những khó khăn vướng mắc trong thi hành Luật Hợp tác xã 2012 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 37 (2-2018), tr. 126 - 132	Tạp chí
76.	Đặng Thanh Mai (2019), <i>Nâng cao nhận thức của sinh viên trường Đại học Hồng Đức về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên</i> , Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 7/2019, tr. 286 - 289	Tạp chí
77.	Đặng Thanh Mai (2020), <i>Công tác thi hành pháp luật về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 48 (2-2020), tr. 114 - 120	Tạp chí
78.	Đặng Thanh Mai (2021), <i>Một số vướng mắc về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản và kiến nghị hoàn thiện pháp luật</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt, tháng 4/2021 (kỳ 2), tr. 302 – 306	Tạp chí
79.	Đặng Thanh Mai (2022), <i>Một số bất cập trong quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Thanh Hóa</i> , Tạp chí Thiết bị giáo dục, số đặc biệt, tháng 5/2022, tr. 361 - 363	Tạp chí
80.	Lê Văn Minh (2016), <i>Pháp luật đại cương</i> , Nxb. Lao động.	Sách
81.	Lê Văn Minh (2017), <i>Đổi mới hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã</i> , Tạp chí Quản lý nhà nước, số 254	Tạp chí
82.	Lê Văn Minh (2017), <i>Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân xã</i> , Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số tháng 2	Tạp chí
83.	Lê Văn Minh (2017), <i>Tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Việt Nam và Hội đồng địa phương ở Nhật bản, những điểm tương đồng và khác biệt</i> , Tạp chí Kiểm sát số tháng 5	Tạp chí
84.	Nguyễn Duy Nam (2019), <i>Quy định pháp luật hiện hành về Đại biểu Hội đồng nhân dân – Thực tiễn thực hiện và vấn đề</i>	Tạp chí

	đặt ra, Tạp chí Công thương, số tháng 4	
85.	Nguyễn Duy Nam (2020), <i>Nâng cao ý thức pháp luật cho học viên trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí Công thương, số tháng 5	Tạp chí
86.	Nguyễn Duy Nam (2021), <i>Mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> , Tạp chí Giáo dục, số tháng 4	Tạp chí
87.	Nguyễn Thị Nguyệt (2020), <i>Hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự đối với phạm nhân là người chuyển giới, đồng tính</i> Tạp chí Quản lý nhà nước, số 293 (6/2020), tr.54-57	Tạp chí
88.	Nguyễn Thị Nguyệt (2021), <i>Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ mới</i> . Tạp chí Quản lý nhà nước, số 305 (6/2021), tr.28-33	Tạp chí
89.	Nguyễn Thị Nguyệt (2022). <i>Nghiên cứu về đảm bảo quyền con người trong thi hành hình phạt tù hình ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Thiết bị giáo dục, số đặc biệt 02(5/2022), tr.363-365	Tạp chí
90.	Cao Xuân Hải (2019) (viết chung), <i>Nhận thức về một số năng lực cần có của cán bộ tham vấn tâm lý học đường tại một số trường THPT tại TP Hồ Chí Minh</i> , Tạp chí Giáo dục số đặc biệt kỳ 3, tháng 5	Tạp chí
91.	Cao Xuân Hải (2020) (viết chung), <i>Biểu hiện xúc cảm của CMHS về sự hợp tác với GVCN qua hoạt động Giáo dục</i> , Tạp Chí Quản lý Giáo dục, Số 01.	Tạp chí
92.	Cao Xuân Hải (2020) <i>Thực trạng KN TVHN cho HS của GVCN trường THPT trên địa bàn TP. Thanh Hóa hiện nay</i> , Tạp Chí Quản lý Giáo dục, Số 11	Tạp chí
93.	Cao Xuân Hải (2021) (viết chung), <i>Về ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch tâm linh trên địa bàn huyện Thường Xuân</i> , tỉnh Thanh Hóa, Tạp chí Giáo dục & Xã hội, Số 5	Tạp chí
94.	Cao Xuân Hải (2020) (viết chung), <i>Counsillinh needs of vocational guidance of high school students of Thanh Hoa province</i> , Hội thảo Quốc tế, Trường Đại học sư phạm Hà Nội	Hội thảo Khoa học Quốc tế
95.	Cao Xuân Hải (2022), <i>Sử dụng phương pháp tình huống trong dạy học nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên (Nghiên cứu ở Trường Đại học Hồng Đức với học phần Pháp luật đại cương)</i> , Trường Đại học Luật Hà Nội	Hội thảo Khoa học Quốc gia
96.	Cao Xuân Hải (2022) (viết chung), <i>Phát triển phẩm chất trách nhiệm của học sinh phổ thông</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Sách
97.	Cao Xuân Hải (2020) (viết chung), <i>A Pilot Result on Applying the Vocational School-based Program for Vietnamese High School Students based on a New Individual Guidance Approach</i> , European Journal of Educational Research 10.12973/eu-jer.9.3.1337Pages: 1337-1346, Scopus Q3.	Tạp chí
98.	Cao Xuân Hải (2022) (viết chung), <i>Factors influencing well-being of special education teachers in Ho Chi Minh</i>	Tạp chí

	<i>City, Vietnam. Journal for Educators, Teachers and Trainers</i>	
99.	Lưu Văn Hậu (2018), <i>Thực nghiệm sử dụng kỹ năng ngôn ngữ kép để dạy viết luận cho sinh viên tiếng Anh Trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo Dục và Xã Hội	Tạp chí
100.	Lưu Văn Hậu (2019), <i>Thực nghiệm các tiêu chí tự đánh giá để phát triển kỹ năng viết đoạn văn cho sinh viên tiếng Anh năm thứ nhất, khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp Chí Dạy và Học Ngày nay.	Tạp chí
101.	Lưu Văn Hậu (2020), <i>Nghiên cứu thực nghiệm sử dụng phần mềm ZOOM để dạy kỹ năng nói cho sinh viên tiếng Anh năm thứ hai, Trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp Chí Dạy và Học Ngày nay.	Tạp chí
102.	Lưu Văn Hậu (2021), <i>Thực nghiệm dạy học kỹ năng viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên thông qua tính tự chủ trong học tập, tại Trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội	Tạp chí
103.	Lưu Văn Hậu (2022), <i>Kiểm tra đánh giá kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Hồng Đức: một nghiên cứu thực nghiệm</i> , Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội	Tạp chí
104.	La Thị Quê (2017), <i>Giải pháp nâng cao văn hóa pháp luật ở VN hiện nay</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
105.	La Thị Quê (2017), <i>Hoạt động giám sát quyền tư pháp của Quốc hội ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Quản lí nhà nước, Số 269, tháng 6, tr.51-56.	Tạp chí
106.	La Thị Quê (2018), <i>Một số ý kiến về đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội thẩm nhân dân</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 17 tháng 9, tr.37-48	Tạp chí
107.	La Thị Quê (2018), <i>Giải pháp nâng cao tính độc lập xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Công thương Số 12, tháng 9, tr.19-23	Tạp chí
108.	La Thị Quê (2019), <i>Nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng án lệ trong điều kiện cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam</i> , Tạp chí Quản lí nhà nước, Số 278, tháng 3, tr.5.2-56.	Tạp chí
109.	Mai Thị Quý (2017), <i>Sự dung độ giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và bài học cho Việt Nam trong quá trình hội nhập</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức, số đặc biệt tháng 6	Tạp chí
110.	Mai Thị Quý (2017), <i>Lý luận nhận thức DVBC trong tác phẩm “chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán: của V.I. Lênin</i> , Tạp chí Triết học, số 2	Tạp chí
111.	Mai Thị Quý (2017), <i>Kế thừa và phát huy giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc trong bối cảnh hiện nay</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức, số tháng 3	Tạp chí
112.	Mai Thị Quý (2018), <i>Thực trạng định hướng giá trị và giáo dục giá trị cho nữ sinh viên các trường ĐH, CĐ ở Thanh Hóa hiện nay</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức Số 37	Tạp chí
113.	Mai Thị Quý (2019), <i>Một số tiêu chí xây dựng hệ giá trị cho nữ sinh viên các trường ĐH, CĐ ở Thanh Hóa</i> , Tạp chí KH	Tạp chí

	Đại học Hồng Đức Số 47, tháng 12	
114.	Mai Thị Quý (2019), <i>Hệ giá trị cần giáo dục cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa hiện nay</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức Số 47, tháng 12	Tạp chí
115.	Mai Thị Quý (2020), <i>Một số biện pháp giáo dục giá trị cho nữ sinh viên các trường ĐH, CĐ ở Thanh Hóa hiện nay</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức Số 48 tháng 2	Tạp chí
116.	Mai Thị Quý (2021), <i>Thực trạng giáo dục giá trị cho nữ sinh viên một số trường ĐH, CĐ ở Thanh Hóa hiện nay</i> , Tạp chí KH Đại học Hồng Đức Số 53, tháng 02	Tạp chí
117.	Nguyễn Thị Quyên (2018), <i>Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Bóng chuyền theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp Chí Giáo dục và xã hội số 82	Tạp chí
118.	Nguyễn Thị Quyên (2018), <i>Cơ sở xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội	Tạp chí
119.	Nguyễn Thị Quyên (2018), <i>Lựa chọn bài tập nâng cao trình độ khai cuộc trong cờ vua cho sinh viên khoa GDTC trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội, Số đặc biệt tháng 12.	Tạp chí
120.	Nguyễn Thị Quyên (2018), <i>Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập các học phần thực hành theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường ĐH Hồng Đức</i> , Tạp chí khoa học đào tạo và huấn luyện thể thao, Số đặc biệt	Tạp chí
121.	Nguyễn Thị Quyên (viết chung) (2018), <i>Thực trạng nội dung và tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập các học phần chuyên ngành GDTC của SV trường ĐH Hồng Đức</i> , Kỷ yếu hội nghị khoa học về công tác GDTC và TDTT các trường ĐH, CĐ năm 2018	Hội thảo khoa học
122.	Nguyễn Thị Quyên (2019), <i>Hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt kỳ I tháng 3.	Tạp chí
123.	Nguyễn Thị Quyên (2019), <i>Lựa chọn biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Hồng Đức</i> , Hội thảo khoa học quốc tế ĐH TDTT Bắc Ninh	Hội thảo khoa học Quốc tế
124.	Nguyễn Thị Tâm (2018) <i>Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục lối sống mới bằng phương pháp gương cho thanh niên, sinh viên hiện nay</i> , Tạp chí Lịch sử Đảng, số tháng 2	Tạp chí
125.	Nguyễn Thị Tâm (2018) <i>Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN tại Văn kiện Đại hội XII vào giảng dạy nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức, số tháng 5.	Tạp chí
126.	Nguyễn Thị Tâm (2019), <i>Phát huy vai trò của tự học trong giáo dục tư tưởng nhân văn cho sinh viên hiện nay</i> , Tạp chí	Tạp chí

	dạy và học ngày nay số tháng 5.	
127.	Nguyễn Thị Tâm (2020), <i>Giáo dục tư tưởng nhân văn HCM cho sinh viên ĐHHĐ thông qua môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức, số tháng 9	Tạp chí
128.	Nguyễn Thị Tâm (2022), <i>Giáo dục lối sống theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên hiện nay (nghiên cứu trường hợp các trường đại học ở Thanh Hóa)</i> , Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn TPHCM, số tháng 6.	Tạp chí
129.	Nguyễn Thị Tâm (20122), <i>Giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho sinh viên hiện nay (qua thực tiễn các trường đại học ở tỉnh Thanh Hóa)</i> , Tạp chí Lý luận Chính trị, số tháng 11	Tạp chí
130.	Nguyễn Thị Tâm (2022) <i>Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục lối sống cho sinh viên Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, số tháng 11	Tạp chí
131.	Trần Minh Trang (2017), <i>Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực thực phẩm ở VN</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 33	Tạp chí
132.	Trần Minh Trang (2017), <i>Thúc đẩy hiệu quả việc thực hiện phân quyền cho chính quyền địa phương</i> , Tạp chí Quản lý nhà nước, số 260	Tạp chí
133.	Trần Minh Trang (2020), <i>Một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động kiểm đếm bắt buộc khi nhà nước thu hồi đất</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
134.	Trần Minh Trang (2022), <i>Giải pháp bảo vệ trẻ em bị xâm hại tình dục</i> , Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 319	Tạp chí
135.	Trần Minh Trang (2022), <i>Nghiên cứu giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu</i> , Tạp chí Thiết bị giáo dục, số tháng 5	Tạp chí
136.	Trần Minh Trang (2023), <i>“Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”</i> , Tạp chí Công thương số 4	Tạp chí
137.	Lê Thị Thắm (2017), <i>Định hướng giá trị của sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
138.	Lê Thị Thắm (2019), <i>Phong cách làm việc dân chủ của Hồ Chí Minh và công tác giáo dục phong cách làm việc dân chủ của Hồ Chí Minh ở trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục	Tạp chí
139.	Lê Thị Thắm (2019), <i>Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở Tiểu học theo hướng phát triển năng lực người học</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
140.	Lê Thị Thắm (2019), <i>Giáo dục sinh viên ngăn chặn âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục	Tạp chí
141.	Lê Thị Thắm (2020), <i>Học tập và vận dụng phong cách làm việc khoa học của chủ tịch Hồ Chí Minh ở trường Đại học</i>	Tạp chí

	Hồng Đức, Tạp chí Giáo Dục	
142.	Lê Thị Thắm (2020), <i>Quan điểm của Đảng về tôn giáo khi giảng dạy lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Tạp chí
143.	Lê Thị Thắm (2021), <i>Công tác giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho sinh tại trường Đại học Hồng Đức</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
144.	Đới Thị Thêu (2018), “ <i>Nhận thức quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh nền kinh tế tri thức hiện nay</i> ”, Tạp chí	Tạp chí
145.	Đới Thị Thêu (2019), “ <i>Thực trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở huyện Ngọc Lặc hiện nay – Một số đề xuất, kiến nghị</i> ”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
146.	Đới Thị Thêu (2020), <i>Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về chân lý và ý nghĩa hiện thời của nó</i> , Nxb. Khoa học xã hội.	Sách
147.	Tăng Nữ Tiểu Trang (2022), <i>Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số đặc biệt tháng 5	Tạp chí
148.	Lê Minh Thúy (2019), <i>Nâng cao nhận thức của sinh viên trường đại học Hồng Đức về tên thương mại của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam</i> , Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 7/2019, trang 294-297.	Tạp chí
149.	Lê Minh Thúy (2020) (tạp chí), <i>Vai trò của thẩm phán trong xây dựng và áp dụng án lệ hiện nay</i> , Tạp chí quản lý nhà nước, tháng 8, số 295, trang 61-65	Tạp chí
150.	Lê Minh Thúy (2021) (viết chung), <i>Án lệ, áp dụng án lệ trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam</i> , Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 03+04 (427+428) tháng 2/2021, trang 96-103.	Tạp chí
151.	Lê Minh Thúy (2022), <i>Nghiên cứu về vấn đề bảo hộ tên thương mại ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số đặc biệt tháng 5, trang 322-324.	Tạp chí
152.	Nguyễn Văn Thụ (2017), <i>Một số quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
153.	Nguyễn Văn Thụ (2020), <i>Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI) đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 đến nay</i> , Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức.	Tạp chí
154.	Đào Thanh Thủy (2017), <i>Vùng đất Đông Sơn trong lịch sử - văn hóa xứ Thanh</i> , Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á	Tạp chí
155.	Đào Thanh Thủy (2019), <i>Nghề đá truyền thống làng Nhôi (Thanh Hóa) trước tác động của quá trình đô thị hóa</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức.	Tạp chí
156.	Đào Thanh Thủy (2020), <i>Factors affecting the Socio-Economic Change of Vietnamese Communes from 1986 to the</i>	Tạp chí

	<i>Present: A Household-Level Study</i> , Revista Argentina de Clinica Psicologica (WoS).	
157.	Đào Thanh Thủy (2021), <i>Change of lineages relations in villages in the Doi Moi era; Evidence in Vietnam</i> , Elementary Education	Tạp chí
158.	Đào Thanh Thủy (2022), <i>Transforming Ling Models of the People in the Urban Process</i> , Literature and Social Sciences.	Tạp chí
159.	Đặng Thùy Vân (2018), <i>Quan niệm về thủ lĩnh chính trị trong tư tưởng chính trị thời kỳ cổ đại</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
160.	Đặng Thùy Vân (2019), <i>Quan điểm của Đảng về xây dựng hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
161.	Đặng Thùy Vân (2020), <i>Một số yếu tố tác động đến giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên hiện nay</i> , Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức	Tạp chí
162.	Đặng Thùy Vân (2020), <i>“Tự diễn biến” – Nhìn từ một số cuộc cách mạng màu trên thế giới</i> , Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông	Tạp chí
163.	Nguyễn Thị Ánh Vân , <i>“Toward a Well Functioning Securities Market in Vietnam”</i> , Nagoya University CALE Books 1, Japan 2004	
164.	Nguyễn Thị Ánh Vân , <i>Doing Bussiness in the ASEAN</i> (co-author), Quezon City, Manila 2000 (Selected Lecutures of the ASEAN business Law Program, University of Philipines Law School)	
165.	Nguyễn Thị Ánh Vân (từ 1999 đến 2004), <i>“Luật Tài chính Việt Nam”</i> , NXB Công an Nhân dân	
166.	Nguyễn Thị Ánh Vân (từ 2003 đến nay), <i>“Luật Ngân hàng Việt Nam”</i> , NXB Công an Nhân dân	
167.	Nguyễn Thị Ánh Vân (từ 2005 đến nay), <i>“Luật Thuế Việt Nam”</i> , NXB Công an Nhân dân	
168.	Nguyễn Thị Ánh Vân (2008 đến nay), <i>“Luật chứng khoán”</i> , NXB Công an Nhân dân	
169.	Nguyễn Thị Ánh Vân (từ 2005 đến nay), <i>“Luật Ngân sách Nhà nước Việt Nam”</i> , NXB Công an Nhân dân	
170.	Nguyễn Thị Ánh Vân (2008), <i>“Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”</i> , NXB Tư pháp (2008)	
171.	Nguyễn Thị Ánh Vân , <i>“Protection of Minority Shareholders under the Merger Law in Vietnam”</i> , CALE Discussion Paper No.20, January 2021	
172.	Nguyễn Thị Ánh Vân , <i>“Economic Law Reform in Vietnam before and after WTO accession”</i> , CALE Discussion Paper No.1, June 2009	

173.	Nguyễn Thị Anh Vân & Michiyo Hamada , “Securities Regulation in Vietnam and Development Strategy of Vietnam Securities Market”, <i>Journal of the Japanese Institute of International Business Law (Kokusai Shoji Homu)</i> , August 2004, Vol 32, No.8	
174.	Nguyễn Thị Anh Vân , “An Overview of Vietnam Enterprise Law”, <i>Nagoya University Journal of Law and Politics</i> , December 2001	
175.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Bài học kinh nghiệm từ giải thích pháp luật thành văn của một số nước Civil Law và Common Law”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 05/2016	
176.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Bàn về một số thuật ngữ và định nghĩa trong chế định tài chính doanh nghiệp”. <i>Tạp chí Pháp luật và Phát triển</i> , Số 5-6/2016	
177.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Hoàn thiện một số quy định về vốn của doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp năm 2014”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 11/2016	
178.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Nguồn Luật hợp đồng của Anh và Pháp dưới góc độ so sánh”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 2/2017	
179.	Nguyễn Thị Anh Vân , , “Các môn LSSCN trong chương trình đào tạo luật của Mỹ và Kinh nghiệm cho trường ĐHL HN”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 6/2017	
180.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Hệ tiêu chí đánh giá bản thảo bài tạp chí luật: Bài học kinh nghiệm từ nước ngoài”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 12/2017	
181.	Nguyễn Thị Anh Vân & Cao Xuân Phong , “Mô hình tổ chức Bộ tư pháp của một số quốc gia trên thế giới”, <i>Thông tin Khoa học Pháp lý</i> , Số 8/2017	
182.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Những thách thức của viết học thuật đối với các nhà khoa học Việt Nam trong công bố quốc tế”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 04/2018	
183.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Vị trí của môn luật so sánh trong chương trình đào tạo cử nhân luật tại trường Đại học luật Hà Nội”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 06/2018	
184.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Những thách thức của tiên kỹ thuật số đối với các cơ quan công quyền: nhìn từ vụ việc cụ thể”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 04/2019	
185.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Viết học thuật: Những thách thức đối với các nhà khoa học luật Việt Nam trong công bố quốc tế”, <i>Hội thảo – Tập huấn (cấp trường): Công bố quốc tế: Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam</i> , tháng 05/2018	
186.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Những thách thức của tiên kỹ thuật số đối với các cơ quan công quyền: nhìn từ vụ việc cụ thể”, <i>Tạp chí Luật học</i> , Số 04/2019	

187.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Viết học thuật: Những thách thức đối với các nhà khoa học luật Việt Nam trong công bố quốc tế”, <i>Hội thảo – Tập huấn (cấp trường): Công bố quốc tế: Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam</i> , tháng 05/2018	
188.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Thực trạng công bố quốc tế của Việt Nam và những con đường dẫn tới công bố quốc tế”, <i>Hội thảo – Tập huấn (cấp trường): Công bố quốc tế: Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam</i> , tháng 05/2018	
189.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Kinh nghiệm nước ngoài trong việc xây dựng hệ tiêu chí đánh giá bản thảo gửi tới các tạp chí khoa học luật”, <i>Hội thảo cấp trường về “Trao đổi kinh nghiệm tổ chức, hoạt động của tạp chí khoa học” tổ chức tại Đại học Luật Hà Nội</i> , tháng 09/2017	
190.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Kinh nghiệm giảng dạy LSS chuyên ngành ở Mỹ”, <i>Hội thảo về “Kinh nghiệm giảng dạy LSSCN ở một số nước trên thế giới” tại Viện LSS</i> , tháng 10/2016	1
191.	Nguyễn Thị Anh Vân , “Giải thích pháp luật thành văn ở một số nước trên thế giới”, <i>Hội thảo về “Giải thích hiến pháp, luật, pháp lệnh” tại Viện nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc hội</i> , tháng 4/2016	2
192.	Trần Thị Thanh Huyền , “Tiêu chí xác định nhãn hiệu nổi tiếng”, <i>Tạp chí dân chủ và pháp luật</i> , năm 2014	3
193.	Trần Thị Thanh Huyền , “Chính sách đào tạo nghề cho lao động nữ ở miền Bắc Việt Nam”, <i>Tạp chí Giáo dục và xã hội</i> , năm 2015	4
194.	Trần Thị Thanh Huyền , “Pháp luật cạnh tranh về bán hàng đa cấp bất chính tại Việt Nam”, <i>Tạp chí khoa học Học viện phụ nữ Việt Nam</i> , năm 2018	5
195.	Trần Thị Thanh Huyền , “Một số vấn đề lý luận về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong thương mại điện tử”, <i>Tạp chí dân chủ pháp luật</i> , năm 2019	6
196.	Trần Thị Thanh Huyền , “Pháp luật về đầu tư kinh doanh tại Việt Nam”, <i>Tạp chí dân chủ và pháp luật</i> , năm 2019	7

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TP. QUẢN LÝ KHCN & HTQT


Trần Thị Thanh Huyền



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m2)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1.379	Tất cả các học phần	Năm học	
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	7	3.500	Tất cả các học phần	Năm học	
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	156	15.600	Tất cả các học phần	Năm học	
1.4	Số phòng học đa phương tiện			Tất cả các học phần	Năm học	
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, PGS, GV toàn thời gian	149	745	Tất cả các học phần	Năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	5.256	Tất cả các học phần	Năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, Thực hành, thực tập luyện tập	46	4.600	Các học phần có nhu cầu sử dụng	Năm học	
4	Phòng thực hành pháp luật	1	100	Các học phần tổ chức diễn án, thực hành rèn nghề	Năm học	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Dung

P28

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. *Bùi Văn Dũng*

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & ĐT	Chính trị quốc gia, 2021, VN	50	Triết học Mác Lênin	196055	HK1, Năm thứ 1	
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & ĐT	Chính trị quốc gia, 2013, VN	20	Triết học Mác Lênin	196055	HK1, Năm thứ 1	
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & ĐT	Chính trị quốc gia, 2021, VN	50	Triết học Mác Lênin	196055	HK1, Năm thứ 1	
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & ĐT	Chính trị quốc gia, 2021, VN	50	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	196060	HK2, Năm thứ 1	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)	Bộ Giáo dục & ĐT	Chính trị quốc gia, 2021, VN	50	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	196060	HK2, Năm thứ 1	

6	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII,	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.	83	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	196060	HK2. Năm thứ 1	
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia Sự Thật, 2021, VN	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	196065	HK1 năm thứ 2	
8	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia, 2021, VN	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	196065	HK1 năm thứ 2	
9	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, VN	50	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	198030	HK2 năm thứ 2	
10	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1,2,3	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia, 2007, VN	7	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	198030	HK 2 năm thứ 2	
11	Văn kiện Đảng toàn tập, từ tập 01 đến tập 69	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	0	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	198030	HK 2 năm thứ 2	
12	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh.(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia, 2021, VN	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	197035	HK 2 năm thứ 2	

13	Hồ Chí Minh toàn tập (từ Tập 1 đến Tập 15)	Bộ Giáo dục & ĐT.	Chính trị Quốc gia, 2011, VN	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	197035	HK 2 năm thứ 2	
14	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh.	Hội đồng Lý luận Trung ương	Chính trị Quốc gia, 2003, VN	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	197035	HK2 năm thứ 2	
15	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ.	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	Phụ nữ, 2017	50	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	154888	HK2 năm thứ 3	
16	Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn.	Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan	(Tài liệu lưu hành nội bộ), 2022, VN	0	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	154888	HK 2 năm thứ 3	
17	Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)	Eric Ries (Đương Hiếu & Kim Phụng dịch)	Thời đại, 2018, VN	0	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	154888	HK 2 năm thứ 3	
18	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học kinh tế quốc dân, 2018, VN	Tài liệu số	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	154888	HK 2 năm thứ 3	
19	Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục, 2019, VN	5	Phương pháp nghiên cứu luật học	199006	HK1 năm thứ 3	
20	Phương pháp nghiên cứu Luật học	Phạm Duy Nghĩa	CAND, 2014, VN	Tài liệu số	Phương pháp nghiên cứu luật học	199006	HK 1 năm thứ 3	
21	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Việt Vượng	ĐHQGHN, 2001, VN	5	Phương pháp nghiên cứu luật học	199006	HK 1 năm thứ 3	

22	Giáo trình Kinh tế vi mô I	Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung	Tài Chính, 2017, VN	Tài liệu số	Kinh tế vi mô	151050	HK2 năm 1	
23	Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô	Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn	ĐHKTQD, 2020, VN	20	Kinh tế vi mô	151050	HK2, năm thứ 1	
24	Giáo trình Lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Nguyễn Đăng Dung – Phạm Hồng Thái – Chu Hồng Thanh – Vũ Công Giao (đồng chủ biên)	ĐHQGHN, 2013, VN	Tài liệu số	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	199006	HK1 năm thứ 4	
25	Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018			10	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	199006	HK1 năm thứ 4	
26	Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng năm 2018	Đinh Văn Minh	Lao động, 2019, VN	Tài liệu số	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	199006	HK1 năm thứ 4	
27	Cơ sở văn hoá VN	Trần Ngọc Thêm	GD, 2000, VN	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	121005	HK1, năm thứ 1	
28	Cơ sở văn hoá VN	Trần Quốc Vượng	GD, 2000, VN	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	121005	HK 1, năm thứ 1	
29	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Văn học, 2021, VN	Tài liệu số	Cơ sở văn hóa Việt Nam	121005	HK 1, năm thứ 1	

30	Giáo trình Môi trường và con người.	Lê Văn Khoa (chủ biên)	GDHN, 2011	Tài liệu số	Môi trường và con người	125105	HK 1 năm thứ 2	
31	Giáo trình Môi trường và con người.	Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan	GD, 2011	2	Môi trường và con người	125105	HK 1 năm thứ 2	
32	Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).	Quốc hội	2020	Tài liệu số	Môi trường và con người	125105	HK 1 năm thứ 2	
33	Giáo trình Tâm lý học kinh doanh	Nguyễn Bá Dương – Đức Uy	Thống kê, 2007, VN	Tài liệu số	Tâm lý học quản lý kinh doanh	181002	HK 1 năm thứ 2	
34	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Nguyễn Hữu Thụ	ĐHQGHN, 2009, VN	1	Tâm lý học quản lý kinh doanh	181002	HK 1 năm thứ 2	
35	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thống kê, 2000, VN	5	Tâm lý học quản lý kinh doanh	181002	HK 1 năm thứ 2	
36	Tin học căn bản.	Lê Thị Hồng	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	20	Công nghệ số	172555	HK 1, năm thứ 1	
37	Microsoft Office 2007	Minh Quý	Hồng Đức, 2013, VN	0	Công nghệ số	172555	HK 1, năm thứ 1	

38	English File–Elementary 3 rd edition.	Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press, 2012	10	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
39	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A.	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hoá, 2018	100	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
40	English Grammar in use 130 bài ngữ pháp tiếng anh	Raymond Murphy	Thời đại, 2013	10	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
41	Cambridge Preliminary English Test 2	Cambridge ESOL	Cambridge University Press, 2011	5	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
42	English File–Preintermediate 3 rd edition. University Press.(Ký hiệu HLBB1)	Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson	Oxford, 2013	5	Tiếng Anh 2	133032	HK2, năm thứ 1	
43	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hoá, 2018	100	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
44	English Grammar in use	Raymond Murphy	Thời đại, 2013	10	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
45	Cambridge Preliminary English Test 3	Cambridge ESOL	Cambridge University, 2011	5	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
46	Cambridge Preliminary	Cambridge ESOL	Cambridge	1	Tiếng Anh 2	133032	HK 2,	

38	English File–Elementary 3 rd edition.	Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press, 2012	10	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
39	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A.	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hoá, 2018	100	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
40	English Grammar in use 130 bài ngữ pháp tiếng anh	Raymond Murphy	Thời đại, 2013	10	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
41	Cambridge Preliminary English Test 2	Cambridge ESOL	Cambridge University Press, 2011	5	Tiếng Anh 1	133031	HK 1, năm thứ 1	
42	English File–Preintermediate 3 rd edition. University Press.(Ký hiệu HLBB1)	Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson	Oxford, 2013	5	Tiếng Anh 2	133032	HK2, năm thứ 1	
43	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hoá, 2018	100	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
44	English Grammar in use	Raymond Murphy	Thời đại, 2013	10	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
45	Cambridge Preliminary English Test 3	Cambridge ESOL	Cambridge University, 2011	5	Tiếng Anh 2	133032	HK 2, năm thứ 1	
46	Cambridge Preliminary	Cambridge ESOL	Cambridge	1	Tiếng Anh 2	133032	HK 2,	

	English Test 4		University Press				năm thứ 1	
47	English File–Pre-intermediate 3 rd edition.	Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press.	5	Tiếng Anh 3	133033	HK 1 năm thứ 2	
48	Target PET.	Sue Ireland, Joanna Kosta	Richmond Publishing	10	Tiếng Anh 3	133033	HK 1 năm thứ 2	
49	Cambridge Preliminary English Test 5.	Cambridge ESOL	Cambridge University Press, 2011	10	Tiếng Anh 3	133033	HK 1 năm thứ 2	
50	Cambridge Preliminary English Test 6	Cambridge ESOL	Cambridge University Press, 2015	10	Tiếng Anh 3	133033	HK 1 năm thứ 2	
51	Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật	GS.TS Nguyễn Minh Đoan, TS Nguyễn Văn Năm	Tư pháp, 2017, VN	10	Lý luận nhà nước và pháp luật	199027	HK 1, năm thứ 1	
52	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	GS.TS Lê Minh Tâm, PGS.TS Nguyễn Minh Đoan (chủ biên)	CAND, 2015, VN	10	Lý luận nhà nước và pháp luật	199027	HK 1, năm thứ 1	
53	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Hoàng Thị Kim Quê (chủ biên)	ĐHQGHN, 2007, VN	Tài liệu số	Lý luận nhà nước và pháp luật	199027	HK 1, năm thứ 1	
54	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	GS.TS Thái Vĩnh Thắng, PGS.TS Vũ	CAND, 2015, VN	20	Luật Hiến pháp	199117	HK 1, năm thứ	

		Hồng Anh(đồng chủ biên)					1	
55	Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013	GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn, TS. Đặng Minh Tuấn (đồng chủ biên)	CTQG, 2016, VN	10	Luật Hiến pháp	199117	HK 1, năm thứ 1	
56	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946		Lao động, 2017, VN	Tài liệu số	Luật Hiến pháp	199117	HK 1, năm thứ 1	
57	Giáo trình Luật hành chính	TS. Trần Minh Hương (chủ biên)	CAND, 2015, VN	3	Luật Hành chính	197063	HK 2, năm thứ 1	
58	Luật tổ cáo hiện hành		CTQGST, 2019, VN	10	Luật Hành chính	197063	HK 2, năm thứ 1	
59	Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành (sửa đổi, bổ sung 2014, 2017)		CTQGST, 2019, VN	15	Luật Hành chính	197063	HK 2, năm thứ 1	
60	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung	Nguyễn Ngọc Hòa	CAND, 2022, VN	0	Luật Hình sự 1	197016	HK 2, năm thứ 1	
61	Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)			15	Luật Hình sự 1	197016	HK2, năm thứ 1	
					Luật Hình sự 2	197017	HK1 năm thứ 2	
62	Bình luận khoa học BLHS	Lê Đăng Doanh,	Hồng Đức,	0	Luật Hình sự 1	197016	HK2,	

63	năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)	Cao Thị Oanh	2018, VN				năm thứ 1	
					Luật Hình sự 2	197017	HK1 năm thứ 2	
64	Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm Q1, Q2	Nguyễn Ngọc Hòa	CAND, 2022, VN	10	Luật Hình sự 2	197017	HK1, năm thứ 2	
65	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập 1	PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên)	CAND, 2020, VN	0	Luật Dân sự 1	197019	HK2, năm thứ 1	
66	Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015	Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (đồng chủ biên)	CAND, 2017, VN	4	Luật Dân sự 1	197019	HK2, năm thứ 1	
					Luật Dân sự 2	197021	HK1, năm thứ 2	
67	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập 2	PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên)	CAND, 2020, VN	0	Luật Dân sự 2	197021	HK1, năm thứ 2	
					Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	197070	HK2 năm thứ 3	
					Pháp luật về giao dịch bảo đảm	197067	HK1 năm thứ 4	
68	Giáo trình Luật thương mại,	TS. Nguyễn Việt Tỷ	CAND, 2022,	0	Luật Thương	197024	HK 1,	

	Tập 1		VN		mại 1		năm thứ 2	
69	Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân	PGS.TS Ngô Huy Cương	ĐHQGHN, 2013, VN	Tài liệu số	Luật Thương mại 1	197024	HK 1, năm thứ 2	
70	Giáo trình Luật thương mại, Tập 2	TS. Nguyễn Việt Tý	CAND, 2022, VN	0	Luật thương mại 2	197025	HK2, năm thứ 2	
71	Giáo trình Luật hợp đồng phần chung	PGS.TS Ngô Huy Cương	ĐHQGHN, 2013, VN	Tài liệu số	Luật thương mại 2	197025	HK 2, năm thứ 2	
72	Giáo trình Luật môi trường	GS.TS. Lê Hồng Hạnh, PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên)	CAND, 2021, VN	0	Luật Môi trường	197045	HK 2, năm thứ 2	
73	Pháp luật môi trường phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam	PGS.TS Hoàng Thế Liên	CAND, 2021, VN	7	Luật Môi trường	197045	HK 2, năm thứ 2	
74	Luật Bảo vệ môi trường 2020			Tài liệu số	Luật Môi trường	197045	HK 2, năm thứ 2	
75	Giáo trình luật quốc tế	TS. Lê Mai Anh (chủ biên)	CAND, 2018, VN	Tài liệu số	Công pháp quốc tế	199009	HK 2, năm thứ 2	
76	Luật cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài năm 2009 sửa đổi bổ sung năm 2017		CTQGST, 2017, VN	10	Công pháp quốc tế	199009	HK 2, năm thứ 2	
77	Luật biển Việt Nam		CTQGST, 2015, VN	10	Công pháp quốc tế	199009	HK 2, năm thứ 2	
78	Giáo trình tư pháp quốc tế	TS. Trần Minh Ngọc (chủ biên)	Tư pháp, 2022, VN	0	Tư pháp quốc tế	199026	HK2 năm thứ 3	

79	Hướng dẫn học và ôn tập môn tư pháp quốc tế	TS. Nguyễn Hồng Bắc	Lao động, 2021, VN	0	Tư pháp quốc tế	199026	HK 2 năm thứ 3	
80	Giáo trình tư pháp quốc tế	TS. Bành Quốc Tuấn	CTQG, 2017, VN	10	Tư pháp quốc tế	199026	HK 2 năm thứ 3	
81	Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ (chủ biên)	CAND, 2018, VN	0	Luật Hôn nhân và gia đình	197022	HK 2, năm thứ 2	
82	Hướng dẫn học tập – tìm hiểu Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam	TS. Ngô Thị Hương (chủ biên)	Lao động, 2015, VN	10	Luật Hôn nhân và gia đình	197022	HK 2, năm thứ 2	
83	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014			Tài liệu số	Luật Hôn nhân và gia đình	197022	HK 2, năm thứ 2	
84	Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam	TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên)	CAND, 2022, VN	10	Luật Tổ tụng dân sự	197023	HK1 năm thứ 3	
85	Bình luận khoa học bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015	PGS.TS. Trần Anh Tuấn (chủ biên)	Tư pháp, 2017, VN	0	Luật Tổ tụng dân sự	197023	HK 1 năm thứ 3	
86	Bộ luật Tổ tụng dân sự nước CHXHCNVN			10	Luật Tổ tụng dân sự	197023	HK 1 năm thứ 3	
87	Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam	TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên)	CAND, 2019, VN	10	Luật Thi hành án dân sự	199019	HK 2 năm thứ 3	
88	Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014			10	Luật Thi hành án dân sự	199019	HK 2 năm thứ 3	
89	Giáo trình luật lao động Việt Nam, Tập 1	PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên)	CAND, 2022, VN	3	Luật Lao động	197026	HK 2, năm thứ 2	
90	Giáo trình luật lao động Việt	PGS.TS. Nguyễn	CAND, 2021.	0	Luật Lao động	197026	HK 2,	

	Nam, Tập 2	Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên)	VN				năm thứ 2	
91	Bình luận những điểm mới của Bộ luật lao động năm 2019	PGS.TS Trần Thị Thúy Lâm, TS. Đỗ Thị Dung	Lao động, 2021, VN	0	Luật Lao động	197026	HK 2, năm thứ 2	
92	Giáo trình luật thuế	Phạm Thị Giang Thu (chủ biên)	Tư pháp, 2020, VN	20	Pháp luật về thuế	197064	HK 1 năm thứ 3	
					Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	197072	HK 1 năm thứ 4	
93	Chính sách thuế, chính sách hỗ trợ người nộp thuế áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp	Tăng Bình - Ái Phương	Tài chính, 2022, VN	0	Pháp luật về thuế	197064	HK 1 năm thứ 3	
					Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	197072	HK 1 năm thứ 4	
94	Giáo trình luật đất đai	TS.Trần Quang Huy (Chủ biên)	CAND, 2022, VN	15	Luật Đất đai	197028	HK 1 năm thứ	
					Pháp luật về thu hồi đất	197069	HK 2 năm thứ 3	
95	Bình luận khoa học luật đất đai năm 2013	TS. Phạm Thị Hương Lan (Chủ biên)	Lao động, 2018, VN	0	Luật Đất đai	197028	HK 1 năm thứ 3	
96	Luật đất đai năm 2013, sửa			Tài	Luật Đất đai	197028	HK 1	

97	đổi, bổ sung năm 2018			liệu số			năm thứ 3	
					Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	197074	HK 1 năm thứ 4	
					Pháp luật về thu hồi đất	197069	HK 2 năm thứ 3	
98	Giáo trình luật thương mại quốc tế	PGS.TS Nông Quốc Bình	CAND, 2020, VN	Tài liệu số	Luật Thương mại quốc tế	199025	HK 2 năm thứ 3	
99	Giáo trình Tín dụng và thanh toán trong thương mại quốc tế,	TS. Trần Văn Hòe	ĐHKTQD, 2015, VN	Tài liệu số	Luật Thương mại quốc tế	199025	HK 2 năm thứ 3	
100	Inconterms 2010	PGS.TS Nguyễn Văn Hồng (người dịch)	TTTT, 2019, VN	3	Luật Thương mại quốc tế	199025	HK 2 năm thứ 3	
101	Giáo trình Luật An sinh xã hội	TS. Nguyễn Kim Phụng (chủ biên),	CAND, 2022	0	Luật An sinh xã hội	197042	HK 1 năm thứ 3	
102	Quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc		CTQG, 2016, VN	0	Luật An sinh xã hội	197042	HK 1 năm thứ 3	
103	Giáo trình luật đầu tư	Nguyễn Quý Trọng	Tư pháp, 2020, VN	Tài liệu số	Luật Đầu tư	197041	HK 1 năm thứ 3	
104	Luật đầu tư năm 2020			10	Luật Đầu tư	197041	HK1 năm thứ 3	
					Kỹ năng tư	197073	HK2 năm	

		(chủ biên)						
114	Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng, Tập 1	TS. Nguyễn Xuân Thu, ThS. Phạm Thị Thúy Hồng	Tư pháp, 2018, VN	5	Luật sư, công chứng	199010	HK 1 năm thứ 4	
115	Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	TS. Đoàn Thị Tô Uyên (chủ biên)	Tư pháp, 2017, VN	Tài liệu số	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	197060	HK 2 năm thứ 3	
116	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn về soạn thảo văn bản trong đơn vị hành chính sự nghiệp	Quý Lâm, Kim Phượng (tuyển chọn và hệ thống)	Hồng Đức, 2015, VN	6	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	197060	HK 2 năm thứ 3	
117	Nghị định của Chính phủ số 30/2020/NĐ-CP ngày 3/5/2020 về công tác văn thư			Tài liệu số	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	197060	HK 2 năm thứ 3	
118	Bộ Luật Dân sự năm 2015			10	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	197070	HK 2 năm thứ 3	
					Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	197076	HK 2 năm thứ 4	
119	Giáo trình kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình	PGS,TS. Nguyễn Hữu Chí	ĐH Mở Hà Nội, 2019,	0	Kỹ năng giải quyết tranh	197071	HK 2 năm thứ 3	

	công		VN		chấp lao động và đình công			
120	500 Câu hỏi và tình huống giải quyết các vướng mắc tranh chấp lao động	Luật sư, Ths. Nguyễn Thị Thu Hoài	Lao động, 2022, VN	0	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	197071	HK2 năm thứ 3	
121	Giáo trình luật chứng khoán	TS. Phạm Thị Giang Thu (chủ biên)	CAND, 2021, VN	0	Luật Chứng khoán	197044	HK 1 năm thứ 4	
122	Giáo trình pháp luật về thị trường chứng khoán	PGS.TS Lê Thị Thu Thủy (chủ biên)	ĐHQGHN, 2017, VN	0	Luật Chứng khoán	197044	HK 1 năm thứ 4	
123	Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản, Tập 1	TS. Nguyễn Xuân Thu, ThS. Lê Thị Hương Giang (Chủ biên)	Tư pháp, 2018, VN	0	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	199030	HK 1 năm thứ 4	
124	Văn bản hợp nhất 12/VBHN- VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Đấu thầu			Tài liệu số	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	199030	HK 1 năm thứ 4	
125	Luật đấu giá tài sản năm 2016.			10	Pháp luật về đấu giá, đấu thầu	199030	HK 1 năm thứ 4	
126	Những vấn đề pháp lý về Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lan Hương	CTQG, 2014, VN	0	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	197068	HK 1 năm thứ 4	
127	Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp	TS. Lê Thị Xuân (chủ biên)	Lao động, 2021, VN	0	Pháp luật về tài chính doanh	197068	HK 1 năm thứ 4	

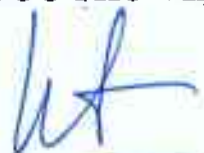
					ngiệp			
128	Tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Hữu Phước (chủ biên)	Tài chính, 2020, VN	0	Pháp luật về tài chính doanh ngiệp	197068	HK 1 năm thứ 4	
129	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của luật sư	TS. Nguyễn Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ	Tư pháp, 2018, VN	Tài liệu số	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	197074	HK 1 năm thứ 4	
					Kỹ năng tư pháp pháp luật trong lĩnh vực thương mại	197073	HK 2 năm thứ 3	
130	Pháp luật kinh doanh bất động sản	TS. Lưu Quốc Thái	Lao động, 2018, VN	0	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	197046	HK 2 năm thứ 3	
131	Bình luận khoa học Luật kinh doanh bất động sản hiện hành, sửa đổi bổ sung năm 2020	PGS.TS Nguyễn Quang Tuyến	CTQGST, 2020, VN	0	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	197046	HK 2 năm thứ 3	
132	Luật kinh doanh bất động sản năm 2014			10	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	197046	HK 2 năm thứ 3	
133	Giáo trình pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	PGS.TS. Phan Trung Hiền (chủ biên)	CTQGST, 2017, VN	0	Pháp luật về thu hồi đất	197069	HK 2 năm thứ 3	
134	Luật Thương mại 2005			Tài liệu số	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	197070	HK 2 năm thứ 3	

135	Bộ luật dân sự năm 2015			10	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại	197070	HK 2 năm thứ 3	
136	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật	TS. Phan Chí Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga	CAND, 2012, VN	Tài liệu số	Kỹ năng tư pháp pháp luật trong lĩnh vực thương mại	197073	HK 2 năm thứ 3	
137	Giáo trình bảo hiểm	PGS, TS. Đặng Văn Dân	Tài chính, 2015, VN	0	Luật Kinh doanh bảo hiểm	197066	HK 1 năm thứ 4	
138	Giáo trình kinh tế bảo hiểm	TS. Phạm Thị Định	ĐHKTQD, 2015, VN	Tài liệu số	Luật Kinh doanh bảo hiểm	197066	HK 1 năm thứ 4	
139	Chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng (quy định, thực tế và thiết kế giao dịch theo Bộ luật dân sự hiện hành)	Trương Thanh Đức (chủ biên),	CTQG, 2021, VN	10	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	197067	HK 1 năm thứ 4	
140	Giáo trình Thương mại điện tử	PGS.TS Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên)	Tài chính, 2019, VN	0	Pháp luật về thương mại điện tử	197075	HK2 năm thứ 4	
141	Thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Thị Thập, TS. Nguyễn Trần Hưng	TTTT, 2020, VN	0	Pháp luật về thương mại điện tử	197075	HK 2 năm thứ 4	
142	Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Nguyễn Thị Vân Anh	CAND, 2018, VN	0	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	197076	HK 2 năm thứ 4	

143	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010			Tài liệu số	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	197076	HK 2 năm thứ 4	
144	Giáo trình luật hải quan Việt Nam và Quốc tế	PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc	ĐHKTQD, 2008, VN	0	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	197077	HK 2 năm thứ 4	
145	Cẩm nang nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu, Luật quản lý ngoại thương và các quy định về thuế xuất khẩu nhập khẩu và khai báo hải quan	Nguyễn Hữu Đại (Hệ thống)	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2018, VN	0	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	197077	HK 2 năm thứ 4	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN


Lê Thanh Thủy

HIỆU TRƯỞNG


Hiệu Trưởng

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập phục vụ cho ngành Luật kinh tế

Danh mục thiết bị hỗ trợ, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Số người học/máy/tiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước SX, năm SX	Số lượng	Đơn vị				
A	Trang thiết bị phục vụ chung cho các ngành đào tạo							
1	Máy vi tính cho quản lý và học tập		1.085	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
2	Máy chiếu		255	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
3	Thiết bị thí nghiệm, thực hành		2.862	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
4	Ti vi		115	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
5	Máy photo		10	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
6	Máy in các loại		235	Chiếc	Tất cả các HP	Năm học		
B	Trang thiết bị phục vụ riêng cho ngành đào tạo cử nhân Luật, Luật kinh tế							
7	Phòng thực hành pháp luật							
7.1	Bàn của hội đồng xét xử		1	Chiếc	Các HP tổ chức diễn án, thực hành rèn nghề	Năm học		
7.2	Ghế của thành viên hội đồng xét xử		3	Chiếc				
7.3	Bục khai báo		1	Chiếc				
7.4	Hàng rào		1	Chiếc				
7.5	Bàn thư ký		1	Chiếc				

7.6	Ghế của thư ký		1	Chiếc				
7.7	Bàn công tác viên		1	Chiếc				
7.8	Ghế công tác viên		1	Chiếc				
7.9	Bàn luật sư		1	Chiếc				
7.10	Ghế luật sư		1	Chiếc				
7.11	Ghế của người tham gia tố tụng		2	Chiếc				
7.12	Ghế của người tham dự phiên tòa		20	Chiếc				

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 04 năm 2023

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Dung



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Lê Văn Minh

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 13/11/1977

Nơi sinh: Thị trấn Rừng Thông, Đông Sơn, Thanh Hóa

Quê quán: Thiệu Hưng, Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm, nước nhận học vị: năm 2013, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Chức vụ: Phó Trưởng Khoa

Đơn vị công tác: Khoa Lý luận chính trị - Luật

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khối 2, Thị trấn Rừng Thông, Đông Sơn, Thanh Hóa

Điện thoại liên hệ: 0978989696

Fax

E - mail: levanminh@hdu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Ngành học: Luật học

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2000

2. Sau đại học:

Thạc sĩ chuyên ngành: Luật Dân sự

Năm cấp bằng: 2013

Nơi đào tạo: Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tên đề tài luận văn: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

3. Trình độ ngoại ngữ

Tiếng Anh: Văn bằng 2

Mức độ sử dụng: Không thường xuyên

Ngoại ngữ khác:

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2005- nay	Khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường ĐH Hồng Đức	Giảng dạy Luật học

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia (Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng; Năm hoàn thành; Cấp quản lý; Trách nhiệm tham gia trong đề tài; Kèm theo bản photo minh chứng)

- Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: “Thực trạng thi hành luật phá sản doanh nghiệp năm 2004 tại Thanh Hóa”; năm 2013.

2. Các công trình khoa học đã công bố: Chỉ nêu các công trình từ 5 năm lại đây

- Thực trạng thi hành luật phá sản doanh nghiệp năm 2004 tại Thanh Hóa.

- Trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng dân sự.

- Nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên trường Đại học Hồng Đức trong giai đoạn hiện nay.

- Tạp chí Quản lý nhà nước: *Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã*, số 250 (11/2016).

- Tạp chí Quản lý nhà nước: *Đổi mới hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã*, số 254 (3/2017).

- Tạp chí Nghiên cứu lập pháp: *Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân xã*, số 3 (331) kỳ 1- tháng 2/2017.

- Tạp chí Kiểm sát: *Tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Việt Nam và Hội đồng địa phương ở Nhật bản, những điểm tương đồng và khác biệt*, số 05/2017.

- Tạp chí Quản lý nhà nước: *Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã*, số 293, tháng 6.

- Tạp chí Kiểm sát: *Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nước trên thế giới*, số tháng 12.

3. Các sách, giáo trình phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

- Sách tham khảo: *Pháp luật đại cương*, Ths. NCS Lê Văn Minh (chủ biên), 2016, Nxb. Lao động.

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 5 năm 2023

Người khai ký tên



Hoàng Thị Mai

Lê Văn Minh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In: *Law*
(Constitutional and administrative law)

Upon: *Mr. Le Van Minh*

Date of birth: 13 November 1977 Place of birth:

CHỨNG THỰC
Thanh Hóa,
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 431. Ngày 13 tháng 12 năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Ngành, chuyên ngành: *Luật*
(Luật hiến pháp và luật hành chính)

Cho: *Ông. Lê Văn Minh*

Sinh ngày: 13/11/1977 Tại: Thanh Hóa

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

GIÁM ĐỐC

CÔNG CHỨNG VIỆN

Trần Đình Hùng



GS. TS. Phạm Văn Đức

Doctoral authentication decision number: 238/QĐ-HVKKHXH Date: 21/01/2019

Serial number: HT 000699 Reference number: 11-19/LH

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số: 238/QĐ-HVKKHXH ngày: 21/01/2019
Số hiệu bằng: HT 000699. Số vào sổ cấp bằng: 11-19/LH

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: TRẦN THỊ THANH HUYỀN
- Ngày sinh: 14 / 09 /1986 Nơi sinh: NAM ĐỊNH Giới tính: nữ
- Chức danh khoa học (cả học hàm, học vị): Tiến sĩ
- Nhiệm vụ có chức danh: Giảng viên
- Điện thoại cố định: 04.37759040 Di động: 0388684168
- Email: tranhuyenlawyer@gmail.com

2. Quá trình đào tạo:

Năm đào tạo	Nơi đào tạo	Hình thức đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Học vị được cấp
2004-2008	Trong nước	Tập trung	Đại học Luật Hà Nội	Luật Hành chính	Cử nhân
2012-2014	Trong nước	Không tập trung	Học viện Khoa học xã hội	Luật Kinh tế	Thạc sĩ
2016-2020	Trong nước	Không tập trung	Đại học luật Hà Nội	Luật Kinh tế	Tiến sĩ

3. Quá trình bồi dưỡng:

Năm bồi dưỡng	Nơi bồi dưỡng	Thời gian bồi dưỡng	Tên cơ sở bồi dưỡng	Nội dung bồi dưỡng	Chứng chỉ/chứng nhận
2010	Trong nước	1 tháng	Đạo học giáo dục	Nghệp vụ sư phạm	Chứng chỉ
2012	Trong nước	5	Trường cán bộ phụ nữ Trung ương	Bồi dưỡng chuyên ngành dành cho cán bộ làm công tác Tuyên truyền – giáo dục	Chứng nhận
2012	Trong nước	5	Trường cán bộ phụ nữ	Bồi dưỡng chuyên ngành dành	Chứng nhận

			Trung ương	cho cán bộ làm công tác Gia đình – xã hội	
2014	Trong nước	6 tháng	Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn	Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH	Chứng nhận
2017	Trong nước	1 tháng	Trường Đại học Giáo Dục	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính	Chứng chỉ

4. Quá trình công tác:

Thời gian (từ...đến...)	Cơ quan công tác	Địa chỉ và Điện thoại	Chức vụ	Nhiệm vụ chuyên môn chính
2008 – 2012	Trung tâm nghiên cứu – Trường cán bộ phụ nữ Trung ương	68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Nghiên cứu viên Phó Bí thư, Bí thư ĐTN TTNCNP	Nghiên cứu viên
2012-2014	Khoa công tác xã hội – Học viện phụ nữ Việt Nam	68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Giảng viên Phó Bí Thư Chi đoàn đào tạo	Giảng viên
2014-2015	Bộ môn Luật Khoa học cơ bản – Học viện phụ nữ Việt Nam	68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Giảng viên Phó Bí thư chi đoàn đào tạo; Phó Bí thư Đoàn thanh niên	

			Học viện PNVN	
2015-2016	Khoa Luật – Học viện phụ nữ Việt Nam	68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Giảng viên Phó Bí thư chi đoàn đào tạo; Phó Bí thư Đoàn thanh niên Học viện PNVN	Giảng viên
2016-2021	Khoa Luật – Học viện phụ nữ Việt Nam	68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Bí thư Chi đoàn Đào tạo, Trưởng ban thanh tra ND Học viện, UV BCH Đoàn TN	Giảng viên
2021- 17/2022	Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn – Cục Sở hữu trí tuệ	386 Nguyễn Trãi		Chuyên viên

4. Ngoại ngữ

Ngoại ngữ	Bằng cấp, chứng chỉ cao nhất được cấp	Thời gian cấp	Cơ sở cấp
Tiếng Anh	Toiec B1	2019 2015	Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia
Ngoại ngữ khác	Hàn	2013	Cao đẳng tekumire – Hàn Quốc

Đánh giá năng lực ngoại ngữ của bản thân hiện nay B1.....

5. Kinh nghiệm và thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học

5.1. Các môn học, chuyên đề đã tham gia giảng dạy trong 5 năm gần đây:

Môn học/chuyên đề	Đối tượng học	Nơi giảng dạy
Pháp luật đại cương	Sinh viên, học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam Đại học Hòa Bình Đại học lao động xã hội
Pháp luật doanh nghiệp/thương mại/kinh tế, luật sở hữu trí tuệ	Sinh viên	Học viện phụ nữ Việt Nam Đại học Hòa Bình

		Viện Đại học Mở Hà Nội
Pháp luật kinh tế	Sinh viên	Học viện phụ nữ Việt Nam
Pháp luật về các vấn đề xã hội	Cán bộ, học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam
Pháp luật về giám sát và phản biện xã hội	Cán bộ, học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam
Chuyên đề Luật hôn nhân và gia đình	Học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam
Chuyên đề quyền và nghĩa vụ của phụ nữ trong pháp luật Việt Nam	Học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam
Chuyên đề pháp luật về Bình đẳng giới	Học viên	Học viện phụ nữ Việt Nam

5.2. Hướng/lĩnh vực nghiên cứu khoa học chính đã và đang quan tâm/thực hiện trong 5 năm gần đây:

Nghiên cứu pháp luật về doanh nghiệp, thương mại và sở hữu trí tuệ phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu. Nghiên cứu các vấn đề về giới, phụ nữ, công tác cán bộ nữ phục vụ cho quá trình công tác.

5.3. Danh sách đề tài/dự án/công trình nghiên cứu khoa học đã thực hiện trong 5 năm gần đây:

TT	Tên đề tài/dự án/công trình nghiên cứu	Cơ quan phê duyệt/giao nhiệm vụ khoa học	Thời gian thực hiện	Vai trò tham gia
1	Hiệu quả mô hình phòng chống bạo lực cho phụ nữ tại Hà Nội	Học viện PNVN	2012-2013	Thành viên
2	Thực trạng và giải pháp hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tại Hà Nội	Học viện PNVN	2014-2015	Thành viên
3	Chính sách đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao miền Bắc Việt Nam	Học viện PNVN	2014-2015	Thư ký
4	Pháp luật về điều kiện kinh doanh tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới	Đại học Luật Hà Nội	2017-2018	Thành viên
5	Khả năng ứng phó nghề nghiệp của lao động trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Học viện PNVN	2018-2019	Thành viên
6	Sửa đổi bổ sung Luật Thương mại trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế - Luật thương mại 2005,	Đại học Luật Hà Nội	2019 – 2020	Thành viên

thực tiễn và yêu cầu sửa đổi.			

5.4. Kết quả nghiên cứu đã được công bố hoặc đăng ký trong 5 năm gần đây

5.4.1 Bài báo khoa học trên tạp chí/hội thảo

Tên bài báo	Tên tạp chí đã đăng	Loại tạp chí	Thời gian đăng
Tiêu chí xác định nhãn hiệu nổi tiếng	Tạp chí dân chủ và pháp luật	ISSN	2014
Chính sách đào tạo nghề cho lao động nữ ở miền Bắc Việt Nam	Giáo dục và xã hội	ISSN	2015
Chính sách pháp luật của Việt Nam về hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp	Hội thảo khoa học quốc gia giới trong phát triển bền vững	ISBN	2017
Pháp luật cạnh tranh về bán hàng đa cấp bất chính tại Việt Nam	Tạp chí khoa học Học viện phụ nữ Việt Nam	ISSN: 2615-9007	2018
Bảo đảm quyền được làm việc của phụ nữ khuyết tật	Hội thảo khoa học quốc tế: công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em	ISBN	2018
Cách mạng 4.0 và việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với doanh nghiệp nữ tại Việt Nam	Hội thảo khoa học quốc gia	ISBN	2018
Pháp luật về đầu tư kinh doanh tại Việt Nam	Tạp chí dân chủ và pháp luật	ISSN	2019

Khuyến khích sự tham gia lãnh đạo, quản lý của phụ nữ trong chính trị tại Việt Nam, nhìn từ góc độ luật pháp chính sách	Hội thảo cấp Học viện		2019
Quản trị Tài sản trí tuệ trong các Cơ sở giáo dục tại Việt Nam hiện nay	Hội thảo tại Đại Học Nha Trang		2019
Một số vấn đề lý luận về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong thương mại điện tử	Tạp chí dân chủ pháp luật	ISSN	2019
Hoàn thiện pháp luật về hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong môi trường thương mại điện tử	Tạp chí giáo dục và xã hội	ISSN	2020

5.4.2 Sách đã xuất bản hoặc tài liệu đã được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

Tên sách/ tài liệu	Năm xuất bản/ nghiệm thu	Loại sách/ tài liệu	Vai trò tham gia
1.Pháp luật đại cương	2014	Tập bài giảng	Thành viên
2.Pháp luật về bình đẳng giới	2019	Tập bài giảng	Thành viên

3. Giới trong kinh tế quản trị		Giáo trình	Thành viên

Tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp trong lý lịch khoa học này /.

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ QUAN CÔNG TÁC**



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

ngày 18. tháng 07. năm 2022
NGƯỜI KHAI LÝ LỊCH

TS. Trần Thị Thanh Huyền

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

THE DEGREE OF
DOCTOR OF LAWS

ECONOMIC LAW

HANOI LAW UNIVERSITY

has conferred

Upon: *Ms Tran Thi Thanh Huyen*

Date of birth: *14 September 1986*

Given under the seal of
Hanoi Law University



349-NCSK22A-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG TIẾN SĨ LUẬT

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

cấp

Cho: *Bà Trần Thị Thanh Huyền*

Sinh ngày: *14/09/1986*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 74 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 10-08-2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022



TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

T.S. Đoàn Trung Kiên

Số hiệu: HLU 0076

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 349-NCSK22A-2022

NGHIÊN CỨU SINH HỆ TIỀN SĨ

BẢNG TỐT NGHIỆP

Ông/bà: **NGUYEN VAN THU**

Sinh ngày: 06/06/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Thời gian học: Từ tháng 09/2012 đến tháng 01/2016

Chuyên ngành: **Mậu dịch (Thương mại) Quốc tế**

(Ảnh)

Trong thời gian 03 năm học tập đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu sinh hệ Tiến sĩ theo kế hoạch quy định, thành tích đạt yêu cầu, đã thông qua phân bảo vệ luận văn, nay được phép tốt nghiệp.

Hiệu (Viện) trưởng: **Phan Nhật Sơn** (Đã ký)Đơn vị đào tạo: **Trường Đại học Liêu Ninh** (Đã đóng dấu)Số hiệu Bảng: **101409201601010002**

Ngày 06 tháng 1 năm 2016

Tôi, **Hà Văn Tuấn** – Giấy chứng minh nhân dân số: 172786199, do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2004, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Trung sang tiếng Việt.

Ngày 19 tháng 01 năm 2016

Người dịch


Hà Văn Tuấn

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày mười chín (19), tháng một (01), năm hai nghìn mười sáu (2016)

Tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa,

Tôi, **Nguyễn Thị Hằng** - Công chứng viên Phòng công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do ông Hà Văn Tuấn, cộng tác viên phiên dịch của Phòng công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Hà Văn Tuấn;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Bản dịch gồm: 01 tờ, 01 trang, lưu một bản tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa.

Số công chứng: quyền số: TP/CC-SCC/BD.

Ngày 18-11-2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

CHỦ TỊCH
LÊ HỒNG TUẤNCÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Hằng

博士研究生 毕业证书



NGUYEN VAN THU 先生/女士，国籍 越南 1974年 6 月 6 日生，

于 2012 年 9 月至 2016 年 1 月在 国际贸易学 专业

学习，学制 3 年，修完博士研究生培养计划规定的全部课程，成绩合格，

毕业论文答辩通过，准予毕业。

校（院、所）长：

培 养 单 位：

证书编号：101409201601010002

2016年 1 月 6 日

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: 1014022015000107 Ngày cấp: 30/12/2015

Do: **Trường Đại học Liêu Ninh, Trung Quốc**

Cấp cho: **Nguyễn Văn Thụ**

Ngày sinh: 09-11-2022 6 tháng 6 năm 1974

Nơi sinh: **Thanh Hóa**

Là bằng tốt nghiệp: **Tiến sĩ**

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15 tháng 11 năm 2016



CÔNG CHỨNG VÀ

Nguyễn Xuân Bình



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số: 0120601/CMB.TS

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ					
2. Năm sinh: 1974		3. Nam/Nữ: Nam			
4. Học hàm: Học vị: Tiến sĩ		Năm được phong: Năm đạt học vị: 2015			
5. Lĩnh vực nghiên cứu trong 5 năm gần đây:					
Khoa học Tự nhiên ☐	Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ ☐	Khoa học Y dược ☐			
Khoa học Nông nghiệp ☐	✓ Khoa học Xã hội và Nhân văn				
6. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ hiện nay: PBT chi bộ, Trưởng bộ môn					
7. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Văn Thụ, Khoa Lý luận chính trị - Luật					
Điện thoại NR: 0913042151		; CQ: ; Mobile: ; E-mail: nguyenvanthu@hdu.edu.vn			
8. Cơ quan công tác:					
Tên cơ quan: Trường Đại học Hồng Đức					
Tên người đứng đầu: PGS.TS Bùi Văn Dũng					
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ: Số 565 Quang Trung - Phường Đông Vệ - Tp. Thanh Hóa,					
Điện thoại: (037)3910.222		; Fax: (037)3910475 Website: www.hdu.edu.vn			
9. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp		
Đại học	ĐHSP Hà nội I	Kinh tế chính trị	1996		
Thạc sĩ	ĐH QG Hà nội	Kinh tế chính trị	2004		
Tiến sĩ	ĐH Liêu Ninh TQ	Kinh tế học	2015		
10. Trình độ ngoại ngữ:					
TT	Tên ngoại ngữ	Trình độ A	Trình độ B	Trình độ C	Khác
	Tiếng Anh		x		
	Tiếng Pháp		x		
	Tiếng Hán				Cấp độ 4
11. Quá trình công tác					
Thời gian (từ năm... đến	Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác		

năm...)			
1996 đến 1997	Giảng viên	Kinh tế chính trị	Cao đẳng SP Thanh Hóa
1997 đến nay	Giảng viên	Kinh tế chính trị,	Đại học Hồng Đức

12. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố, sách chuyên khảo
(liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng/ nhà xuất bản)	Năm công bố
I	Tạp chí quốc tế			
	Đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí khoa học - xã hội Trung Quốc	05/ 2015
II	Tạp chí quốc gia			
1	Giải quyết việc làm cho người dân nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa	Tác giả	Tạp chí khoa học Miền Trung	2016
2	Một số quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế	Tác giả	Tạp chí Đại học Hồng Đức	2017
3	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI) đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 đến nay.	Tác giả	Tạp chí Đại học Hồng Đức	Số 48/2020
II	Tài liệu giảng dạy, sách chuyên khảo			
1	Kinh tế sáng tạo ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp phát triển	Đồng tác giả	NXB Lao động 2021	

**13. Số lượng văn bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích/ văn bằng bảo hộ
giống cây trồng/ thiết kế bố trí mạch tích hợp đã được cấp (nếu có)**

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		

14. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)
Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài(FDI) đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 đến nay	2018-2019		Khá

16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm, ...)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1		

17. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN (số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp quốc gia hoặc tương đương trong và ngoài nước đã tham gia trong 5 năm gần đây)

TT	Hình thức Hội đồng	Số lần
1		

18. Cao học viên hoặc nghiên cứu sinh đã hướng dẫn bảo vệ thành công (nếu có)

TT	Họ và tên	Hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn	Đơn vị công tác	Năm bảo vệ thành công
1	Hoàng Tuấn Tú	Hướng dẫn	Ngân hàng Agribank Bá Thước	2021

Tôi xin cam đoan những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Xác nhận của cơ quan

P. Hiệu trưởng



Hoàng Thị Mai

Người khai ký tên

Nguyễn Văn Thụ

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Đới Thị Thêu

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 30/03/1982

Nơi sinh: Đồng Sơn - Nam Trực – Nam Định

Quê quán: Đồng Sơn - Nam Trực – Nam Định

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sỹ.

Năm, nước nhận học vị: 2018, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất: Tiến sỹ

Chức vụ: Giảng viên, Trợ lý KH&NV

Đơn vị công tác: Khoa Lý luận chính trị - Luật

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 38, Trần Nguyên Hãn, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa.

Điện thoại liên hệ: 0946 302 888

Fax

E - mail: doithitheu@hdu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Đại học Khoa học – Huế

Ngành học: Triết học

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2006

2. Sau đại học:

- *Thạc sỹ chuyên ngành:* Triết học

Năm cấp bằng: 2012

Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Hà Nội

Tên đề tài luận văn: Quan niệm chân lý trong triết học Hêghen và triết học Mác – Lênin

- *Tiến sỹ chuyên ngành:* CNDVBC&CNDVLS

Năm cấp bằng: 2019

Nơi đào tạo: Học viện khoa học xã hội Việt Nam

Tên đề tài luận án: Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về chân lý và ý nghĩa hiện thời của nó.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: B2 (Khung tham chiếu châu Âu)

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2007- 2013	Bộ môn Chính trị - Luật, CĐ Công nghiệp Nam Định	Giảng viên
2013 - Nay	Khoa Lý luận chính trị - Luật trường ĐH Hồng Đức.	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên Đề tài	Chủ nhiệm đề tài/ cộng tác viên	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)
1.	Số: /QĐ-... ngày .../.../20 Mã số:	Cấp Bộ	Biện pháp giáo dục giá trị cho nữ sinh viên đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa	Mai Thị Quý/Đới Thị Thêu; Nguyễn Phan Vũ; Nguyễn Thị Hồng;	Số.../QĐ-ĐHHD Ngày .../.../20	/ /20
2.	HĐ Số: 568 /HĐ-ĐHHD ngày 30/11/2018 Mã số: ĐT – 2018 - 36	Cấp cơ sở	Giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở huyện Ngọc Lặc	Đới Thị Thêu/Nguyễn Thị Hồng; Nguyễn Thị Chinh; Bùi Thị Hằng	Số 243/QĐ-ĐHHD Ngày 19/03/2020	28/03/2020

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Đới Thị Thêu (2011), <i>Quan niệm của Gi.V.Ph. Hêghen về khái niệm chân lý trong "Khoa học logic"</i>	Tạp chí
2.	Đới Thị Thêu (2014), <i>Quan niệm chân lý là một quá trình "Khoa học logic" của Hêghen</i>	Tạp chí
3.	Đới Thị Thêu (2015), <i>"Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay"</i>	Tạp chí
4.	Đới Thị Thêu (2016), <i>"Sự phát triển quan điểm "chân lý là một quá trình" từ G.W.F.Hêghen đến C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin"</i>	Tạp chí
	Đới Thị Thêu (2017), <i>"Một số quan niệm tiêu biểu về chân lý trong triết học phương Tây trước Mác"</i>	Tạp chí
6.	Đới Thị Thêu (2017), <i>"Những điều kiện, tiền đề và các giai đoạn hình thành quan niệm chân lý của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin"</i>	Tạp chí
7.	Đới Thị Thêu (2018), <i>"Nhận thức quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh nền kinh tế tri thức hiện nay"</i>	Tạp chí
8.	Đới Thị Thêu (2019), <i>"Thực trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở huyện Ngọc Lặc hiện nay – Một số đề xuất, kiến nghị"</i>	Tạp chí
9.	Đới Thị Thêu (2020), <i>Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về chân lý và ý nghĩa hiện thời của nó</i> , Nxb. Khoa học xã hội.	Sách

Xác nhận của cơ quan



Hoàng Thị Mai

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người khai ký tên

Đới Thị Thêu

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers
**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In: *Philosophy*
(Dialectical and historical materialism)

Upon: *Ms. Doi Thi Theu*

Date of birth: 30 March 1982 Place of birth: *Nam Định*



CÔNG CHỨNG VIỆN
Lại Văn Thanh



BẢN SẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp
BẰNG TIẾN SĨ

CHỨNG THỰC BẢN CÔNG ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH ngành, chuyên ngành: *Triết học*
Số chứng thực: *58/2* ngày *01/03/2023* SCT/BS (Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử)

NGÀY: *28/03-2023*

Cho: *Bà. Đới Thị Thêu*

Sinh ngày: 30/03/1982 Tại: *Nam Định*

Hà Nội, ngày *04* tháng *05* năm *2019*

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Văn Đức

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 26/11/1986

Nơi sinh: Phường Đông Tân, T.P Thanh Hóa, T. Thanh Hóa

Quê quán: Phường Đông Tân, T.P Thanh Hóa, T. Thanh Hóa

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: năm 2021, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Chức vụ: Trưởng Bộ môn Luật - Khoa LLCT - Luật

Đơn vị công tác: Khoa Lý luận chính trị - Luật

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Chung cư 379, phố Bào Ngoại, phường Đông Hương, t.p Thanh Hóa

Điện thoại liên hệ: 0973.058.412

Fax

E - mail: nguyenthihuyenct@hdu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Ngành học: Luật học

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2009

2. Sau đại học:

- *Thạc sĩ chuyên ngành:* Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Năm cấp bằng: 2014

Nơi đào tạo: Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tên đề tài luận văn: *Tư tưởng phân quyền và sự vận dụng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

- *Tiến sĩ chuyên ngành:* Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Năm cấp bằng: 2021

Nơi đào tạo: Học viện khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Tên đề tài luận án: *Mối quan hệ giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay.*

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Trình độ B2

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ tháng 9/2009 đến nay	Khoa LLCT – Luật	Giảng dạy tại Khoa LLCT-Luật
Từ 02/2014 đến tháng 02/2017	Khoa LLCT – Luật	Ủy viên ban chấp hành chi đoàn khoa LLCT – Luật
Từ tháng 2/2017 đến 2/2020	Khoa LLCT – Luật	Bí thư chi đoàn CBGV khoa LLCT – Luật
Từ 10/2017 đến nay	Khoa LLCT – Luật	Phó trưởng Bộ môn Luật
Từ tháng 08/2022 đến nay	Khoa LLCT – Luật	Chi ủy viên - chi bộ Khoa LLCT - Luật

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên Đề tài	Chủ nhiệm đề tài/cộng tác viên	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
1.	Số: 2221/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/11/2021	Đề tài cấp cơ sở	Nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Chủ nhiệm đề tài			Đang thực hiện

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Lê Văn Minh (2015) (sách), <i>Pháp luật đại cương</i> , Nxb. Lao Động	Đồng tác giả Sách tham khảo
2.	Nguyễn Thị Huyền (2015), <i>Nâng cao ý thức chấp hành Luật Giao thông</i>	Tạp chí

	đường bộ cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, tháng 6, tr.52 - 54.	
3.	Nguyễn Thị Huyền (2015), Về công tác quản lý giáo dục đối tượng chấp hành án phạt tù cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ, Tạp chí Kiểm sát số 12, tháng 6, tr.53 - 55.	Tạp chí
4.	Nguyễn Thị Huyền (2016), Quyền con người - điểm sáng trong Hiến pháp năm 2013 và việc thực thi ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí khoa học-Trường Đại học Hồng Đức, số đặc biệt tháng 4, tr.88 - 95	Tạp chí
5.	Nguyễn Thị Huyền (2017), Kiểm soát quyền hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí khoa học-Trường Đại học Hồng Đức, số tháng 4, tr.84 - 92.	Tạp chí
6.	Nguyễn Thị Huyền (2020), Bảo đảm mối quan hệ giữa quyền hành pháp và quyền tư pháp trong thực hiện quyền lực nhà nước, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 288, tháng 1, tr.77 - 81.	Tạp chí
7.	Nguyễn Thị Huyền (2020), Hoạt động kiểm soát giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong thực hiện quyền lực nhà nước, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 289, tháng 2, tr.39 - 43.	Tạp chí
8.	Nguyễn Thị Huyền (2021), Các yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong thực hiện QLNN ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9, tr.17 - 20.	Tạp chí

Xác nhận của cơ quan
ĐAN
P. Hiệu trưởng
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
★
Hoàng Thị Mai

Thanh Hóa, ngày 1 tháng 6 năm 2023

Người khai ký tên

Nguyễn Thị Huyền

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers
**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

IN
Law
(Constitutional and administrative law)

Upon: *Ms. Nguyen Thi Huyen*

Date of birth: 26 November 1986 Place of birth: Thanh Hoa

TL. GIÁM ĐỐC
KT/CHẠNH VĂN PHÒNG
P. CHẠNH VĂN PHÒNG

HỌC VIỆN
KHOA HỌC
XÃ HỘI

TS. Nguyễn Ngọc Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
cấp

BẰNG TIẾN SĨ

NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH: *Luật*
(Luật hiến pháp và luật hành chính)

Cho: *Bà Nguyễn Thị Huyền*

Sinh ngày: 26/11/1986 Tại: Thanh Hóa

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh

cấp bằng số: 2286/QĐ-HVKKHXH

06/2021

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng Đề án mở ngành Luật kinh tế trình độ đại học

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức báo cáo kết quả như sau:

Hội đồng Trường đã ban hành Nghị quyết số 06/QN-HĐT ngày 20/3/2023 về việc thông qua chủ trương mở ngành Luật kinh tế, trình độ đại học;

Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 287/QĐ-ĐHHĐ, ngày 28/02/2023 về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành Luật kinh tế trình độ đại học; Quyết định số 288/QĐ-ĐHHĐ, ngày 28/02/2023 về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT mở ngành Luật kinh tế trình độ đại học;

Ngày 11/4/2023, tại Trường Đại học Hồng Đức, Hội đồng thẩm định CTĐT (thành lập theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/3/2023 của Hiệu trưởng) đã tiến hành họp thẩm định CTĐT ngành Luật kinh tế, trình độ đại học; **kết quả 5/5 thành viên của Hội đồng đã thống nhất thông qua** với một số đề nghị chỉnh sửa, bổ sung theo kiến nghị của các thành viên Hội đồng.

Hội đồng xây dựng CTĐT đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và đã được xác nhận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Ngày 05/5/2023, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức nhiệm kỳ 2019-2024 đã họp và thống nhất thông qua CTĐT và Đề án mở ngành Luật kinh tế trình độ đại học (24/24 đồng ý thông qua).

Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 1432/QĐ-ĐHHĐ, ngày 25/5/2023 về việc phê duyệt CTĐT ngành Luật kinh tế trình độ đại học.

Trong 03 năm từ 2021-2023, Trường Đại học Hồng Đức không vi phạm quy định về quy chế tuyển sinh và đào tạo các hình thức, trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Hồng Đức cam kết thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành Luật kinh tế trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành Luật kinh tế (mã số 7380107) trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, thực hiện chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Lý luận chính trị - Luật và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng